

**VIỆN HÀN LÂM KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM
HỌC VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI**

BÙI ĐỨC TUẤN

**TỘI VI PHẠM QUY ĐỊNH VỀ BẢO VỆ ĐỘNG VẬT NGUY CẤP,
QUÝ, HIẾM TÙ THỰC TIỄN TỈNH QUẢNG NINH**

**Ngành: Luật Hình sự và Tổ tụng hình sự
Mã số: 8380104**

LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT HÌNH SỰ VÀ TỔ TỤNG HÌNH SỰ

Người hướng dẫn khoa học: TS. Nguyễn Trí Tuệ

HÀ NỘI, 2018

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan Luận văn là công trình nghiên cứu của riêng tôi. Các kết quả nêu trong Luận văn chưa được công bố trong bất kỳ công trình nghiên cứu nào khác. Các số liệu, ví dụ và trích dẫn trong Luận bản đảm bảo tính chính xác, tin cậy và trung thực.

Người cam đoan

Nguyễn Trà My

DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT

Chữ viết tắt

TTHC

UBND

QPPL

Chữ viết đầy đủ

Thủ tục hành chính

Ủy ban nhân dân

Quy phạm pháp luật

MỞ ĐẦU

MỞ ĐẦU	1
Chương 1: NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ TỘI VI PHẠM QUY ĐỊNH VỀ BẢO VỆ ĐỘNG VẬT NGUY CẤP, QUÝ, HIẾM.....	5
1.1. Khái quát lịch sử pháp luật hình sự về Tội vi phạm quy định về bảo vệ động vật nguy cấp, quý, hiếm	5
1.2. Các dấu hiệu pháp lý của Tội vi phạm quy định về bảo vệ động vật nguy cấp, quý, hiếm	11
Chương 2: THỰC TIỄN ÁP DỤNG QUY ĐỊNH VỀ TỘI VI PHẠM QUY ĐỊNH VỀ BẢO VỆ ĐỘNG VẬT NGUY CẤP, QUÝ, HIẾM TẠI TỈNH QUẢNG NINH	29
2.1. Một số đặc điểm về kinh tế - xã hội và tình hình tội phạm tại Quảng Ninh trong thời gian qua	29
2.2. Thực tiễn định tội danh tội vi phạm quy định về bảo vệ động vật nguy cấp, quý, hiếm tại tỉnh Quảng Ninh	33
2.3. Thực tiễn quyết định hình phạt tội vi phạm quy định về bảo vệ động vật nguy cấp, quý, hiếm tại tỉnh Quảng Ninh	48
Chương 3: MỘT SỐ BIỆN PHÁP BẢO ĐẢM ÁP DỤNG ĐÚNG TỘI VI PHẠM QUY ĐỊNH VỀ BẢO VỆ ĐỘNG VẬT NGUY CẤP, QUÝ, HIẾM.....	60
3.1. Biện pháp hoàn thiện pháp luật hình sự.....	60
3.2. Biện pháp hướng dẫn áp dụng pháp luật hình sự	65
3.3. Biện pháp tổng kết thực tiễn xét xử và ban hành án lệ tội vi phạm quy định về bảo vệ động vật nguy cấp, quý, hiếm	67
3.4. Biện pháp nâng cao bản lĩnh chính trị và nâng cao trình độ, năng lực cho đội ngũ cán bộ áp dụng pháp luật	68
3.5. Biện pháp tăng cường phối hợp giữa các cơ quan chức năng	70
3.6. Biện pháp tuyên truyền giáo dục	70
KẾT LUẬN	72
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO.....	73

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Việt Nam là một trong những quốc gia có hệ đa dạng sinh học cao trên thế giới, theo Báo cáo quốc gia về Đa dạng sinh học năm 2011 của Bộ Tài nguyên và Môi trường, Việt Nam là nơi cư trú của khoảng 10.300 loài động vật trên cạn, trong đó có khoảng 7.700 loài côn trùng, 317 loài bò sát trên cạn, 21 loài bò sát biển, 840 loài chim, 312 loài thú trên cạn và 25 loài thú biển, 167 loài lưỡng cư [6].

Trong những năm gần đây, Việt Nam trở thành điểm nóng về buôn bán và sử dụng sản phẩm từ động vật nguy cấp, quý, hiếm. Tình trạng sử dụng ngà voi, sừng tê giác cũng như giết hại các loài động vật nguy cấp, quý hiếm để phục vụ cho các bữa tiệc đã trở thành thói quen xấu trong sinh hoạt, tiêu dùng của người dân. Hậu quả của việc săn bắt, buôn bán trái phép cũng như sử dụng không bền vững các loài động vật quý, hiếm đã gây ảnh hưởng trực tiếp đến sự tồn tại của nhiều quần thể các loài động vật quý, hiếm trong tự nhiên. Nhiều loài thú có giá trị đặc biệt về khoa học, kinh tế và môi trường đã từng là biểu tượng của nhiều vùng đã bị tuyệt chủng do áp lực khai thác, sử dụng bất hợp pháp như Hổ, Tê giác một sừng, Hươu vàng, Nai Cà-toong ... Thực trạng này đã ảnh hưởng trực tiếp đến sự bền vững của môi trường thiên nhiên và sự đa dạng sinh học trong nước cũng như ảnh hưởng đến việc thực hiện những Điều ước Quốc tế về bảo tồn đa dạng sinh học mà Việt Nam là thành viên. Nhiều vụ án về săn bắt, giết, buôn bán, tàng trữ, vận chuyển động vật nguy cấp, quý, hiếm được đã được phát hiện và đưa ra xét xử, nhưng tình trạng tội phạm về động vật nguy cấp, quý, hiếm vẫn không có chiều hướng thuyên giảm. Bên cạnh đó, thực tiễn áp dụng pháp luật khi xét xử loại tội phạm này vẫn còn nhiều vướng mắc trong việc định tội danh và quyết định hình phạt. Bởi vậy việc triển khai nghiên cứu đề tài ***“Tội vi phạm quy định về bảo vệ động vật nguy cấp, quý, hiếm từ thực tiễn tỉnh Quảng Ninh”*** trong bối cảnh hiện nay là hết sức cần thiết và có ý nghĩa thực tiễn.

2. Tình hình nghiên cứu đề tài

Cho đến nay, đã có một số nghiên cứu khoa học có liên quan đến đề tài này, có thể nêu ra một số công trình tiêu biểu như:

2.1. Về sách tham khảo, giáo trình

- Bình luận khoa học Bộ luật Hình sự (Phần các tội phạm), Ths Đinh Văn Quế, Nxb Tổng hợp thành phố Hồ Chí Minh, năm 2005.

- Giáo trình sau Đại học: Luật Hình sự Việt Nam (Phần các tội phạm), GS.TS Võ Khánh Vinh (Chủ biên), Nxb Khoa học xã hội, năm 2014.

- Giáo trình Luật Hình sự Việt Nam, Trường Đại học Luật Hà Nội, Nxb Công an nhân dân, năm 2017.

- Bình luận khoa học Bộ luật Hình sự (Phần các tội phạm), GS.TS Nguyễn Ngọc Hòa (Chủ biên), Nxb Tư pháp, năm 2018;

2.2. Các công trình nghiên cứu và các tham luận của các chuyên gia

- Vũ Hải Đăng (2012), *Tội vi phạm các quy định về bảo vệ động vật thuộc danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ trong luật Hình sự Việt Nam*, Luận văn thạc sĩ, Đại Học Quốc gia, Hà Nội.

- Bùi Thị Hà (2015), *Pháp luật về bảo vệ động vật hoang dã ở Việt Nam*, Luận văn thạc sĩ, Đại học quốc gia Hà Nội.

- Đào Quang Hiếu (2016), *Tội vi phạm các quy định về bảo vệ động vật thuộc danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ theo pháp luật hình sự Việt Nam từ thực tiễn thành phố Hà Nội*, Luận văn Thạc sĩ, Học viện Khoa học xã hội.

- Trần Thị Hải (2018), *Tội vi phạm quy định về bảo vệ động vật nguy cấp, quý, hiếm*, Luận văn Thạc sĩ, Học viện Khoa học xã hội.

- Tiến sĩ Phạm Minh Tuyên – Chánh án Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh (2014), *Tội vi phạm các quy định về bảo vệ động vật thuộc danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ - Thực tiễn xét xử ở Việt Nam và một số kiến nghị* Tham luận tại Hội thảo về tăng cường công tác đấu tranh với các tội phạm về động vật hoang dã do Trung tâm giáo dục thiên nhiên Việt Nam (ENV) tổ chức tại Hà Nội.

- Nguyễn Đức Hạnh - Trường Đại học Kiểm sát Hà Nội (2018), *Những khó khăn, vướng mắc trong công tác truy tố các vụ án về động vật hoang dã, quý, hiếm* Tham luận tại Hội thảo nâng cao hiệu quả đấu tranh, phòng ngừa tội phạm, vi phạm pháp luật về động vật hoang dã, quý hiếm ở Việt Nam do Ủy ban Tư pháp của Quốc hội và Cơ quan phát triển Quốc tế Hoa Kỳ (USAID) đồng phối hợp tổ chức tại Hải Phòng.

Nhìn chung các công trình nghiên cứu khoa học nêu trên đã có những nghiên cứu về chính sách và pháp luật, về lý luận và thực tiễn ở nhiều cấp độ khác nhau. Tuy nhiên chưa có công trình nào nghiên cứu về Tội vi phạm quy định về bảo vệ

động vật nguy cấp, quý, hiếm từ thực tiễn xét xử tại Quảng Ninh.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

3.1. Đối tượng nghiên cứu

Luận văn nghiên cứu Tội vi phạm quy định về bảo vệ động vật nguy cấp, quý, hiếm theo quy định của BLHS năm 2015 đặt trong tương quan so sánh với quy định của BLHS năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009) và thực tiễn xét xử loại tội phạm này trước thời điểm BLHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) có hiệu lực.

3.2. Phạm vi nghiên cứu

Luận văn được nghiên cứu dưới góc độ Luật hình sự và Tổ tụng hình sự về Tội vi phạm quy định về bảo vệ động vật nguy cấp, quý, hiếm theo BLHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) và thực tiễn xét xử loại tội phạm này tại Quảng Ninh trong thời gian từ năm 2013 đến năm 2017.

4. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu

4.1. Mục đích nghiên cứu.

Luận văn nghiên cứu về mặt lý luận, đối chiếu với thực tiễn xét xử loại tội phạm này tại Quảng Ninh, từ đó đề xuất một số kiến nghị nhằm hoàn thiện BLHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) về tội vi phạm quy định về bảo vệ động vật nguy cấp, quý, hiếm và đề ra những biện pháp nâng cao hiệu quả xét xử đối với tội phạm này.

4.2. Nhiệm vụ nghiên cứu

Để đạt được mục đích trên, luận văn sẽ tập trung thực hiện các nhiệm vụ cụ thể sau:

- Khái niệm và các dấu hiệu pháp lý Tội vi phạm quy định về bảo vệ động vật nguy cấp, quý, hiếm theo quy định của BLHS năm 2015;
- Thực tiễn xét xử Tội vi phạm quy định về bảo vệ động vật nguy cấp, quý, hiếm tại Quảng Ninh và một số hạn chế bất cập, vướng mắc.
- Đề xuất một số biện pháp nâng cao hiệu quả xét xử Tội vi phạm quy định về bảo vệ động vật nguy cấp, quý, hiếm.

5. Cơ sở lý luận và phương pháp nghiên cứu

5.1. Phương pháp luận

Đề tài được nghiên cứu dựa trên cơ sở phương pháp luận duy vật biện chứng và duy vật lịch sử của chủ nghĩa Mác – Lênin; tư tưởng Hồ Chí Minh; quan điểm của Đảng và Nhà nước ta về đấu tranh phòng, chống tội phạm.

5.2. Phương pháp nghiên cứu

Luận văn sử dụng các phương pháp nghiên cứu cụ thể như sau:

Phương pháp phân tích và tổng hợp: Đây là phương pháp chủ yếu được sử dụng xuyên suốt trong quá trình nghiên cứu. Phương pháp này được sử dụng để tiến hành phân tích và tổng hợp các nội dung cần nghiên cứu trong luận văn.

Ngoài ra luận văn còn sử dụng một số phương pháp khác như phương pháp lịch sử; phương pháp thống kê, so sánh để đảm bảo tính khách quan của đề tài.

6. Ý nghĩa lý luận và ý nghĩa thực tiễn của luận văn

Trên cơ sở nghiên cứu về mặt lý luận và thực tiễn áp dụng pháp luật hình sự Việt Nam về Tội vi phạm quy định về bảo vệ động vật nguy cấp, quý, hiếm, tác giả đề xuất một số kiến nghị nhằm hoàn thiện các quy định pháp luật hình sự, góp phần đấu tranh phòng chống loại tội phạm này trong giai đoạn hiện nay.

Đây là công trình nghiên cứu về Tội vi phạm quy định về bảo vệ động vật nguy cấp, quý, hiếm theo BLHS năm 2015 về cả lý luận và thực tiễn áp dụng, do đó luận văn có thể sử dụng làm tài liệu tham khảo trong quá trình học tập hoặc có thể sử dụng làm tài liệu nghiên cứu, góp phần nâng cao nhận thức cho những người tiến hành tố tụng trong quá trình áp dụng pháp luật.

7. Cơ cấu của luận văn

Ngoài Phần mở đầu và Kết luận và Danh mục tài liệu tham khảo, luận văn được kết cấu gồm 3 chương:

Chương 1. Những vấn đề lý luận về tội vi phạm quy định về bảo vệ động vật nguy cấp, quý, hiếm.

Chương 2. Thực tiễn áp dụng tội vi phạm quy định về bảo vệ động vật nguy cấp, quý, hiếm tại Quảng Ninh.

Chương 3. Một số biện pháp bảo đảm áp dụng đúng tội vi phạm quy định về bảo vệ động vật nguy cấp, quý, hiếm.

Chương 1

NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ TỘI VI PHẠM QUY ĐỊNH VỀ BẢO VỆ ĐỘNG VẬT NGUY CẤP, QUÝ, HIẾM

1.1. Khái quát lịch sử pháp luật hình sự về Tội vi phạm quy định về bảo vệ động vật nguy cấp, quý, hiếm

1.1.1. Giai đoạn từ năm 1945 đến trước khi có BLHS năm 1985

Ngay sau khi nước Việt nam dân chủ cộng hòa được thành lập, ý thức được việc cần quản lý nhà nước bằng pháp luật, nên Nhà nước ta đã sớm ban hành Hiến pháp 1946 làm nền tảng cho việc xây dựng các văn bản pháp luật chuyên ngành. Giai đoạn này Nhà nước tập trung quan tâm đến việc đấu tranh phòng chống các loại tội phạm, nhằm ổn định tình hình an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội, bảo vệ thành quả cách mạng, bảo vệ Đảng, Nhà nước, bảo vệ tính mạng và tài sản của nhân dân. Việc đấu tranh phòng chống các loại tội phạm tuy được Nhà nước quan tâm, nhưng chủ yếu đối với các loại tội phạm xâm hại về an ninh chính trị và các loại tội đặc biệt nghiêm trọng khác như: Giết người, cướp của, hiếp dâm... ví dụ như: Sắc lệnh số 26/SL ngày 25/02/1946 về các tội phá hoại công sản; Thông tư số 1303 BCN/VN ngày 28/6/1946 của liên bộ Bộ Nội vụ - Bộ Canh nông, điều chỉnh những hành vi xâm hại đến rừng: “... Ai vi phạm các lệnh chặt, phá cây rừng sẽ bị phạt tù, phạt tiền theo thể lệ đã được ấn định trước...”; Sắc lệnh số 142/SL ngày 21/12/1949 qui định về việc lập biên bản các hành vi vi phạm pháp luật bảo vệ rừng; Nghị định số 39/CP ngày 5/4/1963 của Hội đồng Chính phủ ban hành điều lệ tạm thời về săn bắn, bắt chim, thú rừng; Ngày 11/9/1972, Ủy ban thường vụ Quốc hội ban hành Pháp lệnh Bảo vệ rừng, trong đó tại Điều 9 quy định: “Việc săn, bắt chim, muông, thú rừng với bất kỳ mục đích gì phải tuân theo luật lệ của Nhà nước về săn, bắt chim, muông, thú rừng và phải được cơ quan lâm nghiệp từ cấp tỉnh trở lên cho phép”; Điều 10 quy định “Hội đồng Chính phủ quy định những loại thực vật, động vật quý và hiếm trong rừng cần phải đặc biệt bảo vệ và chế độ bảo vệ các loại đó”; Điều 22 quy định “Kẻ nào vi phạm một trong những điều ghi ở Chương II của Pháp lệnh này hoặc tàng trữ, mua bán, vận chuyển trái phép lâm sản, gây thiệt

hại lớn đến tài nguyên rừng hoặc đã bị xử phạt mà còn vi phạm thì sẽ bị truy tố trước Tòa án nhân dân và có thể bị phạt tù từ ba tháng đến 2 năm và phạt tiền từ 200 đồng đến 2.000 đồng, hoặc một trong hai hình phạt đó”.

Như vậy, từ năm 1972, pháp luật hình sự đã có những ghi nhận mới về bảo vệ động vật nguy cấp, quý, hiếm. Những hành vi vi phạm quy định về bảo vệ động vật quý, hiếm gây thiệt hại lớn, hoặc đã bị xử phạt mà còn tái phạm thì sẽ bị truy cứu TNHS và có thể phải chịu hình phạt tù từ ba tháng đến 2 năm; phạt tiền từ 200 đồng đến 2.000 đồng hoặc phải chịu cả hai loại hình phạt này.

Giai đoạn từ năm 1975 đến trước năm 1985:

Sau ngày miền Nam được giải phóng, nước nhà đã hoàn toàn thống nhất, Nhà nước ta tập trung đẩy mạnh phát triển kinh tế, khắc phục hậu quả chiến tranh. Bên cạnh đó, yêu cầu đấu tranh phòng, chống tội phạm trong cũng có nhiều thay đổi, PLHS cần được áp dụng thống nhất trong cả nước. Thời kỳ này các văn bản PLHS nước ta thường là văn bản pháp quy đơn giản, riêng lẻ, gây khó khăn việc áp dụng vào thực tiễn. Việc ban hành BLHS giai đoạn này có ý nghĩa quan trọng, góp phần thực hiện hai nhiệm vụ chiến lược là: Xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam XHCN, là cơ sở để Nhà nước quản lý xã hội bằng pháp luật và không ngừng tăng cường pháp chế XNCN.

Xuất phát từ tầm quan trọng đó, ngày 27/06/1985 BLHS năm 1985 đã được Quốc hội thông qua, có hiệu lực ngày 01/01/1986, đánh dấu một bước tiến quan trọng trong kỹ thuật lập pháp hình sự của nước ta. Lần đầu tiên các quy phạm pháp luật hình sự về nhiều lĩnh vực khác nhau được pháp điển hóa trong cùng một bộ luật, trong đó nội dung bảo vệ động vật nguy cấp, quý hiếm được quy định tại Điều 181 - Tội vi phạm các quy định về quản lý và bảo vệ rừng: *“1- Người nào khai thác trái phép cây rừng, săn bắt trái phép chim, thú hoặc có những hành vi khác vi phạm các quy định của Nhà nước về quản lý và bảo vệ rừng gây hậu quả nghiêm trọng hoặc đã bị xử lý hành chính mà còn vi phạm, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến một năm hoặc bị phạt tù từ ba tháng đến ba năm”* [31, tr. 89].

Đây là lần đầu tiên, nội dung bảo vệ động vật nguy cấp, quý, hiếm được ghi nhận một cách ngắn gọn trong BLHS và được xếp vào nhóm hành vi liên quan đến

quản lý và bảo vệ rừng thuộc Chương VII – Các Tội phạm về kinh tế, trong đó nghiêm cấm những hành vi săn, bắt trái phép chim, thú rừng. Tuy nhiên, Điều luật cũng mới chỉ quy định mang tính nguyên tắc, theo đó, tội phạm hoàn thành khi hành vi săn, bắt chim, thú rừng “gây hậu quả nghiêm trọng” hoặc đã bị xử lý hành chính mà còn vi phạm. Hậu quả nghiêm trọng ở đây là làm mất giống chim, thú rừng đang cần được bảo vệ, nếu không chứng minh được hậu quả nghiêm trọng thì người có hành vi săn, bắt nói trên phải có dấu hiệu bắt buộc là "đã bị xử lý hành chính" thì mới được coi là tội phạm. Về hình phạt đối với hành vi săn, bắt trái phép chim, thú rừng được quy định khá nhẹ, khung cơ bản tại khoản 1 Điều 181 BLHS năm 1985 là “cải tạo không giam giữ đến một năm hoặc bị phạt tù từ ba tháng đến ba năm”; khung tăng nặng tại khoản 2 Điều 181 BLHS năm 1985 là phạm tội trong trường hợp đặc biệt nghiêm trọng thì bị phạt tù từ hai năm đến mười năm. Bước đầu, BLHS năm 1985 đã đáp ứng được yêu cầu và đòi hỏi của xã hội trong công cuộc tái thiết đất nước. Tuy nhiên với việc quy định hành vi “săn, bắt trái phép chim, thú” một cách đơn giản và với mức hình phạt nhẹ như vậy chưa đủ sức răn đe và phòng ngừa đối với những người đã thực hiện và có ý định thực hiện tội phạm này.

1.1.2. Giai đoạn từ năm 1985 đến năm 1999

Trong thời gian từ năm 1985 đến năm 1999, đây là giai đoạn xóa bỏ cơ chế quản lý kinh tế tập trung, bao cấp, chuyển mạnh sang nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, nền kinh tế - xã hội nước ta có nhiều biến chuyển tích cực, đời sống nhân dân ngày một nâng cao. Cùng với sự phát triển của kinh tế xã hội, tình hình vi phạm pháp luật cũng gia tăng và có chiều hướng ngày càng phức tạp và tinh vi hơn.

Ngày 15/01/1994, Việt Nam chính thức là thành viên thứ 121 tham gia Công ước về buôn bán quốc tế các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp, viết tắt là Công ước CITES. Để thực thi Công ước này, ngày 29/5/1996, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Chỉ thị số 359/TTg về những biện pháp cấp bách để bảo vệ và phát triển các loài động vật hoang dã; Cũng trong giai đoạn này, Nhà nước ta ban hành một số đạo luật có liên quan như Luật Bảo vệ và phát triển rừng năm 1991; Pháp lệnh Bảo vệ nguồn lợi thủy sản; Nghị định số 18/HĐBT ngày 17/01/1992 của Hội

đồng Bộ trưởng về việc ban hành danh mục động vật rừng, thực vật rừng quý hiếm; Luật Bảo vệ môi trường năm 1993;

Quá trình áp dụng BLHS năm 1985 để đấu tranh phòng, chống tội phạm cũng gặp nhiều vướng mắc, bất cập. Qua 4 lần sửa đổi, bổ sung vào các năm 1989, 1991, 1992 và 1997 nhưng nội dung quy định về bảo vệ động vật nguy cấp, quý hiếm vẫn được giữ nguyên.

1.1.3. Giai đoạn từ năm 1999 đến trước năm 2015

Để đáp ứng nhu cầu hội nhập kinh tế, BLHS năm 1999 đã được Quốc hội khóa X thông qua ngày 21 tháng 12 năm 1999 có hiệu lực từ ngày 01-7-2000, thay thế BLHS năm 1985. Trong đó nội dung bảo vệ động vật nguy cấp, quý, hiếm được quy định tại điều 190 - *Tội vi phạm các quy định về bảo vệ động vật hoang dã quý hiếm* với những dấu hiệu cụ thể, đó là: “1. Người nào săn bắt, giết, vận chuyển, buôn bán trái phép động vật hoang dã quý hiếm bị cấm theo quy định của Chính phủ hoặc vận chuyển, buôn bán trái phép sản phẩm của động vật đó, thì bị phạt tiền từ năm triệu đồng đến năm mươi triệu đồng, cải tạo không giam giữ đến 02 năm hoặc bị phạt tù từ 06 tháng đến ba năm” [31, tr. 135].

So với Điều 181 BLHS năm 1985, Điều 190 BLHS năm 1999 đã quy định cụ thể, liệt kê những hành vi vi phạm như: *Săn bắt, giết, vận chuyển, buôn bán trái phép động vật hoang dã quý hiếm bị cấm theo quy định của Chính phủ hoặc vận chuyển, buôn bán trái phép sản phẩm của động vật đó* là căn cứ để truy cứu TNHS. Khoản 1 Điều 190 BLHS năm 1999 mặc dù không quy định dấu hiệu “gây hậu quả nghiêm trọng” thuộc cấu thành cơ bản nhưng khoản 2 Điều 190 BLHS năm 1999 quy định tình tiết tăng nặng định khung “Phạm tội gây hậu quả rất nghiêm trọng hoặc đặc biệt nghiêm trọng”, như vậy theo thứ tự từ nhẹ đến nặng thì người có hành vi *săn bắt, giết, vận chuyển, buôn bán trái phép động vật hoang dã quý hiếm bị cấm theo quy định của Chính phủ hoặc vận chuyển, buôn bán trái phép sản phẩm của động vật đó* phải gây hậu quả nghiêm trọng thì mới đủ yếu tố CTTTP. Ngoài ra, khoản 2 Điều 190 BLHS năm 1999 còn quy định cụ thể một số dấu hiệu thuộc cấu thành tăng nặng định khung khác như: Có tổ chức; Lợi dụng chức vụ, quyền hạn; Sử dụng công cụ hoặc phương tiện săn bắt bị cấm; Săn bắt trong khu vực bị cấm

hoặc vào thời gian bị cấm. Về hình phạt chính, Điều 190 BLHS năm 1999 đã quy định thêm hình phạt chính là phạt tiền từ năm triệu đồng đến năm mươi triệu đồng; tăng thời gian cải tạo không giam giữ lên hai năm và tăng mức khởi điểm của phạt tù có thời hạn là từ sáu tháng đến hai năm. Về hình phạt bổ sung, Điều 190 BLHS năm 1999 quy định người phạm tội còn có thể bị phạt tiền đến hai mươi triệu đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm một công việc nhất định từ một đến năm năm. Việc quy định cụ thể các dấu hiệu định tội, dấu hiệu định khung giúp cho việc ĐTD và quyết định hình phạt được thuận lợi và chính xác hơn đối với các hành vi phạm tội đã thực hiện.

Qua 10 năm thực hiện, kinh tế xã hội đã phát triển lên tầm cao mới và nhiều loại tội phạm mới cũng hình thành và phát triển theo, nhiều quy định trong BLHS năm 1999 không còn phù hợp. Bởi vậy, ngày 19/6/2009, Quốc hội đã ban hành Luật số 37/2009/QH12 sửa đổi bổ sung một số điều của BLHS năm 1999, trong đó sửa đổi tội danh Điều 190 “Tội vi phạm các quy định về bảo vệ động vật hoang dã quý hiếm” thành tội danh “Tội vi phạm các quy định về bảo vệ động vật thuộc danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ” cho phù hợp với các quy định hiện hành về bảo vệ các loài động vật thuộc danh mục các loài được ưu tiên bảo vệ; Hành vi thuộc về mặt khách quan của tội phạm được quy định trong điều luật mới đã bổ sung thêm hành vi “*nuôi, nhốt*” trái phép động vật thuộc danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm. Về cấu thành tội phạm cơ bản: Điều 190 BLHS năm 1999 sửa đổi, bổ sung năm 2009 có quy định rộng hơn về đối tượng điều chỉnh, đó là ngoài các loài động vật thuộc danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ và các sản phẩm của loại động vật đó là đối tượng của tội phạm theo BLHS năm 1999 thì nay được bổ sung thêm “*bộ phận cơ thể*” của loài động vật đó, ví dụ như: chi gấu, sừng tê giác, xương hổ chưa qua chế biến... Về hình phạt: BLHS năm 1999 sửa đổi năm 2009 đã tăng mức hình phạt ở hình phạt tiền bao gồm cả hình phạt tiền với vai trò là hình phạt chính là từ năm mươi triệu đồng đến năm trăm triệu đồng và hình phạt bổ sung là từ mười triệu đồng đến một trăm triệu đồng và tăng mức hình phạt cải tạo không giam giữ đến ba năm. Những sửa đổi, bổ sung này thể hiện sự quyết

tâm của Nhà nước trong việc cần trừng trị nghiêm khắc hơn nữa đối với những hành vi vi phạm về bảo vệ động vật nguy cấp, quý, hiếm.

Sau hơn 14 năm thi hành, BLHS năm 1999 đã có những tác động tích cực đối với công tác phòng, chống tội phạm, góp phần vào sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội của đất nước. Nhưng qua thực tiễn áp dụng, cũng bộc lộ nhiều bất cập, hạn chế, chưa cập nhật được đầy đủ, kịp thời các hành vi vi phạm có tính chất phổ biến, nguy hiểm cao cho xã hội; chưa phản ánh được những đặc điểm và yêu cầu đấu tranh phòng, chống tội phạm trong điều kiện hội nhập quốc tế. Hiến pháp năm 2013 ra đời đặt ra yêu cầu phải tiếp tục đổi mới, hoàn thiện cả hệ thống pháp luật, trong đó có pháp luật hình sự với tư cách là công cụ pháp lý quan trọng nhất để bảo đảm và bảo vệ quyền con người, quyền cơ bản của công dân. Chính vì vậy, yêu cầu ban hành BLHS mới thay thế BLHS năm 1999 là yêu cầu và nhiệm vụ cấp thiết nhằm tạo lập khuôn khổ pháp luật về hình sự một cách thống nhất, đáp ứng yêu cầu và đòi hỏi của đất nước, góp phần xây dựng Nhà nước pháp quyền XHCN của Nhân dân, do Nhân dân, vì Nhân dân.

1.1.4. Giai đoạn từ năm 2015 đến nay

Qua thời gian tích cực nghiên cứu, soạn thảo, ngày 27/11/2015, Quốc hội đã thông qua Bộ luật Hình sự số 100/2015/QH13, trong đó “*Tội vi phạm quy định về quản lý, bảo vệ động vật nguy cấp, quý, hiếm*” được quy định tại Điều 244. Tuy nhiên, do Bộ luật này đã có rất nhiều tồn tại và sai sót trong kỹ thuật lập pháp nên đã bị lùi thời gian có hiệu lực để sửa đổi.

Ngày 20/6/2017 Quốc hội thông qua Luật số 12/2017/QH14 sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật hình sự số 100/2015/QH13 (sau đây gọi chung là BLHS năm 2015), trong đó “*Tội vi phạm quy định về quản lý, bảo vệ động vật nguy cấp, quý, hiếm*” quy định tại Điều 244 được sửa đổi lại thành tội danh “*Tội vi phạm quy định về bảo vệ động vật nguy cấp, quý, hiếm*”, trong đó ngoài việc lược bỏ bớt từ “quản lý” để sửa đổi về tội danh, Điều 244 còn được sửa đổi nội dung của nhiều khoản và điểm để phù hợp với thực tế của đời sống pháp luật.

Như vậy có thể thấy, trong quá trình xây dựng và phát triển pháp luật hình sự, Đảng và Nhà nước ta đã rất chú trọng, quan tâm bảo vệ động vật nguy cấp, quý,

hiếm. BLHS năm 1985 với 4 lần sửa đổi, bổ sung vào các năm 1989, 1991, 1992 và 1997; BLHS năm 1999 sửa đổi, bổ sung năm 2009 và BLHS năm 2015. Sau mỗi lần sửa đổi, bổ sung, các quy định về tội vi phạm quy định về bảo vệ động vật nguy cấp, quý, hiếm đã ngày một hoàn thiện hơn, các dấu hiệu pháp lý của tội vi phạm quy định về bảo vệ động vật nguy cấp, quý, hiếm đã được liệt kê cụ thể, với định lượng và các dấu hiệu đặc trưng cụ thể và có tính bao quát hơn; Hình phạt cũng tăng cao hơn, thể hiện sự nghiêm khắc và quyết liệt của Nhà nước, đáp ứng yêu cầu của công tác đấu tranh đối với loại tội phạm này trong giai đoạn hiện nay.

1.2. Các dấu hiệu pháp lý của Tội vi phạm quy định về bảo vệ động vật nguy cấp, quý, hiếm

1.2.1. Khái niệm động vật nguy cấp, quý, hiếm

Để hiểu rõ hơn về tội phạm này, trước hết ta cần biết khái niệm Động vật nguy cấp, quý, hiếm là gì ?

Động vật nguy cấp, quý, hiếm là bộ phận quan trọng trong hệ sinh thái tự nhiên. Hiện nay, các nhà khoa học Việt Nam chưa đưa ra được khái niệm hoàn chỉnh, thống nhất thế nào là động vật nguy cấp, quý, hiếm và cũng còn nhiều quan điểm khác nhau về khái niệm động vật nguy cấp, quý hiếm.

Theo giải thích tại trang http://vi.wikipedia.org/wiki/Sách_đỏ_Việt_Nam: *“Sách đỏ Việt Nam là danh sách các loài động vật, thực vật ở Việt Nam thuộc loại quý hiếm, đang bị giảm sút số lượng hoặc có nguy cơ tuyệt chủng. Đây là căn cứ khoa học quan trọng để Nhà nước ban hành những Nghị định và Chỉ thị về việc quản lý bảo vệ và những biện pháp cấp bách để bảo vệ và phát triển những loài động thực vật hoang dã ở Việt Nam”* [66]. Theo tác giả, Sách đỏ Việt Nam không nêu khái niệm về động vật nguy cấp, quý, hiếm, mà chỉ là liệt kê danh sách về động vật quý, hiếm, không nêu được những đặc điểm khái quát chung nhất về động vật nguy cấp, quý, hiếm.

Tại Nghị định 32/2006/NĐ-CP ngày 30/3/2006 của Chính phủ giải thích *“động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm là loài thực vật, động vật có giá trị đặc biệt về kinh tế, khoa học và môi trường, số lượng còn ít trong tự nhiên hoặc có nguy cơ bị tuyệt chủng, thuộc danh mục các loài thực vật, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm do*

Chính phủ quy định” [11]. Khái niệm này đã thể hiện được phần nào đặc điểm của các loài động vật nguy cấp, quý, hiếm. Tuy nhiên khái niệm này chưa bao quát hết tất cả các loài cũng như những dấu hiệu đặc trưng của động vật nguy cấp, quý, hiếm.

Qua nghiên cứu, tác giả đồng ý với khái niệm về động vật nguy cấp, quý hiếm được nêu trong dự thảo Nghị quyết của HĐTP TANDTC năm 2018 hướng dẫn áp dụng một số quy định của Bộ luật Hình sự về các tội vi phạm quy định về bảo vệ động vật hoang dã, động vật nguy cấp, quý, hiếm, cụ thể như sau: *“Động vật hoang dã, động vật nguy cấp, quý, hiếm là tất cả các loài động vật, bao gồm động vật trên cạn, động vật thủy sản và các loài động vật khác, mà sự tồn tại của chúng là kết quả của quá trình chọn lọc tự nhiên và phát triển tự do, được quy định tại Danh mục thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm Nhóm IB, Nhóm IIB và Phụ lục I, Phụ lục II Công ước về buôn bán quốc tế các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp”* [46].

Theo tác giả, khái niệm này đã thể hiện được đầy đủ các đặc điểm cơ bản của động vật nguy cấp, quý, hiếm cần được ưu tiên bảo vệ, đó là tất cả các loài động vật, bao gồm động vật trên cạn, động vật thủy sản, quá trình hình thành, sinh trưởng và tồn tại của các loài động vật đó là kết quả của quá trình chọn lọc tự nhiên. Đồng thời khái niệm này cũng chỉ rõ không phải tất cả các loài động vật hoang dã đều là nguy cấp, quý, hiếm, mà chỉ gồm các loài đã được quy định tại Danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ hoặc Danh mục thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm Nhóm IB, Nhóm IIB do Chính phủ quy định hoặc thuộc Phụ lục I, Phụ lục II Công ước về buôn bán quốc tế các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp mới được coi là động vật nguy cấp, quý, hiếm. Như vậy sẽ đảm bảo tính pháp lý và có thể được sử dụng để truy cứu TNHS đối với người phạm tội.

1.2.2. Các dấu hiệu pháp lý của Tội vi phạm quy định về bảo vệ động vật nguy cấp, quý, hiếm

1.2.2.1. Khách thể của Tội vi phạm quy định về bảo vệ động vật nguy cấp, quý, hiếm

Khách thể của tội phạm là quan hệ xã hội được luật hình sự bảo vệ và bị tội phạm xâm hại [60, tr. 94].

Khách thể chung của tội vi phạm quy định về bảo vệ động vật nguy cấp, quý, hiếm là chế độ quản lý của nhà nước về bảo vệ động vật nguy cấp, quý, hiếm; xâm phạm nghiêm trọng đến môi trường sinh thái tự nhiên và gây ra những ảnh hưởng nghiêm trọng khác cho đời sống xã hội.

Khách thể loại của tội vi phạm quy định về bảo vệ động vật nguy cấp, quý, hiếm được nhóm quy phạm pháp luật hình sự về môi trường bảo vệ.

Khách thể trực tiếp của tội vi phạm quy định về bảo vệ động vật nguy cấp, quý, hiếm là quan hệ xã hội về chế độ quản lý của Nhà nước nhằm bảo vệ loài động vật thuộc Danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ hoặc Danh mục thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm Nhóm IB hoặc Phụ lục I của Công ước về buôn bán quốc tế các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp, quý, hiếm bị tội phạm cụ thể gây thiệt hại hoặc đe dọa gây thiệt hại, thông qua sự gây thiệt hại hoặc đe dọa gây thiệt hại này mà tội phạm xâm hại khách thể chung cũng như khách thể loại của tội vi phạm quy định về bảo vệ động vật nguy cấp, quý, hiếm.

Đối tượng tác động của tội phạm là bộ phận của khách thể của tội phạm bị hành vi phạm tội tác động và qua đó gây thiệt hại hoặc đe dọa gây thiệt hại cho quan hệ xã hội được luật hình sự bảo vệ [60, tr. 102].

Đối tượng tác động của tội vi phạm quy định về bảo vệ động vật nguy cấp, quý, hiếm là những loài động vật nguy cấp, quý, hiếm hoặc những bộ phận cơ thể không thể tách rời sự sống hoặc sản phẩm của các loài động vật đó. Đối tượng tác động của tội phạm này có thể chia thành 3 nhóm như sau:

Nhóm 1: Các loài động vật cụ thể thuộc Danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ; Danh mục thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm Nhóm IB hoặc Phụ lục I Công ước về buôn bán quốc tế các loài động vật, thực vật hoang dã, nguy cấp bị tội phạm tác động đến. Ví dụ: Các loài như Hổ, Gấu ngựa, Rái cá lông mượt, Báo hoa mai ...

Nhóm 2: Bộ phận cơ thể không thể tách rời sự sống của loài động vật thuộc Danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ; Danh mục thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm Nhóm IB hoặc Phụ lục I Công ước về buôn bán

quốc tế các loài động vật, thực vật hoang dã, nguy cấp. Ví dụ: Đầu của loài Bò tót, tim của loài Gấu ngựa ...

Nhóm 3: Sản phẩm của các loài động vật thuộc Danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ; Danh mục thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm Nhóm IB hoặc Phụ lục I Công ước về buôn bán quốc tế các loài động vật, thực vật hoang dã, nguy cấp. Ví dụ: Trứng, sữa, tinh dịch, cao nấu từ xương động vật, rượu ngâm động vật, hoặc bộ phận, cơ thể của động vật nguy cấp, quý, hiếm đã chế biến ...

1.2.2.2. Mặt khách quan của Tội vi phạm quy định về bảo vệ động vật nguy cấp, quý, hiếm

Mặt khách quan của tội phạm là mặt bên ngoài của tội phạm, bao gồm những biểu hiện của tội phạm diễn ra hoặc tồn tại bên ngoài thế giới khách quan [60, tr. 108].

Các dấu hiệu về mặt khách quan của tội vi phạm quy định về bảo vệ động vật nguy cấp, quý, hiếm bao gồm các dấu hiệu về hành vi khách quan; hậu quả thiệt hại; mối quan hệ nhân quả giữa hành vi và hậu quả; các biểu hiện bên ngoài khác của mặt khách quan như về công cụ, phương tiện phạm tội, phương pháp, thủ đoạn phạm tội, thời gian và địa điểm phạm tội.

- Hành vi khách quan của tội vi phạm quy định về bảo vệ động vật nguy cấp, quý, hiếm bao gồm:

* Hành vi săn bắt, giết, nuôi, nhốt, vận chuyển, buôn bán trái phép động vật thuộc Danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ hoặc Danh mục thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý hiếm Nhóm IB hoặc Phụ lục I của Công ước về buôn bán quốc tế các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp, quý, hiếm, gồm các nhóm hành vi sau:

Thứ nhất: Hành vi săn bắt trái phép động vật nguy cấp, quý, hiếm là hành vi săn bắt động vật nguy cấp, quý, hiếm trong khu bảo tồn thiên nhiên, vườn quốc gia hoặc săn bắt trong khu vực cấm theo quy định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền; Hoặc săn bắt trong thời gian bị cấm, ví dụ như săn bắt vào mùa sinh sản, mùa di cư; Hoặc sử dụng công cụ săn bắt bị cấm như sử dụng vũ khí quân dụng,

mũi tên tẩm thuốc độc, đào hầm, hố, cắm chông, bẫy kiềng lớn, bẫy sập lớn hoặc các công cụ, phương tiện nguy hiểm khác mà cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định không được phép sử dụng.

Thứ hai: Hành vi giết trái phép động vật nguy cấp, quý, hiếm, trừ trường hợp động vật nguy cấp, quý, hiếm đó đe dọa trực tiếp đến tính mạng của con người.

Thứ ba: Hành vi vận chuyển trái phép động vật nguy cấp, quý, hiếm là hành vi chuyển dịch bất hợp pháp động vật nguy cấp, quý, hiếm từ nơi này đến nơi khác dưới bất kỳ hình thức nào và không được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép ... mà không nhằm mục đích buôn bán; việc vận chuyển có thể nhằm mục đích thu lợi nhuận hoặc không thu lợi nhuận.

Thứ tư: Hành vi nuôi trái phép động vật nguy cấp, quý, hiếm là hành vi cho ăn, chăm sóc động vật nguy cấp, quý, hiếm mà không được sự cho phép của cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Ví dụ: Nuôi gấu tại trang trại không được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép; Nuôi Rái cá tại gia đình để làm cảnh.

Thứ năm: Hành vi nhốt trái phép động vật nguy cấp, quý, hiếm là hành vi giữ động vật trong chuồng, cũi hoặc nơi được chắn kín, hạn chế tự do đi lại, không đảm bảo điều kiện sống bình thường, tự nhiên và an toàn đối với động vật.

Thứ sáu: Hành vi buôn bán trái phép động vật nguy cấp, quý, hiếm là hành vi chuyển nhượng mang tính thương mại động vật nguy cấp, quý, hiếm.

* Hành vi tàng trữ, vận chuyển, buôn bán trái phép cá thể, bộ phận cơ thể không thể tách rời sự sống hoặc sản phẩm của loài động vật nguy cấp, quý, hiếm gồm các nhóm hành vi sau:

Thứ nhất: Hành vi tàng trữ trái phép cá thể, bộ phận cơ thể không thể tách rời sự sống hoặc sản phẩm của loài động vật nguy cấp, quý, hiếm là hành vi lưu giữ trái phép cá thể, bộ phận cơ thể không thể tách rời sự sống hoặc sản phẩm của loài động vật nguy cấp, quý, hiếm, ví dụ như hành vi tàng trữ cá thể Hổ, cá thể rắn Hổ chúa đã cấp đông hoặc đầu Bò tót, tim Hổ, túi mật của Gấu; trứng Vích ...

Thứ hai: Hành vi vận chuyển trái phép cá thể, bộ phận cơ thể không thể tách rời sự sống hoặc sản phẩm của loài động vật nguy cấp, quý, hiếm là hành vi chuyển dịch trái phép cá thể, bộ phận cơ thể không thể tách rời sự sống hoặc sản phẩm của

động vật nguy cấp, quý, hiếm từ nơi này đến nơi khác mà không với mục đích buôn bán hay sử dụng.

Thứ ba: Hành vi buôn bán trái phép cá thể, bộ phận cơ thể không thể tách rời sự sống hoặc sản phẩm của loài động vật nguy cấp, quý, hiếm là hành vi chuyển nhượng mang tính thương mại cá thể, bộ phận cơ thể không thể tách rời sự sống của loài động vật nguy cấp, quý, hiếm, ví dụ như đầu Bò tót, tim Hổ, túi mật của Gấu ... hoặc sản phẩm có nguồn gốc từ các loài động vật mà không được pháp luật cho phép.

Sản phẩm của động vật nguy cấp, quý, hiếm thường được tồn tại dưới hai dạng: Dạng thứ nhất là sản phẩm được hình thành một cách tự nhiên, ví dụ như trứng, sữa, tinh dịch; Dạng thứ hai là sản phẩm được tạo thành có nguồn gốc nguyên liệu từ động vật nguy cấp, quý, hiếm nhưng đã qua quá trình tác động của con người, ví dụ như gia công đồ thủ công mỹ nghệ từ ngà voi, vuốt hổ, răng hổ; cao xương động vật, rượu ngâm động vật.

Về khái niệm “bộ phận không thể tách rời sự sống” của động vật hiện nay vẫn còn có nhiều cách hiểu khác nhau. Theo quan điểm giải thích tại cuốn Bình luận khoa học BLHS năm 2015 (phần các tội phạm) do GS.TS Nguyễn Ngọc Hòa làm chủ biên: “*Bộ phận cơ thể không thể tách rời sự sống được hiểu là một phần cơ thể của động vật mà khi tách bộ phận đó ra khỏi cơ thể của chúng thì động vật đó sẽ không sống được như da, tim ... Đối tượng này khác với các bộ phận như ngà (voi), sừng (tê giác), móng (hổ) là các bộ phận mà việc tách chúng ra khỏi cơ thể động vật thì động vật đó vẫn có thể sống*” [27, tr. 668].

Cách giải thích này tương đối giống với cách giải thích tại bản Dự thảo Nghị quyết của HĐTP TANDTC năm 2018 hướng dẫn áp dụng một số quy định của Bộ luật Hình sự về các tội vi phạm quy định về bảo vệ động vật hoang dã, động vật nguy cấp, quý, hiếm:

“Phương án 1: Bộ phận cơ thể không thể tách rời sự sống là những bộ phận của cơ thể động vật quyết định sự tồn tại của mỗi cá thể, nếu những bộ phận này bị tách rời thì cá thể động vật sẽ chết, như tim, đầu, bộ da, bộ xương, buồng gan.

Phương án 2: Bộ phận có thể tách rời sự sống của động vật là các bộ phận cơ thể của động vật mà khi tách rời khỏi cơ thể sống của động vật, thì cá thể động vật đó vẫn sinh sống, bao gồm các bộ phận như: răng, vuốt, lông, đuôi, sừng, ngà. Các bộ phận còn lại là bộ phận không thể tách rời sự sống của động vật” [46].

Nhìn chung, các cách giải thích đều gắn “bộ phận cơ thể không thể tách rời sự sống” với sự tồn tại của động vật đó và tác giả đồng tình với cách giải thích tại “*Phương án 1*” của Dự thảo Nghị quyết của HĐTP TANDTC năm 2018 hướng dẫn áp dụng một số quy định của Bộ luật Hình sự về các tội vi phạm quy định về bảo vệ động vật hoang dã, động vật nguy cấp, quý, hiếm bởi cách giải thích này rất đầy đủ, ngắn gọn, lột tả được đặc điểm quan trọng của bộ phận cơ thể không thể tách rời sự sống của động vật, đó là “*quyết định sự tồn tại của mỗi cá thể*” động vật, nếu không có bộ phận này thì động vật đó sẽ chết.

- Hậu quả của tội vi phạm quy định về bảo vệ động vật nguy cấp, quý, hiếm: Bất kỳ tội phạm nào cũng có thể gây hậu quả nguy hiểm cho xã hội. Đối với hậu quả nguy hiểm cho xã hội của tội vi phạm quy định về bảo vệ động vật nguy cấp, quý, hiếm là đe dọa sự mất cân bằng đa dạng sinh học của các loài động vật trong tự nhiên. Điều 244 BLHS năm 2015 không mô tả dấu hiệu “hậu quả” của tội phạm này như trong Điều 190 BLHS năm 1999, nhưng Điều 244 đã cụ thể hóa tình tiết “gây hậu quả” bằng tình tiết định lượng như: Khối lượng, số lượng động vật hoặc bộ phận cơ thể không thể tách rời sự sống để làm căn cứ xử lý TNHS, trong đó khoản 1, khoản 2 tương ứng với tội phạm nghiêm trọng; khoản 3 tương ứng với tội phạm rất nghiêm trọng.

- Mối quan hệ nhân quả của tội vi phạm quy định về bảo vệ động vật nguy cấp, quý, hiếm là mối quan hệ giữa những hành vi săn bắt, giết, nuôi, nhốt, vận chuyển, buôn bán trái phép động vật nguy cấp, quý, hiếm hoặc bộ phận cơ thể, sản phẩm của các loài động vật với hậu quả có thể xảy ra là sự đe dọa mất cân bằng trong đa dạng sinh học của các loài động vật trong thế giới tự nhiên, bởi động vật nguy cấp, quý, hiếm là những thành tố không thể thiếu của đa dạng sinh học và đóng vai trò quan trọng trong hệ sinh thái. Sự suy giảm hoặc tuyệt chủng của bất cứ

loài động vật quý, hiếm nào cũng ảnh hưởng đến sự phát triển bền vững và ổn định của hệ sinh thái.

- Các biểu hiện bên ngoài khác của mặt khách quan như về công cụ, phương tiện phạm tội, phương pháp, thủ đoạn phạm tội, thời gian và địa điểm phạm tội là những nội dung rất quan trọng, đối với một số trường hợp, các yếu tố này còn là dấu hiệu định khung tăng nặng của tội vi phạm quy định về bảo vệ động vật nguy cấp, quý, hiếm, ví dụ: “Phạm tội có tổ chức”; “Lợi dụng chức vụ, quyền hạn hoặc lợi dụng danh nghĩa cơ quan, tổ chức”; “Sử dụng công cụ hoặc phương tiện sẵn bắt bị cấm”; “Sẵn bắt trong khu vực bị cấm hoặc vào thời gian bị cấm” hoặc “Buôn bán, vận chuyển qua biên giới”.

1.2.2.3. Chủ thể của tội vi phạm quy định về bảo vệ động vật nguy cấp, quý, hiếm

Chủ thể của tội phạm là con người cụ thể đã cố ý hoặc vô ý thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội được luật hình sự quy định là tội phạm trong tình trạng có năng lực trách nhiệm hình sự và đạt độ tuổi nhất định do luật quy định và trong một số trường hợp khác có dấu hiệu đặc biệt được chỉ ra trong điều luật tương ứng [63, tr. 180].

Đối với tội vi phạm quy định về bảo vệ động vật nguy cấp, quý hiếm, chủ thể của tội phạm này cần thỏa mãn dấu hiệu gồm:

- Có năng lực chịu trách nhiệm hình sự: Là người không bị mắc bệnh tâm thần hoặc bệnh khác làm mất khả năng nhận thức và điều khiển hành vi.

- Đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự: Khoản 1 Điều 244 quy định cấu thành cơ bản có khung hình phạt tù từ 01 năm đến 05 năm, nên người từ đủ 16 tuổi trở lên mới phải chịu trách nhiệm hình sự về loại tội phạm này. Đối với người từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi khi xử lý, các cơ quan tố tụng phải tuân thủ quy định đối với người dưới 18 tuổi phạm tội.

- Đã thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội: Người phạm tội phải là người đã thực hiện hành vi săn bắt, giết, vận chuyển, nuôi, nhốt, buôn bán trái phép động vật thuộc danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ hoặc tàng trữ, vận

chuyển, buôn bán trái phép bộ phận cơ thể không thể tách rời sự sống hoặc sản phẩm của loài động vật đó.

- Hành vi thực hiện phải bị luật hình sự cấm: Đó là các hành vi vi phạm săn bắt, giết, vận chuyển, nuôi, nhốt, buôn bán trái phép động vật thuộc danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ hoặc tàng trữ, vận chuyển, buôn bán trái phép bộ phận cơ thể không thể tách rời sự sống hoặc sản phẩm của loài động vật đó được quy định tại Điều 244 BLHS năm 2015.

- Phải có lỗi trong việc thực hiện hành vi: Chủ thể của tội vi phạm quy định về bảo vệ động vật nguy cấp, quý, hiếm phải được thực hiện lỗi cố ý trực tiếp.

Về trách nhiệm hình sự của pháp nhân thương mại:

Tại Điều 2 BLHS năm 2015 quy định về Cơ sở của trách nhiệm hình sự:

“1. Chỉ người nào phạm một tội đã được Bộ luật hình sự quy định mới phải chịu trách nhiệm hình sự.

2. Chỉ pháp nhân thương mại nào phạm một tội đã được quy định tại Điều 76 của Bộ luật này mới phải chịu trách nhiệm hình sự” [43, tr. 6].

Đây là quy định mới trong BLHS năm 2015, lần đầu tiên pháp luật hình sự Việt Nam thừa nhận và bổ sung vào BLHS bên cạnh TNHS của cá nhân người phạm tội thì pháp nhân thương mại cũng phải chịu TNHS.

Để buộc pháp nhân thương mại phải chịu TNHS, trước hết, chủ thể này phải đáp ứng các điều kiện cơ bản để được công nhận là pháp nhân. Theo quy định tại khoản 1 Điều 74 BLDS năm 2015: “1. Một tổ chức được công nhận là pháp nhân khi có đủ các điều kiện sau đây: a) Được thành lập theo quy định của Bộ luật này, luật khác có liên quan; b) Có cơ cấu tổ chức theo quy định tại Điều 83 của Bộ luật này; c) Có tài sản độc lập với cá nhân, pháp nhân khác và tự chịu trách nhiệm bằng tài sản của mình; d) Nhân danh mình tham gia quan hệ pháp luật một cách độc lập” [41, tr. 48].

Điều 75 BLDS năm 2015 quy định: “Pháp nhân thương mại là pháp nhân có mục tiêu chính là tìm kiếm lợi nhuận và lợi nhuận được chia cho các thành viên” [41, tr. 49].

Điều 75 BLHS năm 2015 quy định pháp nhân thương mại chỉ phải chịu trách nhiệm hình sự khi có đủ các điều kiện sau đây: “Hành vi phạm tội được thực hiện nhân danh pháp nhân thương mại; Hành vi phạm tội được thực hiện vì lợi ích của pháp nhân thương mại; Hành vi phạm tội được thực hiện có sự chỉ đạo, điều hành hoặc chấp thuận của pháp nhân thương mại; Chưa hết thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 27 của Bộ luật này. Việc pháp nhân thương mại chịu trách nhiệm hình sự không loại trừ trách nhiệm hình sự của cá nhân” [43, tr. 56].

Theo quy định tại Điều 76 BLHS năm 2015 thì pháp nhân thương mại phải chịu TNHS về tội vi phạm quy định về bảo vệ động vật nguy cấp, quý, hiếm.

Việc BLHS quy định pháp nhân thương mại phải chịu TNHS là rất cần thiết trong công tác đấu tranh, phòng, chống tội phạm trong giai đoạn hiện nay. Tuy nhiên, tại khoản 2 Điều 2 BLHS năm 2015 quy định: “Chỉ pháp nhân thương mại nào phạm một tội đã được quy định tại Điều 76 của Bộ luật này mới phải chịu trách nhiệm hình sự”. Việc Điều luật quy định như nêu trên sẽ dẫn đến 2 cách hiểu:

Cách hiểu thứ nhất: Pháp nhân là chủ thể thực hiện tội phạm đồng thời là chủ thể chịu TNHS về các tội đã được liệt kê tại Điều 76 BLHS năm 2015.

Cách hiểu thứ hai: Pháp nhân chỉ phải chịu TNHS về các tội đã liệt kê tại Điều 76 BLHS năm 2015 nếu đáp ứng được các điều kiện quy định tại Điều 75 BLHS năm 2015 như: Người thực hiện tội phạm phải nhân danh pháp nhân thương mại; Người thực hiện tội phạm phải thực hiện vì lợi ích của pháp nhân thương mại và người thực hiện tội phạm phải có sự chỉ đạo, điều hành hoặc chấp thuận của pháp nhân thương mại.

Tác giả đồng ý theo cách hiểu thứ hai, bởi lẽ: Bản thân “pháp nhân thương mại” không thể tự mình thực hiện hành vi phạm tội mà phải thông qua đại diện của mình là những con người cụ thể, có nhận thức, có ý chí, có đủ năng lực pháp luật và năng lực hành vi và đã cố ý thực hiện hành vi phạm tội. Theo cách hiểu này, nếu người đại diện của pháp nhân thương mại thực hiện hành vi đáp ứng được các điều kiện quy định tại Điều 75 BLHS năm 2015 thì pháp nhân thương mại “*bị coi là phạm tội và phải chịu TNHS*”. Điều này cũng phù hợp với quy định tại khoản 2

Điều 75 BLHS năm 2015: “Việc pháp nhân thương mại chịu trách nhiệm hình sự không loại trừ trách nhiệm hình sự của cá nhân” [41, tr. 56].

1.2.2.4. Mặt chủ quan của tội vi phạm quy định về bảo vệ động vật nguy cấp, quý, hiếm

Mặt chủ quan của tội phạm là mặt bên trong của tội phạm, là thái độ tâm lý của người phạm tội đối với hành vi nguy hiểm cho xã hội do họ thực hiện và với hậu quả do hành vi đó gây ra cho xã hội hoặc đối với khả năng gây ra hậu quả đó [63, tr. 197].

Mặt chủ quan của người thực hiện Tội vi phạm quy định về bảo vệ động vật nguy cấp, quý, hiếm là lỗi cố ý trực tiếp trong việc thực hiện hành vi săn bắt, giết, vận chuyển, nuôi, nhốt, tàng trữ, buôn bán trái phép động vật thuộc loài nguy cấp, quý, hiếm hoặc tàng trữ, vận chuyển, buôn bán trái phép cá thể, bộ phận cơ thể không thể tách rời sự sống hoặc sản phẩm của loài động vật đó. Tức là người thực hiện tội phạm nhận thức được hành vi của mình là nguy hiểm cho xã hội, gây nguy hại hoặc đe dọa gây nguy hại đến động vật nguy cấp, quý, hiếm, bị nhà nước cấm nhưng vẫn mong muốn thực hiện.

Từ những phân tích trên, tác giả đề xuất cách hiểu về tội vi phạm quy định về bảo vệ động vật nguy cấp, quý, hiếm như sau: *Tội vi phạm quy định về bảo vệ động vật nguy cấp, quý, hiếm là hành vi săn bắt, giết, vận chuyển, nuôi, nhốt, buôn bán trái phép động vật thuộc Danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ hoặc Danh mục thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm nhóm IB hoặc Phụ lục I Công ước quốc tế về buôn bán các loài động vật, thực vật nguy cấp; hoặc tàng trữ, vận chuyển, buôn bán trái phép bộ phận cơ thể không thể tách rời sự sống của các loài động vật đó, do người có năng lực trách nhiệm hình sự thực hiện một cách cố ý, xâm phạm đến chế độ quản lý của Nhà nước về bảo vệ động vật nguy cấp, quý, hiếm, đe dọa mất cân bằng về đa dạng sinh học trong thiên nhiên.*

1.2.2.5. Trách nhiệm hình sự của tội vi phạm quy định về bảo vệ động vật nguy cấp, quý, hiếm

Khung hình phạt đối với người phạm tội vi phạm quy định về bảo vệ động vật nguy cấp, quý, hiếm cụ thể như sau:

- Khung cơ bản thuộc khoản 1 Điều 244 BLHS năm 2015 quy định hình phạt tiền từ 500.000.000 đồng đến 2.000.000.000 đồng hoặc phạt tù từ 01 năm đến 05 năm đối với một trong các hành vi sau đây:

+ Săn bắt, giết, nuôi, nhốt, vận chuyển, buôn bán trái phép từ 01 đến 02 động vật lớp thú, từ 01 đến 06 động vật lớp chim thuộc Danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ hoặc từ 01 đến 09 động vật lớp khác.

+ Tàng trữ, vận chuyển, buôn bán trái phép cá thể, bộ phận cơ thể không thể tách rời sự sống hoặc sản phẩm của từ 1 đến 2 cá thể lớp thú, từ 1 đến 6 cá thể lớp chim hoặc từ 1 đến 9 cá thể động vật lớp khác;

+ Tàng trữ, vận chuyển, buôn bán trái phép ngà voi có khối lượng từ 02 kilôgam đến dưới 20 kilôgam; sừng tê giác có khối lượng từ 50 gam đến dưới 01 kilôgam;

+ Săn bắt, giết, nuôi, nhốt, vận chuyển, buôn bán trái phép động vật thuộc Danh mục thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm Nhóm IB hoặc Phụ lục I Công ước về buôn bán quốc tế các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp mà không thuộc loài quy định tại điểm a khoản này với số lượng từ 03 đến 07 động vật lớp thú, từ 07 đến 10 động vật lớp chim, bò sát hoặc từ 10 đến 15 động vật lớp khác;

+ Tàng trữ, vận chuyển, buôn bán trái phép cá thể, bộ phận cơ thể không thể tách rời sự sống của từ 03 cá thể đến 07 cá thể lớp thú, từ 07 cá thể đến 10 cá thể lớp chim, bò sát hoặc từ 10 cá thể đến 15 cá thể động vật lớp khác quy định tại điểm d khoản này;

+ Săn bắt, giết, nuôi, nhốt, vận chuyển, buôn bán trái phép động vật hoặc tàng trữ, vận chuyển, buôn bán trái phép cá thể, bộ phận cơ thể không thể tách rời sự sống hoặc sản phẩm của động vật có số lượng dưới mức quy định tại các điểm c, d và đ khoản này nhưng đã bị xử phạt vi phạm hành chính về một trong các hành vi quy định tại Điều này hoặc đã bị kết án về tội này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm.

- Khung tăng nặng thuộc khoản 2 Điều 244 BLHS năm 2015 quy định hình phạt tù từ 05 năm đến 10 năm đối với một trong các hành vi sau đây:

+ Số lượng động vật hoặc bộ phận cơ thể không thể tách rời sự sống của từ 03 cá thể đến 07 cá thể lớp thú, từ 07 cá thể đến 10 cá thể lớp chim, bò sát hoặc từ 10 cá thể đến 15 cá thể động vật lớp khác quy định tại điểm a khoản 1 Điều này;

+ Số lượng động vật hoặc bộ phận cơ thể không thể tách rời sự sống của từ 08 cá thể đến 11 cá thể lớp thú, từ 11 cá thể đến 15 cá thể lớp chim, bò sát hoặc từ 16 cá thể đến 20 cá thể động vật lớp khác quy định tại điểm d khoản 1 Điều này;

+ Từ 01 cá thể đến 02 cá thể voi, tê giác hoặc bộ phận cơ thể không thể tách rời sự sống của từ 01 cá thể đến 02 cá thể voi, tê giác; từ 03 cá thể đến 05 cá thể gấu, hổ hoặc bộ phận cơ thể không thể tách rời sự sống của từ 03 cá thể đến 05 cá thể gấu, hổ;

+ Ngà voi có khối lượng từ 20 kilôgam đến dưới 90 kilôgam; sừng tê giác có khối lượng từ 01 kilôgam đến dưới 09 kilôgam;

+ Có tổ chức;

+ Lợi dụng chức vụ, quyền hạn hoặc lợi dụng danh nghĩa cơ quan, tổ chức;

+ Sử dụng công cụ hoặc phương tiện sẵn bắt bị cấm;

+ Sẵn bắt trong khu vực bị cấm hoặc vào thời gian bị cấm;

+ Buôn bán, vận chuyển qua biên giới;

+ Tái phạm nguy hiểm.

- Khung tăng nặng thuộc khoản 3 Điều 244 BLHS năm 2015 quy định hình phạt tù từ 10 năm đến 15 năm đối với một trong các hành vi sau đây:

+ Số lượng động vật hoặc bộ phận cơ thể không thể tách rời sự sống của 08 cá thể lớp thú trở lên, 11 cá thể lớp chim, bò sát trở lên hoặc 16 cá thể động vật lớp khác trở lên quy định tại điểm a khoản 1 Điều này;

+ Số lượng động vật hoặc bộ phận cơ thể không thể tách rời sự sống của 12 cá thể lớp thú trở lên, 16 cá thể lớp chim, bò sát trở lên hoặc 21 cá thể động vật lớp khác trở lên quy định tại điểm d khoản 1 Điều này;

+ Từ 03 cá thể voi, tê giác trở lên hoặc bộ phận cơ thể không thể tách rời sự sống của 03 cá thể voi, tê giác trở lên; 06 cá thể gấu, hổ trở lên hoặc bộ phận cơ thể không thể tách rời sự sống của 06 cá thể gấu, hổ trở lên;

+ Ngà voi có khối lượng 90 kilôgam trở lên; sừng tê giác có khối lượng 09 kilôgam trở lên.

1.2.3. So sánh quy định của BLHS năm 1999 với BLHS năm 2015 về tội vi phạm quy định về bảo vệ động vật nguy cấp, quý, hiếm

Tội vi phạm quy định về bảo vệ động vật nguy cấp, quý, hiếm quy định tại Điều 244 BLHS năm 2015 được xây dựng và phát triển trên cơ sở nền tảng của Tội vi phạm các quy định về bảo vệ động vật thuộc Danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ quy định tại Điều 190 BLHS năm 1999, cụ thể như sau:

1.2.3.1. Về dấu hiệu định tội

Nếu tại Điều 190 BLHS năm 1999 chỉ quy định mang tính nguyên tắc chung là “*Người nào săn bắt, giết, vận chuyển, nuôi, nhốt, buôn bán trái phép động vật thuộc danh mục loài nguy cấp, quý hiếm được ưu tiên bảo vệ hoặc vận chuyển, buôn bán trái phép bộ phận cơ thể hoặc sản phẩm của động vật đó*”, còn định lượng làm căn cứ xác định dấu hiệu định tội để truy cứu TNHS được quy định tại văn bản hướng dẫn dưới luật, thì Điều 244 BLHS năm 2015 đã quy định dấu hiệu định tội một cách cụ thể và chi tiết hơn, lượng hóa cụ thể về số lượng lớp động vật như thú, chim, bò sát hoặc khối lượng bộ phận cơ thể không thể tách rời sự sống hoặc sản phẩm lớp động vật đó để truy cứu TNHS. Điều 244 BLHS năm 2015 còn bổ sung thêm việc truy cứu TNHS cả hành vi “*Tàng trữ*” động vật nguy cấp, quý, hiếm hoặc bộ phận cơ thể, sản phẩm của động vật nguy cấp, quý hiếm. Đồng thời Điều 244 còn quy định mới đối với trường hợp số lượng, khối lượng tang vật vi phạm dưới mức khởi điểm thì phải có các điều kiện như “*đã bị xử phạt vi phạm hành chính về một trong các hành vi quy định tại điều này hoặc đã bị kết án về tội này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm*” làm căn cứ xử lý triệt để tất cả các hành vi xâm hại đến động vật nguy cấp, quý, hiếm.

1.2.3.2. Về tình tiết tăng nặng định khung

So sánh Điều 190 BLHS năm 1999 và Điều 244 BLHS năm 2015 cho thấy:

* Điểm giống nhau về tình tiết tăng nặng định khung quy định tại khoản 2 Điều 190 BLHS năm 1999 và khoản 2 Điều 244 BLHS năm 2015 là: Cả hai Điều luật này đều quy định các tình tiết tăng nặng định khung như: Có tổ chức; Lợi dụng

chức vụ, quyền hạn; Sử dụng công cụ hoặc phương tiện săn bắt bị cấm; Săn bắt trong khu vực bị cấm hoặc vào thời gian bị cấm;

* Điểm khác nhau về tình tiết tăng nặng định khung quy định tại khoản 2 Điều 190 BLHS năm 1999 và khoản 2 Điều 244 BLHS năm 2015 có những sự khác biệt rõ nét, cụ thể như sau:

+ Nếu tại khoản 2 Điều 190 BLHS năm 1999 có quy định về phạm tội chung chung là “Gây hậu quả rất nghiêm trọng hoặc đặc biệt nghiêm trọng”, thì tại khoản 2 Điều 244 BLHS năm 2015 đã bỏ tình tiết này, mà thay vào đó là định lượng cụ thể lớp động vật nguy cấp, quý, hiếm như lớp thú, lớp chim, bò sát hoặc bộ phận cơ thể không thể tách rời sự sống của số lượng lớp động vật đó, hoặc định lượng cụ thể khối lượng ngà voi là từ 20kilôgam đến dưới 90 kilôgam; hoặc sừng tê giác có khối lượng từ 01 kilôgam đến dưới 09 kilôgam.

+ Khoản 2 Điều 244 BLHS năm 2015 còn quy định thêm các tình tiết như: “Lợi dụng danh nghĩa của cơ quan, tổ chức”, “Buôn bán, vận chuyển qua biên giới” và “Tái phạm nguy hiểm”, những tình tiết này chưa được quy định tại Điều 190 BLHS năm 1999.

+ Khoản 3 Điều 244 BLHS năm 2015 quy định mới, được tách ra từ khoản 2 Điều 244, trong đó quy định tăng thêm về định lượng cụ thể lớp động vật nguy cấp, quý, hiếm như lớp thú, lớp chim, bò sát hoặc bộ phận cơ thể không thể tách rời sự sống của số lượng lớp động vật đó, hoặc định lượng khối lượng ngà voi từ 90 kilôgam trở lên, sừng tê giác từ 09 kilôgam trở lên. Đây cũng là điểm mới khác biệt so với tình tiết tăng nặng định khung quy định tại khoản 2 Điều 190 BLHS năm 1999.

1.2.3.3. Về hình phạt

Nếu BLHS năm 1999 quy định chủ thể chịu TNHS về tội vi phạm quy định về bảo vệ động vật nguy cấp, quý, hiếm là cá nhân người phạm tội, thì BLHS năm 2015 quy định bổ sung thêm chủ thể chịu TNHS về tội vi phạm quy định về bảo vệ động vật nguy cấp, quý, hiếm gồm cả cá nhân người phạm tội và pháp nhân thương mại phạm tội. Do đó về hình phạt về loại tội phạm này của BLHS năm 1999 và BLHS năm 2015 cũng có những sự khác biệt nhất định, cụ thể như sau:

* *Về hình phạt chính đối với người phạm tội:*

- Về loại hình phạt chính: Nếu tại khoản 1 Điều 190 BLHS năm 1999 quy định ba loại hình phạt chính gồm: Phạt tiền, cải tạo không giam giữ và hình phạt tù (có thời hạn), thì ở khoản 1 Điều 244 BLHS năm 2015 chỉ quy định hai loại hình phạt, đó là hình phạt tiền và hình phạt tù (có thời hạn).

- Về mức hình phạt tiền: Nếu khoản 1 Điều 190 BLHS năm 1999 chỉ quy định số tiền là “từ năm triệu đồng đến năm trăm triệu đồng”, thì tại khoản 1 Điều 244 BLHS năm 2015 mức phạt tiền là “từ 500.000.000 đồng đến 2.000.000.000 đồng”.

- Về mức hình phạt tù tại khung cơ bản: Nếu khoản 1 Điều 190 BLHS năm 1999 quy định hình phạt tù “từ sáu tháng đến ba năm”, thì khoản 1 Điều 244 BLHS năm 2015 người phạm tội có thể bị phạt tù “từ 1 năm đến 5 năm”.

- Về mức hình phạt tù tại khung tăng nặng: Nếu khoản 2 Điều 190 BLHS năm 1999 quy định hình phạt tù “từ hai năm đến bảy năm”, thì khoản 2 Điều 244 BLHS năm 2015 người phạm tội có thể bị phạt tù “từ 05 năm đến 10 năm” và khoản 3 Điều 244 BLHS năm 2015 người phạm tội có thể bị phạt tù “từ 10 năm đến 15 năm”.

** Về hình phạt bổ sung đối với người phạm tội:*

Nếu hình phạt tiền bổ sung quy định tại khoản 3 Điều 190 BLHS năm 1999 quy định mức tiền phạt “từ mười triệu đến một trăm triệu” thì khoản 4 Điều 244 BLHS năm 2015 quy định mức phạt tiền bổ sung là “từ 50.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng”.

** Vấn đề trách nhiệm hình sự đối với pháp nhân thương mại:*

Đây là quy định mới so với BLHS năm 1999. Trong đó, theo quy định tại khoản 5 Điều 244 BLHS năm 2015, pháp nhân thương mại phạm tội vi phạm quy định về bảo vệ động vật nguy cấp, quý, hiếm thì phải chịu TNHS như sau:

Về loại hình phạt chính: Pháp nhân thương mại phạm tội thì có thể bị áp dụng các loại hình phạt chính như: Phạt tiền; Đình chỉ hoạt động có thời hạn; Đình chỉ hoạt động vĩnh viễn.

Về hình phạt bổ sung: Pháp nhân thương mại có thể bị phạt tiền, cấm kinh doanh, cấm hoạt động trong một số lĩnh vực nhất định hoặc cấm huy động vốn.

Về mức phạt tiền:

+ Phạm tội thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 244 BLHS năm 2015, thì bị phạt tiền từ 1.000.000.000 đồng đến 5.000.000.000 đồng;

+ Phạm tội thuộc một trong các trường hợp quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, g, h, i và k khoản 2 Điều 244 BLHS năm 2015, thì bị phạt tiền từ 5.000.000.000 đồng đến 10.000.000.000 đồng;

+ Phạm tội thuộc trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 244 BLHS năm 2015, thì bị phạt tiền từ 10.000.000.000 đồng đến 15.000.000.000 đồng.

Về mức hình phạt khác:

+ Pháp nhân thương mại phạm tội thì mức hình phạt chính có thể bị áp dụng là đình chỉ hoạt động có thời hạn từ 06 tháng đến 03 năm; hoặc đình chỉ hoạt động không có thời hạn (tức đình chỉ hoạt động vĩnh viễn);

+ Ngoài ra pháp nhân thương mại còn có thể bị phạt bổ sung như cấm kinh doanh, cấm hoạt động trong một số lĩnh vực nhất định hoặc cấm huy động vốn trong tất cả các lĩnh vực trong thời hạn từ 01 năm đến 03 năm.

1.2.4. Phân biệt động vật hoang dã quy định tại Điều 234 với động vật nguy cấp, quý, hiếm quy định tại Điều 244 trong BLHS năm 2015

Điều 234 - Tội vi phạm quy định về bảo vệ động vật hoang dã thuộc Chương XVIII Các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế

Điều 244 Tội vi phạm quy định về bảo vệ động vật nguy cấp, quý, hiếm thuộc Chương XIX Các tội phạm về môi trường.

Giống nhau: Cả hai điều luật đều bảo vệ động vật thuộc nhóm hoang dã, nguy cấp, quý, hiếm.

Khác nhau: Nếu Điều 234 quy định chỉ xử lý đối với những hành vi vi phạm quy định về bảo vệ động vật nguy cấp, quý hiếm nhóm IIB hoặc thuộc Phụ lục II của Công ước về buôn bán quốc tế các loài động vật, thực vật hoang dã, nguy cấp, thì Điều 244 xử lý đối với những hành vi vi phạm quy định về bảo vệ động vật thuộc Danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ; động vật nguy cấp, quý hiếm nhóm IB hoặc thuộc Phụ lục I của Công ước về buôn bán quốc tế các loài động vật, thực vật hoang dã, nguy cấp.

Nếu động vật thuộc Nhóm IIB và Phụ lục II của Công ước về buôn bán quốc tế các loài động vật, thực vật hoang dã, nguy cấp là những loài hoang dã nguy cấp thông thường và vẫn được phép sử dụng, trao đổi buôn bán thương mại, nhưng có kiểm soát, còn động vật thuộc Danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ và động vật thuộc danh mục Nhóm IB hoặc động vật thuộc Phụ lục I của Công ước về buôn bán quốc tế các loài động vật, thực vật hoang dã, nguy cấp là những loài cấm sử dụng, trao đổi, buôn bán vì mục đích thương mại.

Tiểu kết Chương

Chương 1 học viên đã nghiên cứu những vấn đề lý luận về Tội vi phạm quy định về bảo vệ động vật nguy cấp, quý, hiếm; đánh giá lịch sử quá trình lập pháp hình sự của Nhà nước ta đối với Tội vi phạm quy định về bảo vệ động vật nguy cấp, quý, hiếm từ năm 1945 đến nay; Phân tích các dấu hiệu pháp lý cơ bản đối với Tội vi phạm quy định về bảo vệ động vật nguy cấp, quý, hiếm, đó là các dấu hiệu về khách thể; dấu hiệu về mặt khách quan; dấu hiệu chủ thể của cá nhân người phạm tội và vấn đề trách nhiệm hình sự của pháp nhân thương mại; dấu hiệu mặt chủ quan của tội vi phạm quy định về bảo vệ động vật nguy cấp, quý, hiếm; Qua nghiên cứu, tác giả đã đưa ra được khái niệm tội vi phạm quy định về bảo vệ động vật nguy cấp, quý, hiếm; nhận thức được rằng pháp nhân thương mại không phải là chủ thể thực hiện tội phạm mà pháp nhân thương mại chỉ bị coi là tội phạm và là chủ thể chịu trách nhiệm hình sự về tội vi phạm quy định về bảo vệ động vật nguy cấp, quý, hiếm. Những nội dung nghiên cứu trong Chương 1 đã gợi mở và làm tiền đề để tác giả xây dựng và triển khai các nội dung tiếp theo tại Chương 2.

Chương 2

THỰC TIỄN ÁP DỤNG QUY ĐỊNH VỀ TỘI VI PHẠM QUY ĐỊNH VỀ BẢO VỆ ĐỘNG VẬT NGUY CẤP, QUÝ, HIẾM TẠI TỈNH QUẢNG NINH

2.1. Một số đặc điểm về kinh tế - xã hội và tình hình tội phạm tại Quảng Ninh trong thời gian qua

Quảng Ninh là tỉnh ven biển biên giới phía bắc Việt Nam, phía đông bắc giáp Trung Quốc; phía đông nam giáp vịnh Bắc Bộ, phía tây nam giáp tỉnh Hải Dương và thành phố Hải Phòng; phía tây bắc giáp các tỉnh Lạng Sơn, Bắc Giang và Hải Dương, có đường bờ biển dài 250km; diện tích toàn tỉnh rộng hơn 6.110,813km² đất liền và 6.000km² diện tích mặt biển; Là địa phương giàu tiềm năng về tài nguyên thiên nhiên, thuận lợi về vị trí địa lý, có hệ thống giao thông thuận lợi, có nhiều cảng biển, cửa khẩu quốc tế. Hoạt động kinh tế chủ yếu là công nghiệp khai thác than, sản xuất vật liệu xây dựng, cơ khí đóng tàu, dịch vụ thương mại và du lịch, nuôi trồng và đánh bắt thủy, hải sản, trồng rừng [65, tr. 5-32]. Với những thuận lợi đó, Quảng Ninh được đánh giá là một đầu tàu kinh tế phía Bắc và là một trong tam giác kinh tế trọng điểm Hà Nội – Hải Phòng – Quảng Ninh. Những năm qua kinh tế, xã hội liên tục phát triển, đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân không ngừng được nâng cao.

Cùng với sự phát triển của kinh tế xã hội, tình trạng tội phạm và vi phạm pháp luật cũng gia tăng. Trong những năm gần đây, nhiều vụ án lớn, đặc biệt nghiêm trọng hoặc các vụ án dư luận xã hội quan tâm đã được đưa ra xét xử kịp thời, đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ chính trị của địa phương, điển hình như: Vụ án Doãn Trung Dũng phạm tội “Giết người” và “Cướp tài sản” xảy ra tại thành phố Uông Bí; vụ án Nguyễn Khắc Từ cùng đồng phạm phạm tội “Tham ô tài sản” tại Công ty TNHH 1 thành viên Cảng Quảng Ninh; Vụ án Hoàng Văn Tiến cùng đồng phạm phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy” và “Tàng trữ trái phép vũ khí quân dụng” (chuyên án 006) giai đoạn 2, trong chuyên án này, qua hai phiên tòa đã xét xử tổng số 114 bị cáo, trong đó có 36 bị cáo bị xử phạt Tử hình, 19 bị cáo bị xử phạt Tù chung thân, còn lại là hình phạt tù có thời hạn ... [50].

Bảng 2.1: Thống kê số vụ án hình sự và số bị cáo đã bị xét xử sơ thẩm tại tỉnh Quảng Ninh, giai đoạn từ 2013 -2017.

Cấp xét xử	Năm 2013	Năm 2014	Năm 2015	Năm 2016	Năm 2017
Cấp huyện	1.351/2.157	1.191/1.833	1.070/1.613	1.111/1.768	1.096/1.745
Cấp tỉnh	184/456	154/555	136/353	177/760	169/399
Tổng số	1.535/2.613	1.345/2.388	1.206/1.966	1.288/2.528	1.265/2.144

(Nguồn: Học viên khảo sát tại TAND tỉnh Quảng Ninh, tháng 7/2018)

Qua phân tích số liệu thống kê tại Bảng 2.1 về số vụ án hình sự và số bị cáo đã bị xét xử sơ thẩm tại tỉnh Quảng Ninh, giai đoạn từ 2013 -2017, cho thấy số vụ án và số bị cáo đã xét xử năm 2017 với năm 2013 có giảm 270 vụ / 469 bị cáo, nhưng tình hình tội phạm vẫn hết sức phức tạp với những vụ án đặc biệt nghiêm trọng được dư luận xã hội quan tâm, tính trung bình, mỗi năm Tòa án nhân dân hai cấp tỉnh Quảng Ninh xét xử sơ thẩm 1.327,8 vụ / 2.327,8 bị cáo, với số lượng các vụ án hình sự hàng năm phải giải quyết, xét xử như vậy là rất lớn. Trong những năm qua, tại Quảng Ninh, không có vụ án nào xét xử oan người vô tội, các phán quyết của Tòa án luôn đảm bảo nhiệm vụ bảo vệ công lý, bảo vệ quyền con người, quyền công dân, bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa, bảo vệ lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân. Để đạt được kết quả đó là nhờ có sự nỗ lực cố gắng của toàn thể cán bộ, công chức của hệ thống Tòa án nhân dân hai cấp tỉnh Quảng Ninh.

Tổng số vụ án Hình sự sơ thẩm mà hệ thống Tòa án hai cấp tỉnh Quảng Ninh đã xét xử trong giai đoạn 5 năm (2013- 2017) là 6.639 vụ/ 11.639 bị cáo, trong đó có 17 vụ án liên quan đến động vật nguy cấp, quý, hiếm, cụ thể gồm: 16 vụ/31 bị cáo bị xét xử về *Tội vi phạm các quy định về bảo vệ động vật thuộc danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ* theo quy định tại Điều 190 BLHS năm 1999; 01 vụ/01 bị cáo bị xét xử về *Tội vận chuyển trái phép hàng hóa qua biên giới*

theo quy định tại Điều 154 BLHS năm 1999 với tình tiết định khung là “hàng cấm có số lượng lớn” (sản phẩm được chế tác từ ngà voi Châu Phi); Trả hồ sơ yêu cầu điều tra bổ sung 01 vụ/01 bị can bị truy tố về *Tội vi phạm các quy định về bảo vệ động vật thuộc danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ* để định giá tang vật vi phạm theo Nghị định 157/2013/NĐ-CP ngày 11/11/2013, Cơ quan điều tra đã quyết định đình chỉ điều tra và đình chỉ vụ án do giá trị tang vật vi phạm dưới 100.000.000 đồng [50].

Bảng 2.2: Thống kê số vụ án và số bị cáo đã bị xét xử sơ thẩm về tội vi phạm quy định về bảo vệ động vật nguy cấp, quý, hiếm tại Quảng Ninh, giai đoạn 2013- 2017.

Cấp xét xử	Năm 2013	Năm 2014	Năm 2015	Năm 2016	Năm 2017
Cấp huyện	3/5	0	3/4	6/12	2/3
Cấp tỉnh	0	1/1	0	0	2/7
Tổng số	3/5	1/1	3/4	6/12	4/10

(Nguồn: Học viên khảo sát tại TAND tỉnh Quảng Ninh, tháng 7/2018)

Trên cơ sở phân tích số liệu thống kê tại Bảng 1 và Bảng 2 nêu trên và kết quả khảo sát các vụ án tội vi phạm quy định về bảo vệ động vật nguy cấp, quý, hiếm cho thấy một số đặc điểm sau đây:

Thứ nhất: Trong giai đoạn 5 năm qua (2013 – 2017), số lượng các vụ án về tội vi phạm quy định về bảo vệ động vật nguy cấp, quý, hiếm, chiếm tỉ lệ rất nhỏ trong tổng số các loại tội phạm Tòa án hai cấp tỉnh Quảng Ninh đã xét xử. Trung bình mỗi năm xét xử 3,4 vụ án về tội vi phạm quy định về bảo vệ động vật nguy cấp, quý, hiếm, so với số các vụ án hình sự trung bình hàng năm trong giai đoạn này là 1.327,8 vụ án, chiếm tỉ lệ 0,26%. Số vụ án về động vật nguy cấp, quý hiếm hàng năm không đều, những năm gần đây có xu hướng tăng dần về số vụ án và số bị cáo.

Cụ thể: Thấp nhất là năm 2014 xét xử 1 vụ/1 bị cáo; Cao nhất là năm 2016 xét xử 6 vụ/12 bị cáo.

Thứ hai: Hành vi khách quan trong các vụ án này chủ yếu là hành vi vận chuyển trái phép động vật nguy cấp, quý, hiếm; hoặc vận chuyển trái phép bộ phận cơ thể hoặc sản phẩm của động vật nguy cấp, quý hiếm.

Tuyến vận chuyển chủ yếu là vận chuyển bằng đường bộ theo Quốc lộ 18A, hướng đích đến luôn luôn là thành phố Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh, sau đó đích đến tiếp theo là chuyển sang Trung Quốc.

Loài động vật nguy cấp quý hiếm mà các bị cáo mua bán, vận chuyển trong các vụ án này chủ yếu là loài Tê tê java và rắn Hồ chúa (rắn HỒ mang chúa).

Nguồn gốc xuất xứ của các loài động vật này đều không xác định được.

Số lượng động vật nguy cấp, quý hiếm mà các bị cáo vận chuyển tương đối lớn, điển hình như vụ án Phạm Hải Nam và Phạm Đình Cung vận chuyển 129 cá thể Tê tê java, có tổng trọng lượng là 535kg (Năm trăm ba mươi lăm) kilôgam. Hoặc vụ án Phạm Văn Át vận chuyển 04 cá thể rắn Hồ chúa, có tổng trọng lượng là 41kg (Bốn mươi một) kilôgam.

Thứ ba: Số lượng Thẩm phán của TAND hai cấp tỉnh Quảng Ninh không nhiều, chỉ có 100 thẩm phán/240 tổng biên chế hiện có, trong khi số lượng các loại vụ việc phải giải quyết hàng năm là rất lớn. Trong số đó, đa số các Thẩm phán đều có chuyên môn tốt, có trình độ, năng lực và có tinh thần trách nhiệm cao trong công việc; Tuy nhiên cũng còn có một vài Thẩm phán có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm và năng lực còn hạn chế, chưa đáp ứng được nhiệm vụ khi xét xử các vụ án về động vật nguy cấp, quý, hiếm.

Thứ tư: Nhìn chung chất lượng xét xử các vụ án tội vi phạm quy định về bảo vệ động vật nguy cấp, quý, hiếm tương đối tốt, các vụ án đều được xét xử nghiêm minh, đúng người, đúng tội, đúng hạn luật định, đáp ứng được yêu cầu của công tác đấu tranh phòng và chống tội phạm. Kết quả, trong số 17 vụ án đã xét xử về động vật nguy cấp, quý, hiếm không có vụ án nào bị kháng nghị; chỉ có 2 vụ/3 bị cáo kháng cáo xin hưởng án treo, đã được cấp phúc thẩm xét xử theo đúng quy định.

Tóm lại, mặc dù về cơ sở vật chất và điều kiện làm việc của Tòa án nhân dân hai cấp tỉnh Quảng Ninh, đặc biệt là Tòa án cấp huyện còn nhiều thiếu thốn và hạn chế, số lượng Thẩm phán không nhiều, hàng năm phải giải quyết một số lượng án không nhỏ, nhưng công tác xét xử các loại vụ án nói chung và xét xử tội vi phạm quy định về bảo vệ động vật nguy cấp, quý, hiếm nói riêng trong giai đoạn 5 năm (2013-2017) trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh đã đạt được những thành công nhất định.

2.2. Thực tiễn định tội danh tội vi phạm quy định về bảo vệ động vật nguy cấp, quý, hiếm tại tỉnh Quảng Ninh

Trong quá trình áp dụng pháp luật hình sự, định tội danh (ĐTD) là giai đoạn rất quan trọng, xuyên suốt toàn bộ quá trình tố tụng, là cơ sở quan trọng có tính quyết định đối với hoạt động quyết định hình phạt.

Có một số nhà khoa học đã nghiên cứu và đưa ra một số quan điểm về khái niệm ĐTD, mỗi quan điểm có cách đánh giá khác nhau, ví dụ:

Có quan điểm cho rằng: *“ĐTD là một dạng hoạt động nhận thức, hoạt động áp dụng pháp luật hình sự nhằm đi tới chân lý khách quan trên cơ sở xác định đúng đắn, đầy đủ các tình tiết cụ thể của hành vi phạm tội được thực hiện, nhận thức đúng nội dung quy phạm pháp luật hình sự quy định cấu thành tội phạm tương ứng và mối liên hệ tương đồng giữa các dấu hiệu của cấu thành tội phạm với các tình tiết cụ thể của hành vi phạm tội bằng các phương pháp và thông qua các giai đoạn nhất định”* [64, tr. 17].

Có quan điểm khác cho rằng: *“Định tội danh là hoạt động thực tiễn của cơ quan tiến hành tố tụng (Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát, Tòa án) và một số cơ quan khác có thẩm quyền theo quy định của pháp luật để xác định một người có phạm tội không, nếu phạm tội thì đó là tội gì, theo điều luật nào của BLHS hay nói cách khác đây là quá trình xác định tên gọi cho hành vi nguy hiểm đã thực hiện”* [26].

Nhìn chung các khái niệm đều đã phản ánh được những đặc điểm cơ bản của ĐTD. Trên cơ sở lý luận và thực tiễn xét xử, chúng ta có thể hiểu: ĐTD là việc cơ quan Nhà nước có thẩm quyền (Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát và Tòa án) dựa trên cơ sở của BLHS để xem xét, đánh giá các tình tiết thực tế của vụ án để xác định có dấu hiệu tội phạm xảy ra hay không, nếu có thì có đủ yếu tố cấu thành tội phạm tội phạm gì trong BLHS.

Như vậy, căn cứ theo quy định tại Điều 244 BLHS năm 2015 và các dấu hiệu pháp lý đặc trưng trong cấu thành tội vi phạm quy định về bảo vệ động vật nguy cấp, quý, hiếm ta có thể khái quát về hoạt động ĐTD tội vi phạm quy định về bảo vệ động vật nguy cấp, quý, hiếm như sau: *“ĐTD tội vi phạm quy định về bảo vệ động vật nguy cấp, quý, hiếm là hoạt động của cơ quan tiến hành tố tụng (Cơ quan*

điều tra, Viện kiểm sát, Tòa án) trong phạm vi thẩm quyền theo quy định của BLTTHS tiến hành xem xét, phân tích, đánh giá một hành vi phạm tội có thỏa mãn những dấu hiệu của tội vi phạm quy định về bảo vệ động vật nguy cấp, quý, hiếm hay không, nếu có thì nó thuộc điểm, khoản nào của Điều 244 BLHS”.

Trong giai đoạn xét xử, hoạt động ĐTD là hoạt động của Hội đồng xét xử, trong đó bao gồm Thẩm phán và Hội thẩm nhân dân, đây thực chất là hoạt động áp dụng pháp luật, đó là việc tiến hành đồng thời ba quá trình:

“1. Xác định đúng, khách quan các tình tiết thực tế của vụ án;

2. Nhận thức đúng nội dung của các quy định trong Bộ luật hình sự;

3. Lựa chọn đúng quy phạm pháp luật hình sự tương ứng để đối chiếu chính xác, đầy đủ các dấu hiệu cấu thành tội phạm được quy định trong quy phạm đó với các tình tiết của hành vi được thực hiện trong thực tế, trên cơ sở đó đưa ra kết luận có cơ sở, có căn cứ về sự đồng nhất giữa hành vi thực tế đã thực hiện với cấu thành tội phạm được quy định trong điều hoặc khoản của điều luật tương ứng. Kết luận đó được trình bày dưới dạng văn bản áp dụng pháp luật” [62, tr.17].

Hoạt động ĐTD đối với tội vi phạm quy định về bảo vệ động vật nguy cấp, quý, hiếm được tiến hành trên cơ sở áp dụng Pháp luật hình sự và Pháp luật tố tụng hình sự. Đây là những căn cứ pháp lý để tiến hành ĐTD đối với tất cả các loại tội phạm, trong đó có tội vi phạm quy định về bảo vệ động vật nguy cấp, quý, hiếm. Việc áp dụng pháp luật TTHS được sử dụng với ý nghĩa là hình thức pháp lý đối với hoạt động ĐTD, tức pháp luật TTHS quy định về mặt trình tự, thủ tục và thẩm quyền của cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng khi thực hiện hoạt động ĐTD. Về nội dung hoạt động ĐTD phải căn cứ vào quy định của pháp luật hình sự, đó là căn cứ vào các yếu tố cấu thành tội phạm (các dấu hiệu pháp lý) của tội vi phạm quy định về bảo vệ động vật nguy cấp, quý, hiếm quy định tại Điều 244 BLHS năm 2015 đó là các yếu tố về khách thể; mặt khách quan; chủ thể; mặt chủ quan của tội phạm.

“ĐTD đúng có nghĩa là tuân thủ chính xác các quy định của Đạo luật hình sự, áp dụng điều luật, khoản, điểm của điều luật hoặc tổng hợp các điều luật bao quát được hành vi phạm tội đã thực hiện” [62, tr.20]. Trên cơ sở ĐTD đúng sẽ là cơ

sở để truy cứu TNHS đối với người thực hiện hành vi phạm tội, xác định họ đã phạm tội gì, mức độ nguy hiểm cho xã hội mà họ đã thực hiện, đó chính là cơ sở để cá thể hóa hình phạt đối với họ.

Việc ĐTD đúng có ý nghĩa rất quan trọng trong tố tụng hình sự, bởi đây là căn cứ để cơ quan có thẩm quyền xem xét, quyết định hành vi của một người có phạm tội hay không phạm tội; nếu có thì phạm tội gì, thuộc điểm, khoản, Điều nào trong BLHS. Để ĐTD đúng, người THPT phải nắm rõ các khái niệm về ĐTD, cơ sở pháp lý của việc ĐTD, các đặc điểm, các bước của ĐTD cũng như phải nghiên cứu, nắm vững về CTTP của từng tội phạm cụ thể quy định trong BLHS.

Trong thời gian qua, hoạt động định tội danh đối với tội vi phạm quy định về bảo vệ động vật nguy cấp, quý, hiếm trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh về cơ bản là đáp ứng được thực tiễn, hậu hết các vụ án xét xử về tội này là đúng tội danh. Vụ án sau đây là một ví dụ về ĐTD đúng đối với tội vi phạm quy định về bảo vệ động vật nguy cấp, quý, hiếm. Tại bản án số 219/2015/HSST ngày 28/12/2015 của Tòa án nhân dân thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh có nội dung như sau:

Khoảng 15 giờ ngày 20/9/2015, tại đoạn đường 337 thuộc tổ 2, khu Vạn Yên, phường Việt Hưng, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh, tổ công tác của Công an thành phố Hạ Long kiểm tra, phát hiện, bắt quả tang trên xe ô tô nhãn hiệu MAZDA BT50 gắn biển kiểm soát 29C-112.69 do Đỗ Văn Mười điều khiển, chở các cá thể động vật tê tê còn sống. Trên xe có Đoàn Việt Anh, sinh năm 1990, trú tại số nhà 34, ngõ 96, đường Hai Bà Trưng, phường An Biên, quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng. Vật chứng thu giữ gồm 76 cá thể tê tê có tổng trọng lượng 335kg; 01 ô tô bán tải nhãn hiệu MAZDA BT50 gắn biển kiểm soát 29C-112.69; 01 bộ biển kiểm soát xe ô tô số 14C-115.65; 01 bản sao giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô chủ xe tên Nguyễn Thành Ninh và 01 giấy chứng nhận kiểm định xe ô tô 14C-115.65.

Tại Bản kết luận giám định động vật số 868/STTNSV ngày 22/9/2015 của Viện Sinh thái và tài nguyên sinh vật, thuộc Viện Hàn lâm khoa học và công nghệ Việt Nam kết luận 76 cá thể động vật là loài Tê tê java có tên khoa học là *Manis javanica*. Thuộc Phụ lục I Danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu

tiên bảo vệ (ban hành kèm theo Nghị định số 160/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Chính phủ).

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo khai: Từ tháng 3/2015, bị cáo thuê chiếc xe ô tô bán tải biển kiểm soát 14C-111.65 của anh Nguyễn Thành Ninh ở phường Hòa Lạc thành phố Móng Cái để vận chuyển hàng hóa. Trước đó, bị cáo đã nhiều lần vận chuyển hàng hóa đông lạnh cho người đàn ông tên Minh, nhà ở thành phố Hải Dương nhưng không rõ lai lịch, địa chỉ cụ thể. Tối ngày 19/9/2015, Minh gọi điện thoại cho bị cáo thuê vận chuyển tê tê từ Hải Dương đến khu vực thị trấn Hà Cối, huyện Hải Hà với giá 3.000.000đồng/chuyến, bị cáo đồng ý. Khoảng 01 giờ ngày 20/9/2015, bị cáo điều khiển xe ô tô biển kiểm soát 14C-115.65 đến nhà hàng 559 thành phố Hải Dương để gặp Minh như đã hẹn. Tại đây, Minh bảo bị cáo giao ô tô để Minh đi lấy tê tê đưa lên thùng xe, còn bị cáo nghỉ lại ở nhà hàng 559. Đến khoảng 08 giờ cùng ngày, Minh giao lại xe ô tô cho bị cáo đã được thay thế bằng biển kiểm soát 29C-112.69 còn biển kiểm soát 14C-115.65 để ở sàn xe bên ghế phụ. Minh dặn bị cáo xe chở hàng nhạy cảm, hàng cấm nên phải đi cẩn thận, khi đến gần thị trấn Hà Cối thì sẽ có người liên lạc để nhận hàng và trả tiền công. Bị cáo điều khiển xe ô tô đi hướng huyện Hải Hà. Do trước đó bị cáo đã liên lạc rủ Đoàn Việt Anh là bạn quen biết xã hội cùng đi thành phố Móng Cái chơi và hẹn đón Việt Anh nên khi đi đến ngã ba đường 10, thành phố Uông Bí, bị cáo đón Việt Anh lên xe. Trên đường đi, bị cáo không nói cho Việt Anh biết trên xe chở hàng gì. Khi bị cáo điều khiển xe đến khu vực Tuần Châu, thành phố Hạ Long, do nghi ngờ có người theo dõi, nên bị cáo không điều khiển xe đi thẳng mà đến gần bến xe khách Bãi Cháy, bị cáo điều khiển xe theo hướng vào huyện Hoàn Bồ để đi thành phố Móng Cái. Khi đến đoạn đường thuộc khu Vạn Yên, phường Việt Hưng, thành phố Hạ Long bị Công an thành phố Hạ Long yêu cầu dừng xe để kiểm tra, bị cáo quay đầu xe định bỏ chạy thì bị bắt giữ, kiểm tra trên thùng xe có 76 cá thể tê tê còn sống. Hội đồng xét xử quyết định tuyên bố bị cáo Đỗ Văn Mười đã phạm tội “Vi phạm các quy định về bảo vệ động vật thuộc danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ” theo điểm đ khoản 2 điều 190 BLHS năm 1999 [54].

Theo quan điểm của tác giả về ĐTD trong vụ án: Về chủ thể: bị cáo Đỗ Văn Mươi có năng lực chịu TNHS; Về mặt chủ quan: Bị cáo thực hiện tội phạm với lỗi cố ý trực tiếp, thể hiện ở việc bị cáo biết tê tê là mặt hàng nhà nước cấm nhưng vẫn cố ý vận chuyển. Về khách thể: Theo kết luận của cơ quan chức năng thì Tê tê java có tên khoa học là *Manis javanica* thuộc Phụ lục I Danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ (ban hành kèm theo Nghị định số 160/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Chính phủ); Về hành vi mặt khách quan: Bị cáo sử dụng ô tô vận chuyển số lượng 76 cá thể Tê tê java là động vật nguy cấp, quý, hiếm với số lượng đặc biệt lớn. Do đó Hội đồng xét xử đã định tội danh đối với hành vi của bị cáo Đỗ Văn Mươi là đã phạm tội vi phạm các quy định về bảo vệ động vật nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ với tình tiết tăng nặng định khung “Gây hậu quả rất nghiêm trọng hoặc đặc biệt nghiêm trọng” là hoàn toàn chính xác. Riêng đối với anh Đoàn Việt Anh, mặc dù có mặt trên xe ô tô do bị cáo Mươi điều khiển vận chuyển trái phép tê tê, nhưng anh Đoàn Việt Anh không biết Đỗ Văn Mươi vận chuyển tê tê, do đó hành vi của Đoàn Việt Anh không cấu thành tội phạm.

Hoạt động ĐTD trong giai đoạn xét xử tội vi phạm quy định về bảo vệ động vật nguy cấp, quý, hiếm cũng phải tuân theo trình tự chung của BLTTHS, hoạt động này được tiến hành ngay sau khi thụ lý vụ án và được thực hiện trong suốt giai đoạn chuẩn bị xét xử và hoạt động xét xử công khai tại phiên tòa. Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, Thẩm phán được phân công chủ tọa nghiên cứu hồ sơ, thẩm tra, đánh giá một cách toàn diện những tài liệu, chứng cứ thu thập trong quá trình điều tra xem có đủ yếu tố cấu thành tội vi phạm quy định về bảo vệ động vật nguy cấp, quý, hiếm không? Đó là các nội dung như: Hành vi có dấu hiệu của tội vi phạm quy định về bảo vệ động vật nguy cấp, quý, hiếm hay không? Đối tượng tác động trong vụ án là loài động vật thuộc danh mục nào? Ai là người thực hiện tội phạm? Người thực hiện tội phạm có năng lực chịu TNHS không? Phương thức, thủ đoạn thực hiện tội phạm là gì? Công cụ, phương tiện thực hiện tội phạm? Thời gian, địa điểm thực hiện tội phạm? ... hoặc xem xét, đánh giá các chứng cứ, tài liệu đã được thu thập đầy đủ và hợp pháp chưa; đối chiếu với các văn bản áp dụng để truy cứu TNHS vào thời điểm áp dụng có còn hiệu lực không? trong thời hạn 45 ngày đối

với trường hợp bị truy tố theo khoản 1 Điều 244 hoặc 02 tháng đối với trường hợp bị truy tố theo khoản 2 hoặc khoản 3 Điều 244 BLHS năm 2015, Thẩm phán được phân công chủ tọa phiên tòa phải ra một trong những quyết định sau: “a) Đưa vụ án ra xét xử; b) Trả hồ sơ để yêu cầu điều tra bổ sung; c) Tạm chỉ vụ án hoặc đình chỉ vụ” [40, tr. 267].

Xin nêu ví dụ vụ án về hoạt động ĐTD trong giai đoạn chuẩn bị xét xử: Vụ án Lê Quang Thắng vận chuyển trái phép động vật nguy cấp, quý hiếm: Tại bản cáo trạng số 03/KSĐT-HS ngày 18/12/2013 của VKSND huyện Tiên Yên, tỉnh Quảng Ninh có nội dung:

Hồi 19 giờ 50 phút, ngày 10/10/2013, tại Km192, Quốc lộ 18A, thuộc địa phận xã Hải Lạng, huyện Tiên Yên, tỉnh Quảng Ninh, Đội tuần tra kiểm soát 1-4 Phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh Quảng Ninh kiểm tra xe ô tô loại 5 chỗ ngồi biển số 89A-025.51 do anh Trần Anh Tuấn điều khiển đi hướng thành phố Hạ Long – thành phố Móng Cái, cùng đi trên xe có Lê Quang Thắng là khách thuê xe. Đội tuần tra kiểm soát đã thu giữ tại nhiều vị trí trên xe ô tô các cá thể rắn (nghỉ là rắn Hổ mang chúa), tổng cộng là 41 cá thể rắn, tổng trọng lượng 111kg. Tại Biên bản kết luận giám định động vật số 617/STTNSV ngày 11/10/2013 của Viện Sinh thái và tài nguyên sinh vật thuộc Viện Hàn lâm khoa học và công nghệ Việt Nam kết luận 41 cá thể động vật còn sống gửi giám định là rắn Hổ mang chúa có tên khoa học là *Ophiophagus hannah*, thuộc nhóm IB (Nhóm nghiêm cấm khai thác, sử dụng vì mục đích thương mại) quy định tại Nghị định số 32/2006/NĐ-CP ngày 30/3/2006 của Chính phủ. Tại cơ quan điều tra, Thắng khai nhận khoảng 06 giờ 30 phút, ngày 10/10/2013, Thắng nhận được điện thoại của một người tên là Tám (Thắng quen biết từ trước, nhưng không rõ lai lịch, địa chỉ) thuê Thắng vận chuyển 06 bao đựng rắn Hổ mang chúa từ Phố Nối, tỉnh Hưng Yên đến thành phố Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh, tiền công vận chuyển là 3.500.000đ, Thắng đồng ý. Như đã thỏa thuận với Tám qua điện thoại, khoảng 14 giờ 30 phút cùng ngày, Thắng đến ngã 4 Phố Nối gặp một người đàn ông không quen biết điều khiển xe tắc xi chở hàng đến giao cho Thắng. Thắng gọi điện thoại cho anh Trần Anh Tuấn là bạn quen từ trước thuê xe của anh Tuấn chở số rắn nói trên đi Móng Cái với cước ô tô hai

chiều là 3.000.000đ, Thắng không nói cho anh Tuấn biết số hàng Thắng thuê vận chuyển là rắn Hồ mang chúa. Sau khi thỏa thuận anh Tuấn điều khiển xe ô tô biển số 89A-025.51 đến đón Thắng tại ngã 4 Phố Nôi, Thắng và người đàn ông lái xe tắc xi không quen biết cùng nhau chuyển các túi, thùng các tông bên trong đựng rắn Hồ mang chúa từ xe tắc xi lên xe của anh Tuấn. Người đàn ông lái xe tắc xi nói với Thắng khi đến thành phố Móng Cái sẽ có người liên lạc nhận hàng và trả tiền công. Trên đường đi, Thắng nói với anh Tuấn đó là hành ba ba, ếch nhái thông thường, có giấy tờ vận chuyển, nếu bị kiểm tra sẽ trình báo. Khoảng 19 giờ 50 phút cùng ngày, khi đến địa phận huyện Tiên Yên thì bị Công an kiểm tra, thu giữ vật chứng là số rắn Hồ mang chúa, Thắng xuống xe bỏ chạy được khoảng 300m thì bị bắt giữ. Ngày 18/12/2013 của VKSND huyện Tiên Yên, tỉnh Quảng Ninh đã ban hành cáo trạng số 03/KSĐT-HS truy tố bị can Lê Quang Thắng về tội “Vi phạm các quy định về bảo vệ động vật thuộc danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ” theo điểm đ khoản 2 Điều 190 BLHS năm 1999 [61]. Trong thời gian chuẩn bị xét xử, Thẩm phán được phân công chủ tọa phiên tòa đã quyết định trả hồ sơ để yêu cầu điều tra bổ sung, yêu cầu định giá để xác định giá trị số động vật nguy cấp, quý, hiếm trong vụ án. Sau khi cơ quan điều tra thu thập chứng cứ bổ sung, cơ quan điều tra đã quyết định đình chỉ vụ án, đình chỉ điều tra, chuyển hồ sơ cho cơ quan có thẩm quyền xử lý theo thủ tục hành chính.

Nghiên cứu vụ án, tác giả thấy rằng, trên cơ sở kết quả ĐTD, VKSND huyện Tiên Yên đã ra bản cáo trạng, truy tố bị can Lê Quang Thắng về tội “Vi phạm các quy định về bảo vệ động vật thuộc danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ” theo điểm đ khoản 2 Điều 190 BLHS năm 1999 là chính xác. Tuy nhiên, trong thời gian chuẩn bị xét xử, ngày 11/11/2013 Chính phủ ban hành Nghị định số 157/2013/NĐ-CP thay thế Nghị định số 99/2009/NĐ-CP ngày 02/11/1999 của Chính Phủ (có hiệu lực thi hành kể từ ngày 25/12/2013). Căn cứ vào Nghị định này thì hành vi vận chuyển trái phép động vật rừng thuộc loài nguy cấp, quý, hiếm nhóm IB chỉ bị truy cứu TNHS khi giá trị của động vật rừng phải trên 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng). Vì vậy, Thẩm phán được phân công chủ tọa phiên tòa đã Quyết định trả hồ sơ yêu cầu điều tra bổ sung. Tại Kết luận định giá tài sản ngày 21/01/2014 của

Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự kết luận: 41 cá thể Rắn Hồ mang chúa có tên khoa học *Ophiophagus hannah*, tổng trọng lượng 111kg, trị giá 66.600.000 đồng (sáu mươi sáu triệu sáu trăm nghìn đồng). Do chuyển biến của tình hình như đã nêu trên, nên mặc dù Lê Quang Thắng vận chuyển trái phép 41 cá thể rắn Hồ mang chúa, nhưng theo quy định mới thì giá trị của tang vật vi phạm chưa đến mức xử lý hình sự, tức là không đủ yếu tố cấu thành tội phạm. Căn cứ khoản 1 Điều 25 Bộ luật hình sự năm 1999 và khoản 2 Điều 107 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003, Cơ quan Cảnh sát điều tra đã ra Quyết định đình chỉ vụ án và đình chỉ điều tra bị can đối với Lê Quang Thắng. Mặc dù sau đó, ngày 27/4/2015 Chính phủ đã ban hành Nghị định số 40/2015/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 157/2013/NĐ-CP ngày 11/11/2013 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính về quản lý rừng, phát triển rừng, bảo vệ rừng và quản lý lâm sản, trong đó quy định *“Nghị định này không điều chỉnh đối với động vật rừng, thực vật rừng thuộc Danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ theo quy định của Chính phủ”* [14].

Qua vụ án này cho thấy quá trình ĐTD được diễn ra liên tục, trong suốt quá trình giải quyết vụ án, các quy phạm pháp luật trong BLHS về nội dung là căn cứ để ĐTD chỉ là sự ổn định tạm thời trong thời gian nhất định và có thể thay đổi ngay trong quá trình giải quyết vụ án, bởi vậy những người tiến hành tố tụng phải thường xuyên nghiên cứu, học hỏi, nắm vững các quy định của pháp luật, cập nhật văn bản pháp luật mới để áp dụng vào việc ĐTD một cách chính xác.

Qua các ví dụ nêu trên càng khẳng định thêm việc ĐTD đúng có ý nghĩa quan trọng, quyết định trong vụ án hình sự. Trên cơ sở ĐTD xác định người thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội có đến mức truy cứu TNHS hay không? Nếu có thì phạm tội gì? quy định tại điều, khoản nào của BLHS, từ đó HĐXX (Thẩm phán và Hội thẩm nhân dân) sẽ quyết định một hình phạt phù hợp đối với tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội đó. Bởi vậy, ĐTD được xem là điều kiện quan trọng cho việc quyết định hình phạt công bằng, khách quan, đảm bảo yêu cầu phòng và chống tội phạm. Nếu ĐTD sai có thể sẽ dẫn đến hậu quả kết án sai tội danh hoặc kết án oan người vô tội; hoặc hình phạt không tương xứng với tính chất,

mức độ mà hành vi của người thực hiện tội phạm đã gây ra, hoặc sẽ gây ra những hệ lụy xấu, làm giảm sút niềm tin vào công lý và công bằng xã hội, ảnh hưởng đến đến công cuộc đấu tranh phòng, chống tội phạm.

Thực tiễn ĐTD tội phạm về tội vi phạm quy định về bảo vệ động vật nguy cấp, quý, hiếm trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh trong những năm qua về cơ bản là đúng. Tuy nhiên cũng có một vài trường hợp, ĐTD còn chưa chính xác.

Xin nêu vụ án đã xét xử để minh chứng về định tội danh không chính xác: Tại Bản án số 24/2013/HSST ngày 24/9/2013 của Tòa án nhân dân huyện Tiên Yên, tỉnh Quảng Ninh có nội dung:

Ngày 24/6/2013 Phạm Văn Đăng gọi điện thoại rủ Vi Văn Neo cùng tham gia vận chuyển chân tay gấu từ thành phố Hạ Long đến thành phố Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh để lấy tiền chia nhau, Neo đồng ý tham gia. Neo đã thuê xe tắc xi biển kiểm soát 14N-2019 do anh Nguyễn Bá Quyết điều khiển để vận chuyển chân tay gấu. Neo không nói cho anh Quyết biết thuê xe để làm gì. Khoảng 20 giờ cùng ngày, Quyết điều khiển xe tắc xi từ thành phố Móng Cái đến Bệnh viện đa khoa khu vực Bãi Cháy, thành phố Hạ Long thì nhận được điện thoại của Đăng bảo đến cổng khu du lịch Tuần Châu, phường Hùng Thắng, thành phố Hạ Long để nhận chân tay gấu. Neo bảo Quyết để xe ở bãi đỗ xe bệnh viện Bãi Cháy chờ, còn Neo thuê 01 chiếc xe tắc xi khác đi đến cổng khu du lịch Tuần Châu để gặp Đăng. Tại đây, do trước đó Đăng đã nhận bốn chiếc bao đựng chân tay gấu do 2 người đàn ông không quen biết điều khiển 2 xe mô tô chở đến giao cho Đăng. Đăng và Neo đưa bốn bao chân tay gấu lên xe tắc xi sau đó Neo theo xe vận chuyển đến bãi đỗ xe bệnh viện Bãi Cháy và đưa toàn bộ số chân tay gấu vào cốp xe ô tô tắc xi của anh Quyết, sau đó bảo anh Quyết chở về thành phố Móng Cái, Đăng thuê xe ôm đi theo sau. Đến khu vực chân dốc Đèo Bụt, thành phố Cẩm Phả thì lên xe tắc xi của anh Quyết để cùng Neo vận chuyển chân tay gấu. Khi đi đến phường Mông Dương, thành phố Cẩm Phả, Đăng lấy hai bao chân tay gấu trong cốp xe tắc xi lên để ở gần hàng ghế ngồi phía sau. Đến khoảng 01 giờ ngày 25/6/2013, khi về đến đoạn đường Km209, quốc lộ 18A thuộc địa phận xã Tiên Lãng, huyện Tiên Yên, tỉnh Quảng Ninh thì bị Đội tuần tra kiểm soát 1-4 Phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh Quảng Ninh yêu

cầu dừng xe kiểm tra. Trong khi anh Quyết điều khiển xe đi chậm để dừng xe kiểm tra thì Neo nói “Có gì đâu mà phải kiểm tra” và Đặng nói “Chạy nhanh lên, chết cả lũ bây giờ”, anh Quyết hoảng sợ nên đã điều khiển xe ô tô bỏ chạy đến đoạn đường Km213, Quốc lộ 18A thuộc địa phận xã Đông Ngũ, huyện Tiên Yên tỉnh Quảng Ninh thì Đặng và Neo yêu cầu anh Quyết dừng xe lại, mở cốp xe ra, Neo lấy một bao đựng chân tay gấu ở sàn xe vớt xuống đường rồi cùng Đặng mỗi người ôm một bao đựng chân tay gấu trong cốp xe bỏ chạy. Thấy Đội tuần tra kiểm soát 1-4 đuổi theo, sợ bị bắt nên Đặng, Neo vớt lại hai bao đựng chân tay gấu rồi chạy trốn thoát. Đội tuần tra kiểm soát 1-4 đã thu giữ các vật chứng gồm 04 bao tải dứa bên trong gồm 16 chi động vật nghi là chân tay gấu đã được cấp đông, tổng trọng lượng là 53,3kg. Tại bản kết luận giám định động vật số 377/STTNSV ngày 25/6/2013 của Viện Sinh thái và tài nguyên sinh vật, thuộc Viện Hàn lâm khoa học và công nghệ Việt Nam kết luận: 16 chi động vật là chi loài Gấu ngựa có tên khoa học là *Ursus (Selenarctos) thibetanus*. Loài *Gấu ngựa Ursus (Selenarctos) thibetanus* thuộc nhóm IB (nhóm nghiêm cấm khai thác, sử dụng vì mục đích thương mại) quy định tại Nghị định số 32/2006/NĐ-CP ngày 30/3/2006 của Chính phủ. Tại Kết luận định giá tài sản ngày 28/6/2013 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Tiên Yên, tỉnh Quảng Ninh kết luận: 16 chi loài Gấu ngựa có tổng trị giá là 16.000.000đ (Mười sáu triệu đồng). Tại cơ quan điều tra, Phạm Văn Đặng còn khai số chân tay gấu bị bắt giữ là do Đặng nhận vận chuyển thuê cho đối tượng tên A Nhi, quốc tịch Trung Quốc (không rõ lai lịch, địa chỉ), giá thỏa thuận tiền công vận chuyển từ thành phố Hạ Long đến thành phố Móng Cái là 3.000.000đ (Ba triệu đồng), khi về đến thành phố Móng Cái mới thanh toán.

HDXX nhận định “*Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến sự bền vững và ổn định của môi trường, xâm hại đến động vật thuộc danh mục nguy cấp quý, hiếm*” và tuyên bố các bị cáo Phạm Văn Đặng và Vi Văn Neo phạm tội “*Vi phạm các quy định về bảo vệ động vật thuộc danh mục loài nguy cấp, quý hiếm được ưu tiên bảo vệ*” theo khoản 1 Điều 190 BLHS năm 1999 [51].

Qua phân tích vụ án thấy rằng: Khách thể trực tiếp mà các bị cáo xâm hại là loài Gấu Ngựa là loài động vật nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ thuộc

nhóm IB theo quy định của Chính phủ; Đối tượng phạm tội các bị cáo hướng đến là 16 chi Gấu Ngựa là sản phẩm của động vật nguy cấp, quý, hiếm. Mục đích phạm tội của các bị cáo là vận chuyển thuê lấy tiền công.

Theo giải thích tại tiểu mục 4.2, mục 4 phần IV Thông tư liên tịch số 19/2007/TTLT-BNN-BTP-BCA-VKSNDTC-TANDTC ngày 08/3/2007: “*Vận chuyển, buôn bán trái phép sản phẩm của loại động vật đó là vận chuyển, buôn bán các loại sản phẩm như thịt, xương, sừng, da, lông, ngà, móng, vẩy, răng và các bộ phận khác từ cơ thể các loài động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm nhóm IB mà không có giấy tờ hợp pháp*” [1], thì đối tượng bị tác động của khách thể trong vụ án này phải được xác định là “*sản phẩm của loài động vật nguy cấp, quý, hiếm*”. Nhưng HĐXX nhận định đối tượng bị tác động là “*động vật thuộc danh mục nguy cấp quý, hiếm*” là không chính xác, mặc dù trước đó Cơ quan điều tra đã trưng cầu Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự để xác định giá trị số chân tay gấu với tính chất là sản phẩm của động vật nguy cấp, quý, hiếm mà các bị cáo vận chuyển để làm căn cứ truy cứu TNHS.

Vào thời điểm năm 2013, căn cứ vào Thông tư liên tịch số 19 thì *chi gấu* được coi là sản phẩm của động vật nguy cấp, quý, hiếm; khách thể mà điều luật hướng tới bảo vệ, tức nghiêm cấm buôn bán, vận chuyển, tàng trữ *sản phẩm có nguồn gốc từ động vật nguy cấp, quý, hiếm*, nhằm xử lý triệt để các hành vi liên quan đến các loài động vật này, chứ không phải là *hành vi xâm hại đến động vật nguy cấp, quý, hiếm* như các hành vi săn bắt, giết, vận chuyển, nuôi, nhốt động vật nguy cấp, quý, hiếm.

Thực tế việc xác định chính xác khách thể của tội vi phạm quy định về bảo vệ động vật nguy cấp, quý, hiếm thường là rất khó khăn, bởi điều luật quy định mang tính định tính, chưa rõ ràng, còn thực tế truy cứu TNHS đối với một con người thì cần phải cụ thể, chính xác, tránh xét xử oan người vô tội.

Xin nêu một vụ án đã xét xử để minh họa thêm về việc ĐTD không chính xác do nhận thức sai lầm về khách thể: Tại bản án số 30/2013/HSST ngày 21/11/2013 của TAND huyện Tiên Yên, tỉnh Quảng Ninh có nội dung:

Khoảng 19 giờ 30 phút, ngày 07/8/2013 Nguyễn Trọng Nhân (trú tại huyện

Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc) nhận được điện thoại của một người quen có tên là Quyết (không rõ lai lịch, địa chỉ cụ thể), nói là Quyết đang xã Vĩnh Sơn, huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc, nhờ Nhân đến chỗ Quyết vận chuyển 02 bình rượu ngâm rắn về thành phố Móng Cái, khi đi đến Km15, thành phố Móng Cái sẽ có người đến nhận hàng. Do đang có việc cần đến thành phố Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh nên Nhân đồng ý và hẹn Quyết đến khu vực trường tiểu học Vĩnh Sơn, huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc, Nhân gọi điện cho tổng đài hãng tắc xi Hoa Ngọc Lan, đồng thời gọi điện cho anh Kim Đức Huy là nhân viên lái xe hãng tắc xi Hoa Ngọc Lan đến đón tại khu vực cạnh trường tiểu học xã Vĩnh Sơn. Tại đây, anh Huy cùng Nhân và Quyết chuyển 02 bình rượu ngâm rắn đựng trong 02 hộp bìa các tông dán kín lên xe ô tô tắc xi, anh Huy hỏi hàng gì thì Quyết nói đó là bình rượu rắn thường, đảm bảo có giấy tờ và có người đi cùng. Quyết đưa cho Nhân 10.000.000đ (Mười triệu đồng) nói để trả cước xe tắc xi, ăn uống và chi phí đi đường, số tiền thừa sẽ đưa lại cho người nhận hàng. Đến khoảng 01 giờ 15 phút ngày 08/8/2013, tại Km205, Quốc lộ 18A, thuộc thị trấn Tiên Yên, huyện Tiên Yên, tỉnh Quảng Ninh, Đội tuần tra kiểm soát giao thông 1-4 Phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh Quảng Ninh phát hiện, bắt quả tang Nguyễn Trọng Nhân có hành vi vận chuyển 02 cá thể rắn (nghỉ là rắn Hồ mang chúa) đã chết, ngâm trong dung dịch đựng trong hai bình thủy tinh, vận chuyển trên xe ô tô tắc xi biển kiểm soát 88A-016.94 do anh Kim Đức Huy điều khiển. Tại Bản kết luận giám định động vật số 498/STTNSV ngày 09/8/2013 của Viện Sinh thái và tài nguyên sinh vật thuộc Viện Hàn Lâm khoa học và công nghệ Việt Nam kết luận: 02 cá thể rắn thu giữ trong vụ án là rắn Hồ mang chúa, thuộc nhóm IB (nhóm nghiêm cấm khai thác, sử dụng vì mục đích thương mại) quy định tại Nghị định số 32/2006/NĐ-CP ngày 30/3/2006 của Chính phủ. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Trọng Nhân đều khai nhận đã vận chuyển 02 bình rượu ngâm rắn Hồ mang chúa.

Với nội dung trên, HDXX nhận định Nguyễn Trọng Nhân đã “*vận chuyển 02 cá thể rắn Hồ mang chúa, ngâm trong dung dịch đựng trong bình thủy tinh không có giấy phép vận chuyển đặc biệt do cơ quan Kiểm lâm cấp tỉnh cấp là vi phạm pháp luật*” [52].

Theo tác giả, trong vụ án này, HĐXX xác định khách thể bị xâm phạm là 2 cá thể rắn Hổ mang chúa làm căn cứ định tội danh là không chính xác, bởi lẽ: 02 cá thể rắn Hổ mang chúa đã ngâm rượu (dân gian gọi là rượu rắn) thì không thể xác định khách thể trực tiếp bị xâm phạm là “động vật nguy cấp, quý, hiếm” nữa mà cần phải xác định khách thể trực tiếp là “sản phẩm của động vật hoang dã” (rượu ngâm rắn Hổ mang chúa) mới chính xác, vì 2 cá thể rắn Hổ mang chúa này đã được chế biến và ngâm rượu. Điều này phù hợp với giải thích tại khoản 7, Mục II, Phần A Thông tư số 90/TT-BNN ngày 28/8/2008 của Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn hướng dẫn xử lý tang vật là động vật rừng sau khi xử lý tịch thu “*Sản phẩm từ động vật rừng là sản phẩm được chế biến từ nguyên liệu là động vật rừng hoặc bộ phận cơ thể của động vật rừng*” [2]. Trong trường hợp này tang vật vụ án gồm 02 bình thủy tinh đựng dung dịch ngâm 02 cá thể rắn Hổ mang chúa cần phải được giám định để xác định đó có phải là rượu rắn Hổ mang chúa hay không và tiến hành trưng cầu định giá để làm căn cứ truy cứu TNHS mới chính xác và đúng bản chất sự việc. Nguyên nhân của sự nhầm lẫn, sai sót này là chưa có văn bản giải thích khái niệm như thế nào là “sản phẩm của động vật nguy cấp, quý, hiếm”.

Việc xác định chính xác khách thể bị xâm phạm là nội dung rất quan trọng trong việc ĐTD, giúp cho cơ quan THTT định hướng hoạt động tố tụng của mình để thu thập chứng cứ, chứng minh hành vi đã thực hiện có đủ yếu tố cấu thành tội phạm hay không, đồng thời là căn cứ để xác định đúng tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, cũng như là căn cứ để quyết định hình phạt chính xác, đem lại sự công bằng cho xã hội.

Vụ án sau đây là một ví dụ về việc xác định sai về cấu thành năng nặng định khung: Tại bản án số 202/2015/HSST ngày 28/9/2015 của TAND thành phố Hạ Long có nội dung:

Phạm Văn Át có quan hệ quen biết với đối tượng có tên Chín (không rõ địa chỉ, lai lịch), có số điện thoại liên lạc 0984564248 nhà ở xã Vĩnh Sơn, huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc. Chín thuê Át vận chuyển rắn đến thành phố Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh tiêu thụ với giá 1.500.000đ/chuyến. Khoảng 16 giờ 30 phút ngày 31/5/2015, Phạm Văn Át đi đến ngã ba Quán Gỏi đón xe ô tô khách, nhận 04 các

thể rắn Hổ chúa đựng trong thùng các-tông và túi du lịch do Chín gửi. Sau khi nhận hàng, Át mang về nhà, đến khoảng 19 giờ 30 phút cùng ngày, Át đón xe ô tô khách biển kiểm soát 34B-011.36 do anh Vũ Đình Dương điều khiển, đi thành phố Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh để giao cho một người đàn ông có tên Động (không rõ địa chỉ, lai lịch), có số điện thoại liên lạc 01655733666. Khi mang rắn lên xe, lái xe và phụ xe hỏi về số hàng mang theo thì Át trả lời đó là hoa quả, nên họ không hỏi gì thêm và cho thùng các-tông và túi đựng rắn lên xe ô tô. Trên đường đi, Động nhắn tin điện thoại cho Át có nội dung khi nào gần đến nơi thì gọi vào số máy 0967888710 để giao hàng. Khoảng 01 giờ 30 phút ngày 01/6/2015 xe ô tô khách đi đến đoạn Tỉnh lộ 336, thuộc phường Hà Tu, thành phố Hạ Long thì bị Đội tuần tra kiểm soát – Phòng Cảnh sát phòng chống tội phạm về môi trường – Công an tỉnh Quảng Ninh kiểm tra, bắt giữ Phạm Văn Át cùng vật chứng là 04 cá thể rắn. Tại Kết luận giám định động vật số 400/STTNSV ngày 01/6/2015 của Viện Sinh thái và tài nguyên sinh vật thuộc Viện Hàn lâm khoa học và công nghệ Việt Nam kết luận: 04 cá thể động vật là loài rắn Hổ chúa, trọng lượng 46kg có tên khoa học là *Ophiphagus hannan*, thuộc Phụ lục I Danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ ban hành kèm theo Nghị định 160/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Chính phủ. Cơ quan điều tra đã xác minh các đối tượng có tên Chín và Động, nhưng các đối tượng này vắng mặt tại địa phương. HĐXX đã tuyên bố Phạm Văn Át phạm tội “*Vi phạm các quy định về bảo vệ động vật thuộc danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ*” theo khoản 1 Điều 190 BLHS năm 1999 [53].

Qua phân tích thấy rằng: Khách thể trực tiếp mà bị cáo xâm phạm là chế độ bảo vệ rắn Hổ chúa là loài động vật nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ thuộc Phụ lục I Danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ ban hành kèm theo Nghị định số 160/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Chính phủ. Hành vi khách quan của bị cáo Át là vận chuyển rắn Hổ chúa. Đối tượng phạm tội các bị cáo hướng đến là 04 cá thể rắn Hổ chúa. Mục đích phạm tội của bị cáo là vận chuyển thuê lấy tiền công;

Căn cứ vào hướng dẫn tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư liên tịch số 19/2007/TTLT-BNN-BTP-BCA-VKSNDTC-TANDTC ngày 08/3/2007 hướng dẫn

áp dụng một số điều của Bộ luật hình sự trong lĩnh vực quản lý rừng, bảo vệ rừng và quản lý lâm sản, thì hành vi của bị cáo vận chuyên 04 cá thể rắn Hồ chúa phải thuộc trường hợp “*Phạm tội gây hậu quả đặc biệt nghiêm trọng*” theo điểm đ khoản 2 Điều 190 BLHS năm 1999 và việc HĐXX định tội danh theo cấu thành cơ bản quy định tại khoản 1 điều 190 BLHS năm 1999 đối với bị cáo Phạm Văn Át là không chính xác.

Tuy nhiên cũng có quan điểm khác cho rằng HĐXX trong vụ án này đã ĐTD đối với bị cáo Át theo khoản 1 Điều 190 BLHS năm 1999 được sửa đổi bổ sung năm 2009 là đúng pháp luật, bởi lẽ: Thông tư liên tịch số 19/2007/TTLT-BNN-BTP-BCA-VKSNDTC-TANDTC ngày 08/3/2007 hướng dẫn áp dụng một số điều của Bộ luật hình sự năm 1999 (chưa sửa đổi bổ sung) trong lĩnh vực quản lý rừng, bảo vệ rừng và quản lý lâm sản. Trong khi tại thời điểm xét xử vụ án Phạm Văn Át được áp dụng quy định của BLHS năm 1999 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2009, nhưng cho đến thời điểm xét xử không có bất kỳ văn bản hướng dẫn nào của cơ quan có thẩm quyền về việc có tiếp tục áp dụng các quy định của Thông tư liên tịch số 19 về việc xác định số lượng cá thể động vật làm căn cứ xác định gây hậu quả rất nghiêm trọng hoặc gây hậu quả đặc biệt nghiêm trọng để xét xử các vụ án liên quan đến động vật nguy cấp, quý, hiếm nữa hay không. Do đó, theo nguyên tắc có lợi cho bị cáo, HĐXX không thể áp dụng hướng dẫn tại Thông tư liên tịch số 19 để xét xử bị cáo Phạm Văn Át về nội dung “Gây hậu quả rất nghiêm trọng hoặc đặc biệt nghiêm trọng” được.

Việc xác định không chính xác tình tiết định khung tăng nặng, dẫn tới việc quyết định áp dụng mức hình phạt không chính xác và quá nhẹ, không tương xứng với tính chất và mức độ nguy hiểm của hành vi mà bị cáo đã gây ra cho xã hội sẽ gây tâm lý coi thường pháp luật, làm mất niềm tin vào công lý và công bằng xã hội, làm giảm hiệu quả công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm và vi phạm pháp luật.

Những sai lầm nêu trên xuất phát từ những nguyên nhân chủ quan và khách quan:

Về nguyên nhân chủ quan: Do các cơ quan THTT và những người THTT chưa có sự nhận thức một cách thống nhất, đầy đủ về khách thể cũng như đối tượng phạm tội của tội vi phạm quy định về bảo vệ động vật nguy cấp, quý, hiếm.

Về nguyên nhân khách quan: Do Điều luật quy định tội vi phạm quy định về bảo vệ động vật nguy cấp, quý, hiếm dưới dạng tội ghép, trong đó quy định nhiều hành vi, mỗi hành vi có những dấu hiệu khác nhau, chưa được giải thích và hướng dẫn một cách thống nhất nên dẫn đến việc hiểu, viện dẫn và áp dụng không chính xác.

2.3. Thực tiễn quyết định hình phạt tội vi phạm quy định về bảo vệ động vật nguy cấp, quý, hiếm tại tỉnh Quảng Ninh

Giai đoạn tiếp sau của ĐTD là quyết định hình phạt. Vậy quyết định hình phạt là gì? *“Quyết định hình phạt là một giai đoạn, một nội dung của áp dụng pháp luật hình sự thể hiện ở việc Tòa án lựa chọn loại hình phạt với mức hình phạt cụ thể được quy định trong điều luật (khoản điều luật) theo một thủ tục nhất định để áp dụng đối với người phạm tội thể hiện trong bản án buộc tội”* [63, tr 386].

Là một hoạt động trong quá trình áp dụng pháp luật hình sự, hoạt động quyết định hình phạt đối với tội vi phạm quy định về bảo vệ động vật nguy cấp, quý, hiếm được tiến hành trên cơ sở kết quả của hoạt động ĐTD về tội vi phạm quy định về bảo vệ động vật nguy cấp, quý, hiếm đã tiến hành trước đó.

Các căn cứ để quyết định hình phạt là: *“Khi quyết định hình phạt, Tòa án căn cứ vào quy định của Bộ luật này, cân nhắc tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân người phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ và tăng nặng trách nhiệm hình sự. Khi quyết định áp dụng hình phạt tiền, ngoài căn cứ quy định tại khoản 1 Điều này, Tòa án căn cứ vào tình hình tài sản, khả năng thi hành của người phạm tội”* [43, tr. 34].

Như vậy, khi quyết định hình phạt, Tòa án phải căn cứ vào quy định của BLHS, cân nhắc tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân người phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ và tăng nặng trách nhiệm hình sự và các tình tiết khác có ý nghĩa trong việc giải quyết vụ án.

Thực tế hoạt động ĐTD có thể do nhiều cơ quan tiến hành tố tụng khác nhau thực hiện, phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của mình, nhưng quyết định hình phạt chỉ được thực hiện trong giai đoạn xét xử và do HĐXX (Thẩm phán và Hội thẩm nhân dân) thực hiện đối với người thực hiện hành vi phạm tội.

Hoạt động quyết định hình phạt đối với tội vi phạm quy định về bảo vệ động vật nguy cấp, quý, hiếm bao gồm các hoạt động như: quyết định loại hình phạt chính và hình phạt bổ sung; mức hình phạt cụ thể được áp dụng đối với từng hành vi phạm tội theo nguyên tắc cá thể hóa hình phạt, tức là hình phạt được áp dụng phải tương xứng với tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, bảo đảm mục đích của hình phạt là: *“Hình phạt không chỉ nhằm trừng trị người, pháp nhân thương mại phạm tội mà còn giáo dục họ ý thức tuân theo pháp luật và các quy tắc của cuộc sống, ngăn ngừa họ phạm tội mới; giáo dục người, pháp nhân thương mại khác tôn trọng pháp luật, phòng ngừa, đấu tranh chống tội phạm”* [43, tr. 24] và việc quyết định hình phạt phải tuân thủ các nguyên tắc sau: *“1. Nguyên tắc pháp chế xã hội chủ nghĩa; 2. Nguyên tắc nhân đạo xã hội chủ nghĩa; 3. Nguyên tắc cá thể hóa hình phạt; 4. Nguyên tắc công bằng”*. [63, tr.389].

Việc quyết định hình phạt đúng, công bằng, khách quan là điều kiện quan trọng để đạt được mục đích của hình phạt. Để quyết định hình phạt đúng, Tòa án phải tuyệt đối tuân theo các nguyên tắc quyết định hình phạt và các căn cứ quyết định hình phạt được quy định trong BLTTHS và BLHS.

Qua nghiên cứu thực tiễn quyết định hình phạt tội vi phạm quy định về bảo vệ động vật nguy cấp, quý, hiếm trong giai đoạn 2013-2017 tại Quảng Ninh cho thấy: Hầu hết các hình phạt được áp dụng đối với các bị cáo đều đảm bảo tương xứng với tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân người phạm tội và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ TNHS, đáp ứng được tính răn đe, trừng trị cũng như giáo dục và phòng ngừa tội phạm, điều này có thể thấy rõ qua Bảng thống kê sau đây:

Bảng 2.3: Thống kê hình phạt áp dụng đối với Tội vi phạm quy định về bảo vệ động vật nguy cấp, quý, hiếm giai đoạn 2013-2017

Năm Xét xử	Số B/cáo	Phạt tiền	Cải tạo không g/ giữ	Tù dưới 3 năm	Cho hưởng án treo	Không cho hưởng án treo	Tù từ 3 năm trở lên	Phạt tiền bổ sung
2013	5	0	0	5	5	0	0	2
2014	1	1	0	0	0	0	0	0
2015	4	0	0	4	3	1	0	1
2016	12	0	0	12	11	1	0	2
2017	10	0	0	10	9	1	0	0
Tổng số	32	1	0	31	28	2	0	5

(Nguồn: Học viên khảo sát tại TAND tỉnh Quảng Ninh, tháng 7/2018)

Qua đánh giá số liệu về hình phạt thống kê tại Bảng 2.3 nêu trên, ta thấy có một số vấn đề cần lưu ý như sau:

Thứ nhất: Có 01/32 bị cáo bị áp dụng phạt tiền là hình phạt chính, chiếm hơn 3,1%; Như vậy số bị cáo bị áp dụng hình phạt tiền là hình phạt chính quá ít.

Thứ hai: Có 31/32 bị cáo bị áp dụng phạt tù dưới 3 năm, chiếm 96,9%; Tỷ lệ này là chiếm đại đa số; không có bị cáo nào bị áp dụng mức hình phạt cao trên 3 năm tù.

Thứ ba: Trong số 31 bị cáo bị xử phạt tù dưới 3 năm, chỉ có 28/31 bị cáo bị phạt tù nhưng cho hưởng án treo, chiếm hơn 90,3%. Nếu áp dụng án treo tràn lan, không đủ điều kiện sẽ gây phản tác dụng trong đấu tranh phòng chống tội phạm.

Thứ tư: Chỉ có 5/32 bị cáo bị áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền, chiếm 15,6% trên tổng số các bị cáo đã xét xử, tỷ lệ này cũng là không lớn, bởi lẽ hầu hết các vụ án tội vi phạm quy định về bảo vệ động vật nguy cấp, quý, hiếm đều với động cơ vụ lợi. Khi áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền, Tòa án phải xem xét đến tình hình tài sản của người bị áp dụng.

Qua khảo sát các vụ án đã xét xử tội vi phạm quy định về bảo vệ động vật nguy cấp, quý, hiếm cho thấy: Về nhân thân các bị cáo: có 3/32 bị cáo có tiền án,

chiếm 9,4%; Số còn lại 29/32 bị cáo không có tiền án, tiền sự, lần đầu phạm tội thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; Về nghề nghiệp: Có 31/32 bị cáo là lao động tự do, làm ruộng, không có nghề nghiệp, chiếm 96,9%, chỉ có 1/32 bị cáo có nghề nghiệp, chiếm 3,1%. Nơi cư trú: Có 12/32 bị cáo cư trú tại Quảng Ninh, còn lại ở các tỉnh như Hải Dương, Ninh Bình, Hải Phòng, Nam Định [50].

Việc xem xét nhân thân người phạm tội có ý nghĩa quan trọng trong việc quyết định hình phạt, giúp cho Tòa án (Hội đồng xét xử) đưa ra mức hình phạt phù hợp đáp ứng yêu cầu trừng trị, giáo dục và phòng ngừa. Các đặc điểm thuộc về nhân thân người phạm tội như: Phạm tội lần đầu hay đã có tiền án, tiền sự; tái phạm hay tái phạm nguy hiểm; là người có công với cách mạng hoặc là cha, mẹ, vợ, chồng, con của liệt sĩ; là người có thành tích xuất sắc trong sản xuất, chiến đấu, công tác ...

Khi quyết định hình phạt thì Tòa án phải cân nhắc đồng thời các tình tiết giảm nhẹ hoặc tăng nặng TNHS. Các tình tiết giảm nhẹ hoặc tăng nặng được quy định là dấu hiệu định tội hoặc định khung thì không được coi là tình tiết tăng nặng hoặc giảm nhẹ khi quyết định hình phạt.

Trong vụ án có đồng phạm, việc đánh giá đúng vai trò của từng bị cáo có giá trị rất quan trọng, góp phần đánh giá đúng mức độ nguy hiểm của hành vi tội phạm đã gây ra cho xã hội của từng bị cáo, qua đó phân hóa chính xác vai trò của từng bị cáo để làm cơ sở cá thể hóa hình phạt đối với từng bị cáo, đảm bảo tính công bằng, nghiêm minh và khách quan khi quyết định hình phạt.

Tác giả xin nêu một vụ án đã xét xử về tội vi phạm quy định về bảo vệ động vật nguy cấp, quý, hiếm để ví dụ về quyết định hình phạt đúng: Tại bản án số 134/2017/HSST ngày 28/11/2017 của TAND tỉnh Quảng Ninh có nội dung:

Ngày 02/8/2017, tại số nhà 393, đường Nguyễn Bình Khiêm, thuộc tổ 3, khu Hồng Hà, phường Ninh Dương, thành phố Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh, Vũ Kim Đông, Nguyễn Văn Hiếu, Nguyễn Văn Bình, Đặng Văn Cảnh, Vũ Đức Kết, Hoàng Văn Khởi có hành vi nuôi nhốt trái phép Tê tê thì bị phòng Cảnh sát môi trường Công an tỉnh Quảng Ninh phát hiện, bắt quả tang. Vật chứng thu giữ gồm 72 cá thể tê tê còn sống, tổng trọng lượng 308kg. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo khai nhận nội dung cơ bản như sau: Bị cáo Vũ Kim Đông thuê nhà số 393,

đường Nguyễn Bình Khiêm, tổ 3, khu Hồng Hà, phường Ninh Dương, thành phố Móng Cái của anh Nguyễn Văn Hùng từ năm 2016 với giá 5.000.000đ/tháng để ở, còn kho phía sau nhà để chứa rấn vì bị cáo Đông buôn bán các mặt hàng rấn nuôi trong nước có giấy tờ chứng minh hợp pháp do Nhà nước cấp cho các cơ sở nuôi rấn. Bị cáo Đông thuê Vũ Đức Kết, Nguyễn Văn Bình, Nguyễn Văn Hiếu, Hoàng Văn Khởi làm cho bị cáo với nhiệm vụ tắm rửa, bơm nước và đóng bao rấn và trả lương cho mỗi người này từ 2.500.000đ đến 5.000.000đ/tháng. Ngoài việc buôn bán rấn, thỉnh thoảng bị cáo Đông còn được một chủ hàng tên Niệm là người miền Trung (không rõ lai lịch, địa chỉ) thuê vận chuyên, nuôi tê tê trước khi giao cho người Trung Quốc và được trả công 30.000đ/1kg tê tê. Khi có tê tê, Niệm cho người vận chuyên ra Móng Cái giao cho bị cáo Đông. Bị cáo Đông có nhiệm vụ nuôi nhốt, chăm sóc, sau đó sẽ có người của chủ hàng bên Trung Quốc đến nhận tê tê và trả công. Sáng ngày 02/8/2017, Đông nhận được điện thoại thông báo nhận tê tê để chăm sóc, Đông giao cho Kết, Hiếu, Bình, Khởi pha bột gạo và chuẩn bị đi nhận tê tê. Khoảng 09 giờ cùng ngày, Đông giao cho Bình, Hiếu và Kết ra khu ngã 4 phường Ninh Dương nhận tê tê và vận chuyển về kho hàng tại số nhà 393, đường Nguyễn Bình Khiêm. Tại kho, Khởi là người được chủ hàng người Miền Trung thuê nhận, kiểm tra số lượng, sức khỏe của tê tê; Đông cùng Khởi, Bình, Hiếu và Kết tắm rửa, dùng xi lanh bơm bột gạo vào bụng tê tê nhằm mục đích tăng trọng lượng. Sau đó Đặng Văn Cảnh là người được chủ hàng Trung Quốc thuê đến kho để giám sát và nhận tê tê trước khi họ vận chuyển đi. Khi các bị cáo đang cùng nhau cho tê tê ăn và đóng bao thì bị Công an kiểm tra, phát hiện, bắt quả tang và thu giữ 72 con tê tê. Ngoài ra, bị cáo Đông còn khai nhận trước đó đã hai lần chỉ đạo Hiếu, Kết, Bình và Khởi nuôi nhốt tê tê, lần thứ nhất, nhận từ 2 đến 3 con tê tê; lần thứ hai nhận 36 con tê tê để chăm sóc và giao cho Cảnh để chuyển cho chủ hàng người Trung Quốc.

Tại Kết luận giám định động vật số 659/STTNSV ngày 03/8/2017 của Viện Sinh thái và tài nguyên sinh vật thuộc Viện Hàn lâm khoa học và công nghệ Việt Nam kết luận: 72 cá thể động vật gửi giám định là loài Tê tê Java có tên khoa học là *Manis javanica*, thuộc Phụ lục I, Danh mục các loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu

tiên bảo vệ (Ban hành kèm theo Nghị định số 160/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Chính phủ) và thuộc Phụ lục I, Danh mục các loài động vật, thực vật hoang dã quy định trong các Phụ lục của Công ước về buôn bán quốc tế các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp (Ban hành kèm theo Thông tư số 04/2017/TT-BNNPTNT ngày 24/02/2017 của Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn).

Trên cơ sở đánh giá tính chất nguy hiểm của hành vi và vai trò của từng bị cáo trong vụ án, xét nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ của các bị cáo, HĐXX đã tuyên bố: Các bị cáo Vũ Kim Đông, Đặng Văn Cảnh, Hoàng Văn Khởi, Nguyễn Văn Hiếu, Nguyễn Văn Bình và Vũ Đức Kết phạm tội “Vi phạm các quy định về bảo vệ động vật thuộc danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ” theo khoản 1 Điều 190 BLHS năm 1999. Đồng thời HĐXX đã quyết định xử phạt Vũ Kim Đông 12 tháng tù cho hưởng án treo; Đặng Văn Cảnh 09 tháng tù; Hoàng Văn Khởi 09 tháng tù cho hưởng án treo; Nguyễn Văn Bình, Nguyễn Văn Hiếu và Vũ Đức Kết mỗi bị cáo 06 tháng tù cho hưởng án treo [58].

Qua vụ án này cho thấy, HĐXX đã rất cẩn trọng khi đánh giá vai trò của từng bị cáo, cụ thể: Vũ Kim Đông là người trực tiếp chỉ đạo các bị cáo khác vận chuyển, nuôi nhốt tê tê nên giữ vai trò chính; Tiếp theo là Đặng Văn Cảnh và Hoàng Văn Khởi, trong đó Cảnh là người được chủ hàng Trung quốc trực tiếp thuê giám sát, nhận tê tê; Khởi vừa làm cho Đông, vừa làm cho chủ hàng người Miền Trung; cuối cùng là Nguyễn Văn Hiếu, Nguyễn Văn Bình và Vũ Đức Kết là những người làm thuê, làm theo sự chỉ đạo của Đông nên giữ vai trò ngang nhau.

Về tình tiết tăng nặng TNHS: HĐXX đánh giá bị cáo Đặng Văn Cảnh có 1 tiền án: Ngày 27/02/2014 bị TAND thành phố Móng Cái xử phạt 09 tháng tù về tội vận chuyển trái phép hàng hóa qua biên giới, chưa được xóa án tích, nên thuộc tình tiết tăng nặng “tái phạm”;

Về tình tiết giảm nhẹ TNHS: HĐXX đánh giá tất cả các bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; Bị cáo Đông, Khởi, Bình, Kết, Hiếu có nhân thân tốt, lần đầu phạm tội và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; Bị cáo Hiếu có bố là bệnh binh trong thời kỳ kháng chiến chống Mỹ; được tặng thưởng Huân chương Chiến sĩ giải phóng và Huân chương Chiến sĩ vẻ vang; Bị cáo Bình có ông ngoại là người có

công với cách mạng; Bị cáo Cảnh có thời gian tham gia quân đội, có ông nội được tặng thưởng Huân chương chiến công hạng Ba và Huân chương Chiến sĩ vẻ vang hạng Nhất. Ngoài ra bản thân các bị cáo không được hưởng lợi trực tiếp từ việc mua bán tê tê mà chỉ là người làm thuê, trong đó Đông là được chủ hàng người Miền Trung thuê nuôi nhốt tê tê và được trả công 30.000đ/kg; Cảnh được chủ hàng người Trung Quốc thuê nhận tê tê, còn Khởi, Bình, Kết, Hiếu làm thuê cho Đông, hưởng lương theo tháng. Với việc đánh giá rất chi tiết, thận trọng những tình tiết về nhân thân bị cáo, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ đối với các bị cáo, tác giả thấy rằng HĐXX đã quyết định các bị cáo với mức hình phạt như đã nêu trên là chính xác và hợp lý.

Những năm qua, trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh, việc quyết định hình phạt đối với tội vi phạm quy định về bảo vệ động vật nguy cấp, quý, hiếm nhìn chung đã đạt kết quả tốt, đảm bảo tính răn đe, giáo dục riêng đối với bị cáo và đấu tranh phòng ngừa chung. Tuy nhiên bên cạnh đó vẫn còn có một số trường hợp quyết định hình phạt quá nặng hoặc quá nhẹ, gây giảm sút niềm tin vào sự công bằng, nghiêm minh đối với các phán quyết của Tòa án.

Xin nêu một vụ án sau đây là một ví dụ về việc quyết định hình phạt quá nặng: Tại bản án số 07/2017/HSPT ngày 19/01/2017 của TAND tỉnh Quảng Ninh có nội dung:

Ngày 23/7/2016, tại cửa khẩu Cha Lo, tỉnh Quảng Bình, Nguyễn Văn Toán mua 04 con Tê tê của một người đàn ông tên Tuấn không rõ rõ địa chỉ với giá 45.000.000đ; Ngày 24/7/2016, tại cửa khẩu Nậm Cắn, tỉnh Nghệ An, Trần Văn Năng mua 03 con Tê tê của một người Lào (không rõ tên tuổi, địa chỉ) với giá 33.500.000đ, Ngày 25/7/2016 Toán và Năng mang theo những con Tê tê đã mua nêu trên ra đón xe ô tô khách biển kiểm soát 14B-004.39 tại Ngã tư Cầu Giát, thị trấn Cầu Giát, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An đi ra thành phố Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh tiêu thụ. Đến khoảng 01 giờ 30 phút, ngày 26/7/2016, khi xe ô tô biển kiểm soát 14B-004.39 đi đến khu vực Km90, Quốc lộ 18A, thuộc khu vực Lâm Sinh II, phường Minh Thành, thị xã Quảng Yên, tỉnh Quảng Ninh thì bị Tổ tuần tra kiểm soát giao thông 1-18 phòng Cảnh sát giao thông tỉnh Quảng Ninh kiểm tra, thu

giữ 07 con Tê tê của Toán và Năng nêu trên. Tại bản kết luận giám định số 607/STTNSV ngày 26/7/2016 của Viện sinh thái và tài nguyên sinh vật, thuộc Viện Hàn lâm khoa học và công nghệ Việt Nam kết luận 03 cá thể động vật thu giữ của Trần Văn Năng và 04 cá thể động vật thu giữ của Nguyễn Văn Toán là loài Tê tê java có tên khoa học là *Manis javanica*, thuộc Phụ lục I, Danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ, ban hành kèm theo Nghị định 160/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Chính phủ. Tại cơ quan điều tra, Toán và Năng còn khai trước thời điểm bị bắt khoảng 01 tháng, tại cửa khẩu Cha Lo, Toán mua 03 con Tê tê của một người không rõ tên tuổi với giá 35.000.000đ, sau đó mang ra Móng Cái bán cho một người tên Kiên không rõ địa chỉ với giá 42.000.000đ; Năng mua tại cửa khẩu Nậm Cắn 02 con Tê tê của một người không quen biết với giá 15.000.000đ, sau đó bán lại cho người Trung Quốc không rõ địa chỉ tại thành phố Móng Cái với giá 19.500.000đ. Với nội dung hành vi nêu trên, tại bản án số 43/2016/HSST ngày 15/11/2016, Hội đồng xét xử TAND thị xã Quảng Yên, tỉnh Quảng Ninh đã áp dụng khoản 1 Điều 190 BLHS năm 1999, xử phạt Nguyễn Văn Toán 09 tháng tù; xử phạt Trần Văn Năng 06 tháng tù về tội “Vi phạm các quy định về bảo vệ động vật thuộc danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ”.

Sau khi xét xử sơ thẩm, Trần Văn Năng và Nguyễn Văn Toán có đơn kháng cáo xin hưởng án treo. Tại bản án phúc thẩm, Hội đồng xét xử nhận định: Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử và quyết định hình phạt đối với các bị cáo là có căn cứ. Tuy nhiên, các bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo xuất trình thêm tài liệu về việc lập công chuộc tội, có xác nhận của chính quyền địa phương. Xét thấy việc không bắt các bị cáo đi chấp hành hình phạt tù cũng không gây ảnh hưởng xấu đến cuộc đấu tranh phòng chống tội phạm. Do đó HĐXX đã chấp nhận kháng cáo, sửa án sơ thẩm, xử phạt Nguyễn Văn Toán 09 tháng tù cho hưởng án treo; xử phạt Trần Văn Năng 06 tháng tù, cho hưởng án treo [57].

Tác giả thấy rằng hành vi của các bị cáo thực hiện một cách độc lập, hành vi phạm tội đơn giản; số lượng động vật nguy cấp, quý hiếm (tê tê java) các bị cáo vận chuyển ra thành phố Móng Cái để bán là không lớn so với nhiều vụ án về tội vi

phạm quy định về bảo vệ động vật nguy cấp, quý, hiếm khác mà đối tượng phạm tội cũng là Tê tê java đã bị Tòa án Quảng Ninh xét xử; xét nhân thân các bị cáo thấy rằng các bị cáo đều có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, nhưng Tòa án cấp sơ thẩm đã quyết định hình phạt đối với Nguyễn Văn Toán 09 tháng tù và Trần Văn Năng 06 tháng tù là nghiêm khắc. Mặt khác, sau khi phạm tội, các bị cáo Toán và Năng còn lập công chuộc tội, được chính quyền địa phương xác nhận, chứng tỏ ý thức và khả năng tự cải tạo, giáo dục của các bị cáo và không cần thiết phải cách ly các bị cáo khỏi đời sống cộng đồng. Vì vậy HĐXX cấp phúc thẩm đã quyết định giữ nguyên mức hình phạt tù, nhưng cải biến pháp thi hành, cho các bị cáo được hưởng án treo là hoàn toàn chính xác, đảm bảo tính nghiêm minh, nhưng vẫn đảm bảo tính giáo dục và phòng ngừa tội phạm.

Mục đích của hình phạt không chỉ nhằm răn đe, trừng trị, mà còn nhằm mục đích giáo dục phòng ngừa. Việc quyết định hình phạt quá nặng thì hình phạt mới chỉ được chú trọng vào mục đích trừng trị, còn mục đích giáo dục sẽ bị xem nhẹ. Nếu quyết định hình phạt quá nhẹ thì tính răn đe, phòng ngừa của hình phạt sẽ không đảm bảo, dẫn đến tình trạng coi thường pháp luật. Vì vậy, quyết định hình phạt đúng không chỉ để răn đe, giáo dục riêng đối với người phạm tội mà còn giáo dục và phòng ngừa chung, góp phần củng cố niềm tin của nhân dân vào công lý, niềm tin vào pháp luật, góp phần giáo dục, động viên toàn xã hội tích cực tham gia đấu tranh phòng, chống tội phạm.

Vụ án sau đây là một ví dụ về việc quyết định hình phạt quá nhẹ: Tại Bản án số 245/2016/HSST ngày 14/12/2016 của TAND thành phố Hạ Long, Quảng Ninh có nội dung:

Trần Quốc Toàn quen biết với Hoàng Văn Hiến từ trước, khoảng tháng 5/2016, Hiến trao đổi thuê Toàn vận chuyển Tê tê từ Nghệ An đến thành phố Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh với giá 22.000.000đ/chuyến, tiền công trả sau khi giao hàng xong. Toàn có trách nhiệm giao Tê tê cho A Quyền là người Trung Quốc, Toàn đồng ý. Toàn thuê chiếc xe ô tô nhãn hiệu THACO biển kiểm soát (BKS) 14C-131.87 của em họ Toàn là Mai Văn Vũ nói là kinh doanh vận tải, sau khi nhận xe, Toàn chế thêm 01 khoang kín trên thùng xe. Sau đó Toàn thuê Nguyễn Đức Cường

và Hoàng Văn Tuấn lái xe vận chuyển Tê tê cho Toàn với tiền công lái xe là 10.000.000đ/tháng. Hồi 00 giờ 15 phút ngày 04/8/2016, tại Km103 Quốc lộ 18A thuộc phường Đại Yên, thành phố Hạ Long, tổ công tác thuộc Cục Cảnh sát giao thông Bộ Công an phối hợp với Phòng Cảnh sát giao thông đường bộ, đường sắt và Phòng Cảnh sát kinh tế Công an tỉnh Quảng Ninh kiểm tra phát hiện, bắt quả tang trên xe ô tô tải BKS 14C-131.87 do Nguyễn Đức Cường điều khiển và Hoàng Mạnh Tuấn đi cùng xe, chở 53 cá thể động vật tê tê còn sống có trọng lượng 310kg. Tê tê Java, có tên khoa học là *Manis javanica*, thuộc Phụ lục I, Danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ ban hành kèm theo Nghị định số 160/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Chính phủ. Quá trình điều tra, Toàn, Cường và Tuấn còn khai tháng 6 và tháng 7/2016 Toàn, Cường và Tuấn đã 2 lần nhận vận chuyển thuê tê tê cho Hiến từ Nghệ An ra Móng Cái giao cho A Quyền. Sáng ngày 02/8/2016, Toàn nhận điện thoại của Hiến nói đi chở Tê tê tiếp, nên Toàn gọi điện thoại cho Cường bảo đón Tuấn đi chở tê tê. Tuấn và Cường đến nhà Hiến ở Nghệ An nhận Tê tê, sau đó quay về Quảng Ninh. Vào hồi 00 giờ 15 phút ngày 04/8/2016 khi đi đến phường Đại Yên, thành phố Hạ Long thì bị bắt giữ cùng tang vật. Riêng Hoàng Văn Hiến sau sự việc bị phát hiện đã bỏ trốn. Với nội dung vụ án như nêu trên, Hội đồng xét xử nhận định về vai trò của các bị cáo trong vụ án như sau: *“Đây là vụ án đồng phạm giản đơn, các bị cáo không có bàn bạc từ trước, bị cáo Toàn là người nhận việc, thuê Cường và Tuấn chở hàng thuê nên giữ vai trò đầu phải chịu hình phạt cao hơn. Bị cáo Cường và Tuấn đều chở thuê cho Toàn nên chịu hình phạt tương xứng với hành vi của mình”*. Trên cơ sở đánh giá nội dung vụ án, đánh giá tính chất mức độ, vai trò của các bị cáo cũng như các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ của từng bị cáo, HĐXX đã xử phạt Trần Quốc Toàn 30 tháng tù cho hưởng án treo, Nguyễn Đức Cường 27 tháng tù cho hưởng án treo; Hoàng Mạnh Tuấn 24 tháng tù cho hưởng án treo về tội “Vi phạm các quy định về bảo vệ động vật thuộc danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ” theo khoản 1 Điều 190 BLHS năm 1999 [56].

Trong vụ án này HĐXX xác định bị cáo Toàn với vai trò đầu vụ còn các bị cáo Cường và Tuấn xếp sau là chính xác. Tuy nhiên, theo tác giả, riêng đối với bị cáo Toàn cần phải xem xét thêm về tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội mà bị

cáo Toàn đã thực hiện, bởi lẽ, Toàn móc nối tìm nguồn hàng, nhận lời vận chuyển thuê cho Hiến, thuê xe ô tô để thực hiện việc chở Tê tê, chủ động lắp thêm khoang kín trên xe ô tô mục đích là để chuyên chở hàng cấm, Toàn thuê Cương và Tuấn trực tiếp điều khiển xe ô tô di chuyển quãng đường rất dài, từ Móng Cái, Quảng Ninh vào Nghệ An để nhận tê tê sau đó lại quay lại Móng Cái để giao hàng cho đối tượng A Quyền người Trung Quốc. Toàn thực hiện tội phạm với vai trò chủ mưu, khởi xướng, có sự chuẩn bị công cụ, phương tiện phạm tội, có dự mưu, trực tiếp điều hành toàn bộ mọi hoạt động giao, nhận, vận chuyển hàng và thanh toán tiền công cho Cương và Tuấn. Còn đối với Cương và Tuấn đã tham gia đồng phạm với vai trò thực hành nên thực tế chỉ là người làm thuê cho Toàn mà thôi. Nhưng Hội đồng xét xử nhận định về hành vi của các bị cáo là *“đồng phạm giản đơn, các bị cáo không có bàn bạc từ trước, Toàn là người nhận việc còn Cương và Tuấn là người làm thuê”* như đã nêu trên là sơ sài, chưa đánh giá đúng tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi mà bị cáo Toàn đã thực hiện so với bị cáo Cương và Tuấn. Việc đánh giá đúng vai trò của từng bị cáo có giá trị rất quan trọng, hoạt động này góp phần đánh giá đúng mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi tội phạm của từng bị cáo, qua đó phân hóa chính xác vai trò của từng bị cáo để làm cơ sở cá thể hóa hình phạt, đảm bảo tính công bằng, nghiêm minh và khách quan.

Tóm lại, hình phạt Tòa án áp dụng đối với các bị cáo bị xét xử về tội vi phạm quy định về bảo vệ động vật nguy cấp, quý, hiếm cơ bản tương xứng với tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, đáp ứng được yêu cầu đấu tranh phòng chống tội phạm trong tình hình hiện nay. Khi quyết định hình phạt, HĐXX cần cân nhắc kỹ lưỡng, đánh giá thận trọng, toàn diện các tình tiết vụ án, ngoài xem xét các yếu tố cấu thành tội phạm để định tội danh định tội danh, khi quyết định hình phạt, HĐXX phải xem xét toàn diện các yếu tố tăng nặng, giảm nhẹ TNHS, cũng như phải đánh giá các yếu tố khác như thành phần dân tộc, tôn giáo, hoàn cảnh gia đình, sự thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, yếu tố lập công chuộc tội hoặc bản thân người phạm tội là người có công, là cha, mẹ, vợ, chồng, con của Liệt sĩ ... để đánh giá khả năng cải tạo giáo dục bị cáo thành công dân tốt, giúp cho các bị cáo có cơ hội sửa chữa lỗi lầm.

Tiểu kết Chương

Thời gian qua, tại Quảng Ninh, các vụ án về tội vi phạm quy định về bảo vệ động vật nguy cấp, quý, hiếm đã giải quyết mặc dù chiếm tỉ lệ không cao trong tổng số các vụ án đã giải quyết, nhưng tính chất, mức độ của loại tội phạm này ngày càng càng tinh vi và phức tạp. Tại Chương 2, tác giả đã tập trung nghiên cứu và đề cập khá toàn diện về thực tiễn định tội danh và quyết định hình phạt đối với tội vi phạm quy định về bảo vệ động vật nguy cấp, quý, hiếm tại tỉnh Quảng Ninh, chỉ ra những vướng mắc bất cập của pháp luật cũng như những sai sót trong quá trình áp dụng pháp luật của các cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng qua thực tiễn xét xử tội vi phạm quy định về bảo vệ động vật nguy cấp, quý, hiếm. Vì vậy, khi nghiên cứu, giải quyết các vụ án này, các cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng cần phải có nhận thức đúng và đầy đủ các yếu tố cấu thành tội phạm để định tội danh và quyết định hình phạt một cách chính xác, khách quan, đảm bảo không xét xử oan người vô tội, góp phần đấu tranh phòng và chống tội phạm đối với tội vi phạm quy định về bảo vệ động vật nguy cấp, quý, hiếm một cách có hiệu quả.

Chương 3

MỘT SỐ BIỆN PHÁP BẢO ĐẢM ÁP DỤNG ĐÚNG TỘI VI PHẠM QUY ĐỊNH VỀ BẢO VỆ ĐỘNG VẬT NGUY CẤP, QUÝ, HIẾM

3.1. Biện pháp hoàn thiện pháp luật hình sự

Trước tình hình tội phạm vi phạm quy định về bảo vệ động vật nguy cấp, quý, hiếm diễn ra ngày một phức tạp và tinh vi, trong khi pháp luật về bảo vệ động vật nguy cấp, quý hiếm của Việt Nam còn nằm rải rác trong nhiều văn bản quy phạm pháp luật chuyên ngành; các quy định pháp luật hiện hành cũng còn nhiều thiếu và chưa phù hợp; BLHS năm 2015 đã có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2018, trong đó Tội vi phạm quy định về bảo vệ động vật nguy cấp, quý, hiếm đã có nhiều sửa đổi, bổ sung, tuy nhiên qua nghiên cứu thấy có một số tồn tại cần được sửa đổi, bổ sung như sau:

- *Thứ nhất:* Khoản 1 Điều 244 BLHS năm 2015 đã bỏ hình phạt “cải tạo không giam giữ”, chỉ giữ lại hình phạt tiền và hình phạt tù, đồng thời sửa theo hướng tăng nặng thêm với mức hình phạt tiền đến 2.000.000.000 đồng và mức hình phạt tù đến 05 năm. Theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 9 BLHS năm 2015 thì đây là tội phạm nghiêm trọng. Như đã phân tích tại điểm 1.1.2.3, Mục 1, Chương 1 của Luận văn, trong số chủ thể của tội vi phạm quy định về bảo vệ động vật nguy cấp, quý, hiếm có chủ thể là người từ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi, nên khi quyết định hình phạt cần phải tuân theo Chương XII – Những quy định đối với người dưới 18 tuổi phạm tội. Như chúng ta đều biết, người dưới 18 tuổi phạm tội phạm tội là đối tượng đặc biệt, được Nhà nước chú trọng bảo vệ, vì họ chưa phát triển một cách hoàn thiện về tâm sinh lý. Hành vi của họ thực hiện trên thực tế có tính nguy hiểm thấp hơn so với hành vi của người từ đủ 18 tuổi thực hiện. Theo quy định tại Điều 98 BLHS năm 2015 – Các hình phạt được áp dụng đối với người 18 tuổi gồm có: Cảnh cáo, Phạt tiền, Cải tạo không giam giữ và tù có thời hạn. Đối chiếu với loại hình phạt quy định tại Điều 244 tội Vi phạm quy định về bảo vệ động vật nguy cấp, quý, hiếm thấy có chỉ 2 loại hình phạt được áp dụng đối với người từ đủ 16 đến dưới 18 tuổi thực hiện tội phạm này, đó là hình phạt tiền và hình phạt tù. Theo quy

định tại Điều 99 BLHS năm 2015 *“Hình phạt tiền được áp dụng là hình phạt chính đối với người từ đủ 16 đến dưới 18 tuổi nếu người đó có thu nhập riêng hoặc tài sản riêng. Mức phạt tiền đối với người từ đủ 16 đến dưới 18 tuổi phạm tội không quá một phần hai mức tiền phạt mà điều luật quy định”* [43, tr. 72]. Như vậy, nếu trường hợp người từ đủ 16 đến dưới 18 tuổi phạm tội vi phạm quy định về bảo vệ động vật nguy cấp, quý, hiếm mà không thuộc trường hợp được miễn TNHS hoặc miễn hình phạt; không có tài sản để thi hành hình phạt tiền, đồng thời hành vi người phạm tội chưa đến mức phải áp dụng hình phạt tù thì Tòa án sẽ rất khó khi quyết định hình phạt cụ thể đối với người phạm tội. Hơn nữa, tại khoản 1 Điều 36 BLHS năm 2015 quy định về điều kiện để được áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ là: *“Cải tạo không giam giữ được áp dụng từ 06 tháng đến 03 năm đối với người phạm tội ít nghiêm trọng, phạm tội nghiêm trọng do Bộ luật này quy định mà đang có nơi làm việc ổn định hoặc có nơi cư trú rõ ràng nếu xét thấy không cần thiết phải cách ly người phạm tội khỏi xã hội”* [43, tr. 26].

Mặt khác, qua thực tiễn xét xử, thấy rằng người phạm tội thực hiện hành vi vi phạm quy định về bảo vệ động vật nguy cấp, quý, hiếm, đa phần là người lao động, làm thuê, không có nghề nghiệp và thu nhập ổn định; có điều kiện, hoàn cảnh kinh tế rất khó khăn, trong khi mức phạt tiền tại khoản 1 Điều 244 BLHS năm 2015 quy định hình phạt tiền từ 500.000.000 đồng đến 2.000.000.000 đồng. Với mức phạt tiền cao như vậy sẽ không có tính khả thi, bởi lẽ: Tại khoản 3 Điều 35 BLHS năm 2015 quy định khi quyết định áp dụng hình phạt tiền *“có xem xét đến tình hình tài sản của người phạm tội”*. Nếu không áp dụng hình phạt tiền thì khi xét xử buộc phải áp dụng hình phạt tù *“từ 01 năm đến 05 năm”* đối với người phạm tội, việc áp dụng hình phạt tù như vậy sẽ là quá nghiêm khắc đối với người phạm tội. Hơn nữa, việc áp dụng hình phạt tù quá nhiều sẽ tạo thêm gánh nặng cho xã hội, không phù hợp với quan điểm của Đảng tại Nghị quyết số 48-NQ/TW ngày 24/5/2005 của Bộ Chính trị về chiến lược xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật Việt Nam đến năm 2010, định hướng đến năm 2020: *“Hoàn thiện chính sách hình sự, bảo đảm yêu cầu đề cao hiệu quả phòng ngừa; hạn chế hình phạt tử hình, giảm hình phạt tù, mở rộng áp dụng hình phạt tiền; cải tạo không giam giữ đối với các loại tội ít nghiêm*

trọng” [18].

Vì lẽ đó, tác giả đề xuất nên sửa đổi, bổ sung Điều 244 theo hướng quy định bổ sung thêm hình phạt “*cải tạo không giam giữ*” với thời gian từ 06 tháng đến 03 năm trong cơ cấu loại hình phạt của Điều luật, để đảm bảo thuận lợi trong việc áp dụng và quyết định hình phạt cũng như góp phần nâng cao tính nhân văn trong pháp luật hình sự Việt Nam.

- *Thứ hai*: Tại điểm b khoản 1 Điều 244 quy định: “... buôn bán trái phép cá thể, bộ phận cơ thể không thể tách rời sự sống hoặc *sản phẩm* của loài động vật quy định tại điểm a khoản này”, tức là trong số các đối tượng mà tội phạm hướng đến quy định trong khoản 1 có “*sản phẩm*” của động vật nguy cấp, quý, hiếm; Đối chiếu với quy định tại điểm a khoản 2 điều 244, thì về số lượng động vật đã được định lượng tối thiểu để truy cứu TNHS tại điểm a khoản 1 Điều 244 là từ 1 đến 2 động vật lớp thú, đó là từ 1 đến 6 động vật lớp chim thuộc Danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ hoặc từ 1 đến 9 cá thể động vật lớp khác. Tuy nhiên đối với “*sản phẩm*” của động vật nguy cấp, quý, hiếm thì Điều 244 lại không quy định về *số lượng, khối lượng* hay *giá trị* của *sản phẩm* để làm định lượng cơ sở truy cứu TNHS.

Mặt khác, tại khoản 1 Điều 244 có quy định về hành vi tàng trữ, vận chuyển, buôn bán *sản phẩm* của động vật nguy cấp, quý, hiếm. Nhưng tại khoản 2 và khoản 3 của Điều 244 không quy định về nội dung tăng nặng định khung về hành vi tàng trữ, vận chuyển, buôn bán *sản phẩm* có nguồn gốc từ động vật nguy cấp, quý, hiếm. Điều luật quy định như vậy có thể hiểu là nếu người phạm tội thực hiện hành vi tàng trữ, vận chuyển, buôn bán trái phép *sản phẩm* của động vật nguy cấp, quý, hiếm với khối lượng bất kỳ thì cũng chỉ có thể truy cứu TNHS theo khoản 1 Điều 244 BLHS. Việc quy định như vậy là thiếu, không chặt chẽ và sẽ dẫn đến tình trạng bỏ lọt tội phạm.

Hơn nữa, tại điểm c khoản 1; điểm d khoản 2 và điểm d khoản 3 Điều 244 BLHS năm 2015 đều có quy định về khối lượng làm cơ sở tính để truy cứu TNHS đối với ngà voi, sừng tê giác bị xâm phạm. Nhưng đối với các bộ phận cơ thể hoặc sản phẩm của các loài động vật khác hoặc của chính loài voi, loài tê giác thì Điều

luật chưa định lượng để làm cơ sở truy cứu TNHS. Việc quy bộ phận cơ thể hoặc sản phẩm từ động vật nguy cấp, quý, hiếm thành giá trị trên cơ sở định giá đối với trị giá tang vật vi phạm sẽ góp phần tháo gỡ vướng mắc của Điều luật và góp phần áp dụng thống nhất trên phạm vi cả nước.

Việc định giá đối với các bộ phận cơ thể hoặc sản phẩm của loài động vật nguy cấp, quý, hiếm cũng như bộ phận cơ thể hoặc sản phẩm của các loài động vật thuộc lớp khác còn làm cơ sở để truy cứu TNHS đối với những hành vi liên quan khác như: tội cướp tài sản (Điều 168); tội cưỡng đoạt tài sản (Điều 170); tội cướp giết tài sản (Điều 171); tội trộm cắp tài sản (Điều 173); tội tham ô tài sản (Điều 353); tội nhận hối lộ (Điều 354); tội lạm dùng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản (Điều 355) ... khi tài sản bị chiếm đoạt hoặc tài sản dùng vào việc phạm tội là bộ phận cơ thể hoặc sản phẩm của động vật nguy cấp, quý, hiếm. Bởi lẽ những tội này đều quy định trị giá tài sản để định tội và định khung hình phạt. Hơn nữa, việc định giá không phải để phát mại, lưu thông trên thị trường mà làm cơ sở xử lý vi phạm. Do đó, việc định giá còn góp phần xử lý chính xác và triệt để tất cả những hành vi liên quan đến động vật nguy cấp, quý, hiếm.

Để khắc phục tình trạng này, theo tác giả, nên quy định tách “sản phẩm của động vật nguy cấp, quý, hiếm” ra khỏi điểm b và định lượng bằng trị giá sản phẩm để truy cứu TNHS và tác giả đề xuất giá trị sản phẩm làm cấu thành cơ bản tại khoản 1 Điều 244 với giá trị khởi điểm từ 100.000.000 đồng và mức cao nhất tại điểm này là đến 300.000.000 đồng, tương đương với quy định về trị giá hàng hóa, tài sản vi phạm quy định tại các Điều 188 - Tội buôn lậu; Điều 189 - Tội vận chuyển trái phép hàng hóa, tiền tệ qua biên giới; Điều 190 - Tội sản xuất, buôn bán hàng cấm; Điều 191 - Tội tàng trữ, vận chuyển hàng cấm của BLHS năm 2015. Việc định giá đối với các bộ phận cơ thể hoặc sản phẩm của động vật nguy cấp, quý, hiếm thuộc diện hàng cấm được tiến hành theo Nghị định số 30/2018/NĐ-CP ngày 07/3/2018 của Chính phủ quy định chi tiết về việc thành lập, hoạt động của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự. Đồng thời quy định bổ sung các điểm mới, độc lập, tại khoản 2 và khoản 3 Điều 244 quy định về hành vi tàng trữ, vận chuyển, buôn bán *sản phẩm* có nguồn gốc từ động vật nguy cấp, quý hiếm.

Từ những phân tích trên, tác giả đề xuất nội dung sửa đổi, điểm b, e và g khoản 1, khoản 2 và khoản 3 Điều 244 được bổ sung và viết lại như sau:

“Điều 244. Tội vi phạm quy định về bảo vệ động vật nguy cấp, quý, hiếm:

1. Người nào vi phạm quy định về bảo vệ động vật thuộc Danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ hoặc Danh mục thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý hiếm Nhóm IB hoặc Phụ lục I của Công ước về buôn bán quốc tế các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp, thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tiền từ 500.000.000 đồng đến 2.000.000.000 đồng; *cải tạo không giam giữ từ 6 tháng đến 3 năm* hoặc bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm:

...

b) Tàng trữ, vận chuyển, buôn bán trái phép cá thể, bộ phận cơ thể không thể tách rời sự sống của loài động vật quy định tại điểm a khoản này;

...

e) Tàng trữ, vận chuyển, buôn bán trái phép sản phẩm của loài động vật thuộc Danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ hoặc Danh mục thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý hiếm Nhóm IB hoặc Phụ lục I của Công ước về buôn bán quốc tế các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp với giá trị từ 100.000.000 đồng đến 300.000.000 đồng;

g) Săn bắt, giết, nuôi, nhốt, vận chuyển, buôn bán trái phép động vật hoặc tàng trữ, vận chuyển, buôn bán trái phép cá thể, bộ phận cơ thể không thể tách rời sự sống của động vật có số lượng dưới mức quy định tại các điểm c, d, đ hoặc sản phẩm của động vật có giá trị dưới mức quy định tại điểm e khoản này nhưng đã bị xử phạt vi phạm hành chính về các hành vi quy định tại Điều này hoặc đã bị kết án về tội này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm.

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 05 năm đến 10 năm:

...

l) Tàng trữ, vận chuyển, buôn bán trái phép sản phẩm của loài động vật thuộc trường hợp quy định tại điểm e khoản 1 Điều này với giá trị từ trên 300.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng.

3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 10 năm đến 15 năm:

...

e) *Tàng trữ, vận chuyển, buôn bán trái phép sản phẩm của loài động vật thuộc trường hợp quy định tại điểm e khoản 1 Điều này với giá trị trên 500.000.000 đồng*”.

3.2. Biện pháp hướng dẫn áp dụng pháp luật hình sự

BLHS năm 2015 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2018, trong đó tội vi phạm quy định về bảo vệ động vật nguy cấp, quý hiếm đã khắc phục nhiều bất cập, hạn chế của BLHS năm 1999, bước đầu đáp ứng được đòi hỏi của thực tiễn đấu tranh phòng chống tội phạm về động vật nguy cấp, quý, hiếm. Nhưng qua nghiên cứu thấy rằng vẫn còn nhiều nội dung còn định tính, chung chung. Để phát huy hơn nữa hiệu quả công tác đấu tranh ngăn chặn tội phạm này, đề nghị Hội đồng Thẩm phán TANDTC cần sớm ban hành Nghị quyết hướng dẫn áp dụng một số quy định đối với tội vi phạm quy định về bảo vệ động vật nguy cấp, quý, hiếm, trong đó tập trung một số nội dung như sau:

- Đề nghị giải thích các khái niệm còn đang vướng mắc:

Đối với khái niệm động vật nguy cấp, quý, hiếm: Do hiện nay đang tồn tại nhiều Danh mục động vật nguy cấp, quý hiếm, do nhiều ngành luật điều chỉnh như: Luật Bảo vệ và phát triển rừng năm 2004 với Nghị định 32/2006/NĐ-CP ngày 30/03/2006 của Chính phủ; Luật Đa dạng sinh học năm 2008 với Nghị định 160/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Chính phủ về tiêu chí xác định loài và chế độ quản lý loài thuộc Danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ; Thông tư 04/2017/BNNPTNT ngày 24/02/2017 của Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn về Danh mục các loài động vật, thực vật hoang dã quy định trong các Phụ lục của Công ước buôn bán quốc tế các loài động vật, thực vật hoang dã, nguy cấp; Luật Thủy sản năm 2017 với Danh mục các loài thủy sinh quý, hiếm có nguy cơ tuyệt chủng ở Việt Nam cần được ưu tiên bảo vệ, phục hồi và phát triển, thể hiện tại Văn bản hợp nhất số 06/VBHN-BNNPTNT ngày 27/4/2015 của Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn. Mỗi danh mục lại có khái niệm theo những tiêu chí

về động vật nguy cấp, quý, hiếm khác nhau. Vì vậy để có khái niệm chung nhất và để áp dụng thống nhất khi xử lý hành vi vi phạm quy định về bảo vệ động vật nguy cấp, quý, hiếm, tác giả đề xuất giải thích khái niệm này như sau: *Động vật nguy cấp, quý, hiếm là tất cả các loài động vật, bao gồm động vật trên cạn, động vật thủy sản và các loài động vật khác, mà sự tồn tại của chúng là kết quả của quá trình chọn lọc tự nhiên và phát triển tự do, được quy định tại Danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ hoặc Danh mục động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm Nhóm IB theo quy định của Chính phủ hoặc Phụ lục I Công ước về buôn bán quốc tế các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp.*

Đối với khái niệm “Bộ phận cơ thể không thể tách rời sự sống”, tác giả đề xuất giải thích như sau: *Bộ phận cơ thể không thể tách rời sự sống là những bộ phận của cơ thể động vật quyết định sự tồn tại của mỗi cá thể, nếu những bộ phận này bị tách rời thì cá thể động vật sẽ chết, như tim, đầu, bộ da, bộ xương, buồng gan;*

Đối với khái niệm “Sản phẩm của động vật nguy cấp, quý, hiếm”, tác giả đề xuất giải thích như sau: *Sản phẩm của động vật nguy cấp, quý, hiếm là sản phẩm có nguồn gốc từ động vật nguy cấp, quý, hiếm như: trứng, sữa, tinh dịch, phôi động vật, huyết, lông, xương, sừng, ngà, móng hoặc các vật phẩm có nguồn gốc, thành phần từ các bộ phận của động vật nguy cấp, quý, hiếm đã qua chế biến như: thịt thành phẩm, nội tạng thành phẩm, cao nấu từ xương động vật, vật dụng làm từ da động vật, rượu ngâm động vật nguy cấp, quý, hiếm;*

- Đề nghị hướng dẫn truy cứu TNHS trong một số trường hợp cụ thể như:

Thứ nhất: Trường hợp truy cứu TNHS đối với người có hành vi tàng trữ cá thể, bộ phận cơ thể hoặc sản phẩm của loài động vật nguy cấp, quý, hiếm từ trước 0 giờ ngày 01/01/2018.

Thứ hai: Trường hợp truy cứu TNHS đối với người phạm tội có hành vi chiếm đoạt mà đối tượng bị chiếm đoạt cá thể, bộ phận cơ thể hoặc sản phẩm của loài động vật nguy cấp, quý, hiếm;

Thứ ba: Trường hợp thu giữ được nhiều loài động vật nguy cấp, quý, hiếm thuộc các lớp khác nhau, nhưng số lượng từng lớp động vật thu giữ được thấp hơn số lượng động vật quy định trong từng khoản của Điều 244 BLHS năm 2015.

Thứ tư: Trường hợp truy cứu TNHS đối với người có hành vi tàng trữ, vận chuyển, buôn bán sản phẩm của động vật nguy cấp, quý hiếm, mà trong thành phần hàm lượng nguyên liệu của sản phẩm đó chỉ có tỉ lệ phần trăm nhất định là động vật nguy cấp, quý, hiếm.

3.3. Biện pháp tổng kết thực tiễn xét xử và ban hành án lệ tội vi phạm quy định về bảo vệ động vật nguy cấp, quý, hiếm

Tổng kết công tác xét xử nói chung và tổng kết thực tiễn xét xử tội vi phạm quy định về bảo vệ động vật nguy cấp, quý, hiếm chính là việc rút kinh nghiệm trong thực tiễn ĐTD và quyết định hình phạt của Tòa án về tội vi phạm quy định về bảo vệ động vật nguy cấp, quý, hiếm, qua đó để đánh giá lại hoạt động xét xử, phát huy các bản án, quyết định đúng đắn, chính xác, có tính mẫu mực để các đồng nghiệp học tập, đồng thời tìm ra những bản án, quyết định đã ban hành nhưng chưa chính xác về tội danh; mức hình phạt không phù hợp, hoặc còn có những sai lầm trong đánh giá chứng cứ, trong việc lựa chọn quy phạm pháp luật để áp dụng. Trên cơ sở đó đưa ra những đánh giá về năng lực, trình độ của người THPT; đánh giá về sự đúng đắn và phù hợp của các quy phạm pháp luật sau khi được áp dụng trong thực tiễn, từ đó tìm ra những quy phạm pháp luật nào phát huy tác dụng tốt; những quy phạm pháp luật nào còn mang tính chung chung, trừu tượng khó thực hiện; những quy phạm pháp luật nào quy định quá cụ thể, cứng nhắc không đáp ứng được yêu cầu của cuộc sống xã hội; tìm ra nguyên nhân và đề ra giải pháp khắc phục thích hợp. Để làm được điều này, Tòa án các cấp cần luôn coi trọng công tác tổng kết thực tiễn và hướng dẫn áp dụng pháp luật trong công tác xét xử; chú trọng công tác kiểm tra giải quyết án của cấp dưới. Thông qua hoạt động này để kịp thời phát hiện những sai phạm cũng như những vướng mắc, bất cập cần tháo gỡ.

Bên cạnh đó, hiện nay, hệ thống pháp luật của Nhà nước ta vẫn đang được tiếp tục hoàn thiện, trong khi thực tiễn rất đa dạng, phong phú, luôn biến đổi không ngừng và pháp luật chưa kịp sửa đổi, bổ sung. Do vậy Nhà nước ta chủ trương ban

hành và áp dụng án lệ là chủ trương đúng và cần thiết. Tại Nghị quyết số 49-NQ/TW ngày 02/6/2005 “Về chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020” xác định: “Tòa án nhân dân tối cao có nhiệm vụ tổng kết kinh nghiệm xét xử, hướng dẫn áp dụng pháp luật, phát triển án lệ và xét xử giám đốc thẩm, tái thẩm” [19].

Để cụ thể hóa chủ trương trên, ngày 28/10/2015, Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao đã ban hành Nghị quyết số 03/2015/NQ-HĐTP về Quy trình lựa chọn, áp dụng và công bố án lệ với khái niệm như sau: “Án lệ là những lập luận, phán quyết trong bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật của Tòa án về một vụ việc cụ thể được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao lựa chọn và được Chánh án Tòa án nhân dân Tối cao công bố là án lệ” [45]. Án lệ được lựa chọn phải đáp ứng các tiêu chí: Chứa đựng lập luận để làm rõ quy định của pháp luật còn cách hiểu khác nhau, phân tích, giải thích các vấn đề, sự kiện pháp lý và chỉ ra nguyên tắc, đường lối xử lý, quy phạm pháp luật cần áp dụng trong một vụ việc cụ thể; Án lệ phải có tính chuẩn mực, có tính hướng dẫn áp dụng thống nhất pháp luật trong xét xử, bảo đảm những vụ việc có tình tiết, sự kiện pháp lý như nhau thì phải được giải quyết như nhau.

Bộ luật hình sự 2015 có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2018 nên còn rất nhiều vấn đề còn vướng mắc, cần được giải đáp kịp thời. Do đó, giải pháp ban hành và áp dụng án lệ để sử dụng làm nguồn luật là rất cần thiết để kịp thời giải thích những tồn tại, vướng mắc. Trong đó, tội vi phạm quy định về bảo vệ động vật nguy cấp, quý, hiếm cũng không phải là ngoại lệ, nên cũng rất cần được giải thích. Tính đến ngày 14/12/2017, HĐTP TANDTC mới ban hành được 16 án lệ về một số lĩnh vực nhưng trong đó không có án lệ nào về Tội vi phạm quy định về bảo vệ động vật nguy cấp, quý, hiếm. Rất mong trong thời gian tới đây HĐTP TANDTC sẽ ban hành án lệ về tội vi phạm quy định về bảo vệ động vật nguy cấp, quý, hiếm để các Tòa án địa phương tham khảo, áp dụng trong quá trình giải quyết.

3.4. Biện pháp nâng cao bản lĩnh chính trị và nâng cao trình độ, năng lực cho đội ngũ cán bộ áp dụng pháp luật

Nhìn chung, đội ngũ cán bộ, công chức Tòa án các cấp hiện nay, nhất là cán bộ có chức danh tư pháp đều đã được đào tạo cơ bản về chuyên môn nghiệp vụ và

kỹ năng nghề nghiệp; đa số có phẩm chất chính trị, đạo đức tốt, có tinh thần trách nhiệm cao trong công tác. Tuy nhiên, bên cạnh đó, vẫn còn một bộ phận cán bộ, Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân còn hạn chế về trình độ chuyên môn nghiệp vụ; tinh thần trách nhiệm trong công tác chưa cao;

Để khắc phục tình trạng này, TAND các cấp cần làm tốt công tác giáo dục chính trị, tư tưởng cho đội ngũ cán bộ công chức Tòa án gắn với việc tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng, ngăn chặn đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 4 (khóa XII) của Bộ Chính trị và tiếp tục đẩy mạnh việc học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh. Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng trong công tác đấu tranh phòng chống tội phạm nói chung và đấu tranh ngăn chặn những hành vi vi phạm quy định về bảo vệ động vật nguy cấp, quý, hiếm, tạo sự đồng thuận, chung tay của các cấp, các ngành, đoàn thể, các lực lượng chính trị xã hội trong việc bảo vệ động vật nguy cấp, quý, hiếm; bảo vệ môi trường thiên nhiên, bảo vệ sự bền vững của đa dạng sinh học.

Đối với đội ngũ cán bộ Tòa án, TANDTC cần làm tốt công tác tuyển chọn, đào tạo và đào tạo lại; Tổ chức thi tuyển các chức danh Thẩm phán, Thư ký, Thẩm tra viên; thường xuyên bồi dưỡng nâng cao về chuyên môn nghiệp vụ, trình độ lý luận chính trị, ngoại ngữ, tin học cho cán bộ, công chức Tòa án. Tổ chức các lớp tập huấn kỹ năng xét xử nói chung và kỹ năng nghiên cứu, xét xử tội vi phạm quy định về bảo vệ động vật nguy cấp, quý, hiếm nói riêng; Cập nhật, công bố các bản án về tội vi phạm quy định về bảo vệ các loài động vật nguy cấp, quý, hiếm trên cổng thông tin điện tử của Tòa án để mọi người cùng học tập, chia sẻ kinh nghiệm khó khăn, vướng mắc trong quá trình xét xử đối với loại tội phạm này.

Bên cạnh đó, TANDTC cũng cần có chế độ tiền lương và các chế độ đãi ngộ khác, bảo đảm điều kiện vật chất cho hoạt động của Thẩm phán, giúp cho Thẩm phán yên tâm công tác; Đồng thời có chế độ khen thưởng công minh, kỷ luật kịp thời để nâng cao trách nhiệm cá nhân của Thẩm phán.

Đối với đội ngũ Hội thẩm nhân dân, các Tòa án địa phương cần phối hợp với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng cấp chuẩn bị nhân sự, lựa chọn những

người có đạo đức trong sáng, có bản lĩnh chính trị vững vàng, có năng lực trình độ và kiến thức pháp lý tốt và giới thiệu để Hội đồng nhân dân bầu làm Hội thẩm. Tòa án cũng cần thường xuyên tổ chức các lớp tập huấn nghiệp vụ, tập huấn kiến thức pháp luật, kỹ năng xét xử cho Hội thẩm nhân dân. Khi được phân công tham gia HĐXX, Hội thẩm nhân dân cần dành thời gian thích đáng để nghiên cứu hồ sơ, để khi xét xử, Hội thẩm sẽ chủ động cùng với Thẩm phán chủ tọa phiên tòa đưa ra những phán quyết công minh, khách quan, đúng pháp luật, tạo được niềm tin trong nhân dân;

3.5. Biện pháp tăng cường phối hợp giữa các cơ quan chức năng

Các cơ quan THTT cần chú trọng công tác phối hợp trong điều tra, truy tố, xét xử tội phạm về động vật nguy cấp, quý, hiếm; chú trọng công tác tổng kết, xác định tuyến, địa bàn, đối tượng trọng điểm; tập trung các cửa ngõ như cửa khẩu hàng không, cảng biển, đường bộ quốc tế, đường mòn, bờ sông khu vực biên giới để phát hiện và đấu tranh ngăn chặn kịp thời các tụ điểm buôn bán trái phép động vật nguy cấp, quý, hiếm cũng như các mẫu vật, sản phẩm của các loài động vật này ở khu vực biên giới cũng như trong nội địa; Đẩy nhanh tiến độ điều tra, truy tố và xét xử kịp thời các vụ án tội vi phạm quy định về bảo vệ động vật nguy cấp, quý, hiếm. Phối hợp chặt chẽ với các lực lượng chức năng: Hải quan, Kiểm lâm, Cảnh sát biển, Bộ đội biên phòng, An ninh hàng không, Cơ quan quản lý CITES Việt Nam, INTERPOL, ... để kịp thời trao đổi thông tin về các đối tượng, đường dây, tổ chức có biểu hiện hoạt động mua bán, vận chuyển, xuất khẩu, nhập khẩu, tạm nhập tái xuất, quảng cáo, tiêu dùng trái phép mẫu vật động vật nguy cấp, quý, hiếm.

3.6. Biện pháp tuyên truyền giáo dục

Người Việt Nam có thói quen tiêu thụ các loài động vật nguy cấp, quý, hiếm như ngâm rượu động vật để uống; chế biến thành thực phẩm; chế tác vật phẩm có nguồn gốc từ các loài thú quý, hiếm như hổ, báo, gấu ... để trưng bày làm cảnh; làm đồ trang sức; chế biến làm thuốc trong đông y như sử dụng mật gấu để xoa bóp, mài sừng tê giác để uống ... Chính những thói quen trong sinh hoạt này ít nhiều đã cổ súy và góp phần thúc đẩy các hoạt động săn bắt, buôn bán, giết, vận chuyển các loài động vật nguy cấp, quý hiếm. Bên cạnh đó, Quảng Ninh là địa bàn tiếp giáp với

Trung Quốc – một trong những quốc gia được coi là có tình trạng tiêu thụ động vật nguy cấp, quý, hiếm lớn nhất thế giới, nên Quảng Ninh còn là địa bàn tập kết, trung chuyển các loài động vật nguy cấp quý hiếm và các sản phẩm của các loài này sang Trung Quốc. Do đó để nâng cao hiệu quả công tác xét xử tội vi phạm quy định về bảo vệ động vật nguy cấp, quý, hiếm, trước hết cần làm tốt công tác tuyên truyền giáo dục ý thức pháp luật trong nhân dân, vận động nhân dân không tiêu thụ cũng như không có các hành vi giúp sức cho các hoạt động săn bắt, giết, tàng trữ, vận chuyển, buôn bán trái phép động vật nguy cấp, quý hiếm. Đồng thời vận động nhân dân luôn nâng cao cảnh giác, phát hiện, đấu tranh, tố giác các hành vi vi phạm pháp luật về bảo vệ động vật nguy cấp quý, hiếm để kịp thời ngăn chặn và xử lý những hành vi này.

Tiểu kết Chương

Trên cơ sở tổng kết thực tiễn xét xử tội vi phạm quy định về bảo vệ động vật nguy cấp, quý, hiếm tại Quảng Ninh, tác giả đã đánh giá những mặt tích cực, chỉ ra những tồn tại cần khắc phục khi định tội danh và quyết định hình phạt đúng tội vi phạm quy định về bảo vệ động vật nguy cấp, quý, hiếm theo pháp luật hình sự Việt Nam, từ đó đề xuất một số biện pháp nâng cao hiệu quả xét xử tội vi phạm quy định về bảo vệ động vật nguy cấp, quý, hiếm như biện pháp hoàn thiện pháp luật hình sự; Biện pháp hướng dẫn áp dụng pháp luật; biện pháp tổng kết thực tiễn xét xử và ban hành án lệ; Biện pháp nâng cao bản lĩnh chính trị và nâng cao trình độ, năng lực cho đội ngũ cán bộ áp dụng pháp luật; Tăng cường công tác phối hợp giữa các cơ quan chức năng; Biện pháp tuyên truyền giáo dục, góp phần đấu tranh phòng chống tội phạm và vi phạm pháp luật về bảo vệ động vật nguy cấp, quý, hiếm trong giai đoạn hiện nay.

KẾT LUẬN

Sau khi nghiên cứu đề tài “Tội vi phạm quy định về bảo vệ động vật nguy cấp, quý, hiếm từ thực tiễn tỉnh Quảng Ninh” tác giả rút ra được những nhận thức sau:

Trước tình trạng săn bắt, mua bán, vận chuyển và tiêu thụ động vật nguy cấp, quý, hiếm dẫn đến nguồn động vật nguy cấp, quý, hiếm ngày càng cạn kiệt, nhiều loài đã và đang có nguy cơ tuyệt chủng gây ảnh hưởng đến sự bền vững của môi trường sinh thái và sự đa dạng sinh học, ảnh hưởng đến hình ảnh của Việt Nam trong việc thực hiện những cam kết quốc tế về bảo vệ động vật nguy cấp, quý, hiếm. Việc bảo vệ đa dạng sinh học, bảo vệ môi trường thiên nhiên bền vững là nhiệm vụ đặt ra đối với pháp luật hình sự. Trên cơ sở phân tích những dấu hiệu pháp lý đặc trưng của tội vi phạm quy định về bảo vệ động vật nguy cấp, quý, hiếm, cũng như lịch sử lập pháp đối với tội vi phạm quy định về bảo vệ động vật nguy cấp, quý, hiếm tại Chương 1, kết hợp với phân tích, đánh giá thực tiễn định tội danh và quyết định hình phạt tại Chương 2, cho thấy những quy định tại BLHS năm 2015 về bảo vệ động vật nguy cấp, quý, hiếm còn có những hạn chế, thiếu sót nhất định cần được sửa đổi, bổ sung. Trên cơ sở kết quả nghiên cứu, Học viên đề xuất một số biện pháp bảo đảm nâng cao hiệu quả xét xử tội vi phạm quy định về bảo vệ động vật nguy cấp, quý, hiếm, góp phần hoàn thiện và nâng cao hiệu quả xét xử tội phạm này.

Những nghiên cứu trong luận văn là kết quả của sự nỗ lực, cố gắng của học viên, sự giúp đỡ nhiệt tình và trách nhiệm của các Thầy giáo, Cô giáo trong Học viện, các nhà khoa học, các đồng nghiệp trong hệ thống Tòa án, đặc biệt là Người hướng dẫn khoa học - Tiến sĩ Nguyễn Trí Tuệ. Tuy nhiên, do điều kiện và khả năng nghiên cứu có hạn, luận văn không tránh khỏi những hạn chế, thiếu sót nhất định. Học viên rất mong được sự góp ý của các Thầy, Cô giáo, các nhà khoa học và các đồng nghiệp để luận văn được hoàn thiện hơn.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Ngọc Anh (2011), Đăng ký việc nuôi con nuôi thực tế, Tạp chí Dân chủ và Pháp luật, Số chuyên đề pháp luật về nuôi con nuôi, tr.132-138.
2. Nguyễn Văn Bình (2011), Luật Nuôi con nuôi sự quan tâm lớn của nhà nước và xã hội đối với trẻ em có hoàn cảnh, Tạp chí dân chủ và pháp luật, Số Chuyên đề pháp luật về nuôi con nuôi, tr.3-18.
3. Bộ Tư pháp, Tạp chí Dân chủ và Pháp luật (2011), Số chuyên đề Pháp luật về nuôi con nuôi, Hà Nội.
4. Bộ Tư pháp (2011), Thông tư số 12/2011/TT-BTP ngày 27 tháng 6 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc ban hành và hướng dẫn việc ghi chép, lưu trữ, sử dụng biểu mẫu nuôi con nuôi.
5. Bộ Tư pháp (2011), Thông tư số 21/2011/TT-BTP ngày 21 tháng 11 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc quản lý văn phòng con nuôi nước ngoài tại Việt Nam.
6. Bộ Tư pháp, Cục Kiểm soát thủ tục hành chính (2013), Sổ tay nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính, Nxb Tư pháp, Hà Nội.
7. Bộ Tư pháp (2014), Thông tư số 05/2014/TT-BTP ngày 07 tháng 02 năm 2014 của Bộ Tư pháp hướng dẫn công bố, niêm yết thủ tục hành chính và báo cáo về tình hình, kết quả thực hiện kiểm soát thủ tục hành chính.
8. Bộ Tư pháp (2014), Thông tư số 24/2014/TT-BTP ngày 29 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 12/2011/TT-BTP ngày 27 tháng 6 năm 2011 của Bộ Tư pháp về việc ban hành và hướng dẫn việc ghi chép, lưu trữ, sử dụng biểu mẫu nuôi con nuôi.
9. Bộ Tư pháp (2014), Thông tư số 15/2014/TT-BTP ngày 20 tháng 5 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn tìm gia đình thay thế ở nước ngoài cho trẻ em khuyết tật, trẻ em mắc bệnh hiểm nghèo, trẻ em từ 5 tuổi trở lên, hai trẻ em trở lên là anh chị em ruột cần tìm gia đình thay thế.
10. Bộ Tư pháp (2014), Tài liệu Hội nghị sơ kết 3 năm thi hành Luật Nuôi con nuôi và 02 năm thi hành Công ước Lahay 1993 về bảo vệ trẻ em và hợp tác trong lĩnh vực nuôi con nuôi quốc tế, Hà Nội.

11. Bộ Tư pháp (2016), Thông tư liên tịch số 03/2016/TTLT-BTP-BNG-BCA-BLĐTBXH ngày 22 tháng 02 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp, Công an, Ngoại giao và Lao động – Thương binh và Xã hội hướng dẫn theo dõi tình hình phát triển của trẻ em Việt Nam được cho làm con nuôi nước ngoài và bảo vệ trẻ em trong trường hợp cần thiết.
12. Bộ Tư pháp (2016), Thông tư số 267/2016/TT-BTP ngày 14 tháng 11 năm 2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác nuôi con nuôi và cấp, gia hạn, sửa đổi giấy phép hoạt động của tổ chức con nuôi nước ngoài tại Việt Nam.
13. Bộ Tư pháp, Cục Con nuôi (2016), Tài liệu Hội nghị tổng kết 05 năm thi hành Luật Nuôi con nuôi và 04 năm thi hành Nghị định số 19/2011/NĐ-CP ngày 21/3/2011 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Nuôi con nuôi, Hà Nội.
14. Bộ Tư pháp (2017), Quyết định số 643/QĐ-BTP ngày 05 tháng 05 năm 2017 của Bộ Tư pháp về việc công bố thủ tục hành chính được chuẩn hóa trong lĩnh vực nuôi con nuôi thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tư pháp.
15. Bộ Tư pháp (2017), Báo cáo số 01/BC-BTP ngày 03 tháng 01 năm 2017 của Bộ Tư pháp về tổng kết công tác tư pháp năm 2016 và phương hướng, nhiệm vụ và giải pháp công tác năm 2017.
16. Bộ Tư pháp (2018), Báo cáo số 01/BC-BTP ngày 02 tháng 01 năm 2018 của Bộ Tư pháp về tổng kết công tác tư pháp năm 2017 và phương hướng, nhiệm vụ và giải pháp công tác năm 2018.
17. Chính phủ (2010), Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính.
18. Chính phủ (2011), Nghị định số 19/2011/NĐ-CP ngày 21 tháng 3 năm 2011 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Nuôi con nuôi.
19. Chính phủ (2013), Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính.
20. Chính phủ (2016), Nghị định số 114/2016/NĐ-CP ngày 8 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định lệ phí đăng ký nuôi con nuôi, lệ phí cấp giấy phép hoạt động của tổ chức con nuôi nước ngoài.

21. Chính phủ (2017), Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính.
22. Công ước Lahay 1993 về bảo vệ trẻ em và hợp tác trong lĩnh vực nuôi con nuôi quốc tế.
23. Cục Con nuôi (2017), Báo cáo số 705 /CCN- VP ngày 26/11/2017 của Cục Con nuôi về kết quả công tác tư pháp năm 2017 và nhiệm vụ, giải pháp công tác năm 2018
24. Tô Đức (2016), Một số kiến nghị điều chỉnh pháp luật về trợ giúp xã hội đối với trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt ở Việt Nam hiện nay, Tạp chí nhân lực khoa học xã hội, Số 03 (34)/2015, tr.16-26.
25. Đào Hà (2011), Mục đích nuôi con nuôi, nguyên tắc giải quyết nuôi con nuôi, Tạp chí dân chủ và pháp luật, Số chuyên đề pháp luật về nuôi con nuôi, tr 27-36.
26. Nguyễn Phương Lan (2007), “Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về nuôi con nuôi theo quy định của pháp luật Việt Nam”, Luận án tiến sĩ luật học, Trường Đại học Luật Hà Nội.
27. Quốc hội (2010), Luật Nuôi con nuôi.
28. Quốc hội (2013), Hiến pháp.
29. Quốc hội (2015), Bộ luật Dân sự.
30. Quốc hội (2015), Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.
31. Trường Đại học Luật Hà Nội, (2010), Giáo trình Lý luận nhà nước và pháp luật, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.
32. Văn phòng Chính phủ (2017), Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính.
33. www.luatduonggia.vn (02/06/2014), “ Khái quát chung về thủ tục hành chính”.